

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **3362** /BTC-CT
V/v xin ý kiến dự thảo
Thông tư quy định hóa đơn
điện tử, chứng từ điện tử.

Hà Nội, ngày **20** tháng **3** năm 2026

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam;
- Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam;
- Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam;
- Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Ngày 10/12/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026.

Ngày 31/12/2025, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 2835/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10. Theo đó, Bộ Tài chính được giao chủ trì xây dựng Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

Bộ Tài chính trân trọng đề nghị Quý cơ quan, đơn vị đóng góp ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo Thông tư nêu trên.

Ý kiến xin gửi về Bộ Tài chính (Cục Thuế) để tổng hợp, hoàn thiện **trước** ngày **31/03/2026**.

(Bản mềm gửi về địa chỉ email: dchieu@gdt.gov.vn, ltctu@gdt.gov.vn, số điện thoại liên hệ: 0941.923.727).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý cơ quan, đơn vị 

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công pháp luật quốc gia (để đăng website);
- Công TTĐT Bộ Tài chính (để đăng website);
- Các Thuế tỉnh, thành phố (để tgyk);
- Các Ban, đơn vị - Cục Thuế (để tgyk);
- Lưu VT, CT (VT, CS).

12

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**




Cao Anh Tuấn

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.../TT-BTC

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng năm của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử;

Căn cứ Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử theo quy định tại khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và khoản 4 Điều 36 Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ, gồm:

1. Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; định dạng hóa đơn điện tử; ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử; xử lý hóa đơn điện tử đã lập; ký hiệu mẫu, ký hiệu và mẫu hóa đơn điện tử tham khảo; chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử; tiêu chí xác định người nộp thuế có rủi ro cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử; biện pháp khuyến khích người mua lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ và thực hiện khen thưởng người tiêu dùng tố giác người bán không lập và giao hóa đơn điện tử từ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán chi thường xuyên hằng năm theo quy định của pháp luật;

2. Việc đăng ký sử dụng chứng từ điện tử; định dạng chứng từ điện tử; xử lý chứng từ điện tử đã lập; ký hiệu mẫu, ký hiệu chứng từ điện tử và mẫu chứng từ điện tử tham khảo;

3. Các nội dung về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử gồm: Cung cấp, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử; hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Cổng thông tin điện tử; đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử để khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử; chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng hướng dẫn tại Thông tư này là tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 2 Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

Chương II

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Điều 3. Đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử

1. Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc đối tượng ngừng sử dụng hóa đơn theo quy định tại Điều 11 Thông tư này đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (bao gồm cả đăng ký hóa đơn điện tử bán tài sản công, hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia) thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế miễn phí dịch vụ, cơ quan thuế hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức, xử lý tài sản công theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì có thể đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thông qua Trang thông tin điện tử của Cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Cục Thuế ủy thác cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế miễn phí dịch vụ.

Trường hợp doanh nghiệp là tổ chức kết nối chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thông qua Trang thông tin điện tử của Cục Thuế.

Trường hợp tổ chức nước ngoài có hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ thông qua nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác đăng ký tự nguyện sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Thông tư này thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thông qua Trang thông tin điện tử dành cho nhà cung cấp ở nước ngoài của Cục Thuế.

Nội dung thông tin đăng ký theo Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Trang thông tin điện tử của Cục Thuế gửi thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-TNĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử đối với trường hợp tổ

chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

Trang thông tin điện tử của Cục Thuế gửi thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-TNĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế đối với trường hợp tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, tổ chức nước ngoài có hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ thông qua nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác tại Việt Nam đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trực tiếp tại Trang thông tin điện tử của Cục Thuế.

Trường hợp tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử:

a) Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký, Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tự động đối chiếu thông tin (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) của người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân đăng ký sử dụng hóa đơn giữa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thuế với dữ liệu tại Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc theo dữ liệu tại Hệ thống Định danh và xác thực điện tử. Trường hợp thông tin không khớp đúng, Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tự động gửi Thông báo không chấp nhận hồ sơ đăng ký hóa đơn điện tử và cung cấp các trường thông tin không khớp đúng cho người nộp thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo để người nộp thuế điều chỉnh thông tin đã kê khai hoặc liên hệ với cơ quan công an để điều chỉnh thông tin trong Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc Hệ thống Định danh và xác thực điện tử. Trường hợp thông tin khớp đúng, Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tự động gửi yêu cầu đề nghị người nộp thuế xác nhận qua địa chỉ thư điện tử, số điện thoại của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc người đại diện pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế, đăng ký doanh nghiệp. Người nộp thuế có trách nhiệm trả lời xác nhận ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo; trường hợp quá thời hạn mà người nộp thuế chưa xác nhận hoặc xác nhận không thành công, Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tự động gửi Thông báo không chấp nhận hồ sơ đăng ký hóa đơn điện tử cho người nộp thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo. Cơ quan thuế áp dụng công nghệ sinh trắc học trong việc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử phù hợp quy định pháp luật.

b) Trường hợp người nộp thuế đã xác nhận đúng thời hạn trên Trang thông tin điện tử của Cục Thuế và người nộp thuế không thuộc trường hợp: người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân đã từng hoặc đang là người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân khác mà người nộp thuế đó có trạng thái mã số thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, người nộp thuế ngừng hoạt động chưa đóng mã số thuế, người nộp thuế tạm ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế; người nộp thuế có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì trong thời hạn chậm nhất ngày làm việc tiếp

theo, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Trường hợp kết quả đối chiếu thông tin khớp đúng, người nộp thuế xác nhận trên Trang thông tin điện tử của Cục Thuế đúng thời hạn nhưng người nộp thuế thuộc trường hợp người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân đã từng hoặc đang là người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân khác mà người nộp thuế đó có trạng thái mã số thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, người nộp thuế ngừng hoạt động chưa đóng mã số thuế, người nộp thuế tạm ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế; người nộp thuế có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ; người nộp thuế rủi ro về thuế cao theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của người nộp thuế, cơ quan thuế ban hành thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu theo Mẫu số 01/TB-BSTT-NNT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho người nộp thuế hoặc cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện xác minh hoạt động thực tế tại địa chỉ đã đăng ký của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Người nộp thuế thực hiện giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu trong thời hạn 02 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung của cơ quan thuế.

d) Trường hợp cơ quan thuế chấp nhận thông tin giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu của người nộp thuế hoặc trường hợp kết quả xác minh người nộp thuế có hoạt động tại địa chỉ đăng ký thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp ban hành Thông báo chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của người nộp thuế. Trường hợp người nộp thuế không giải trình hoặc quá thời hạn quy định mà không giải trình được thông tin hoặc kết quả xác minh người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký thì chậm nhất ngày làm việc tiếp theo cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của người nộp thuế và ghi rõ lý do theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử hoặc gửi thông báo trực tiếp đến tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

Đối với trường hợp tổ chức kinh tế đăng ký chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế theo quy định tại điểm b.1 khoản 3 Điều 16 của Nghị định số .../.../ND-CP được cơ quan thuế ra thông báo chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này nhưng chưa phối hợp với Cục Thuế về cấu hình hạ tầng kỹ thuật, kiểm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu thì chậm nhất trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, tổ chức cần chuẩn bị đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật và thông báo cho Cục Thuế để phối hợp kết nối. Thời gian thực hiện trong 10 ngày làm việc kể từ ngày

Cục Thuế nhận được đề nghị của doanh nghiệp, tổ chức. Trường hợp kết quả kiểm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu thành công thì doanh nghiệp, tổ chức thực hiện gửi dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế theo quy định tại Điều 16 Nghị định số .../.../ND-CP. Trường hợp sau 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, doanh nghiệp, tổ chức không thông báo cho Cục Thuế để phối hợp kết nối hoặc kết quả kiểm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu không thành công, doanh nghiệp, tổ chức thay đổi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/ĐKĐT-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và thực hiện chuyển dữ liệu qua tổ chức kết nối, nhận, truyền lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử với cơ quan thuế.

3. Trường hợp có thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện thay đổi thông tin như sau:

a) Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử do thay đổi thông tin về người đại diện theo pháp luật; đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, thành viên góp vốn, chủ sở hữu thì trình tự thủ tục thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử không thuộc quy định tại điểm a khoản này, Trang thông tin điện tử của Cục Thuế gửi yêu cầu đề nghị người nộp thuế xác nhận qua địa chỉ thư điện tử hoặc điện thoại của chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện theo pháp luật theo thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế.

Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sau khi thay đổi thông tin thì gửi lại cơ quan thuế thông tin đã thay đổi theo Mẫu số 01/ĐKĐT-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này qua Trang thông tin điện tử của Cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử, trừ trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 12 Thông tư này. Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tiếp nhận mẫu đăng ký thay đổi thông tin và cơ quan thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Trường hợp công ty mẹ cần khai thác dữ liệu của các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc thì thông báo tới cơ quan thuế quản lý trực tiếp công ty mẹ theo Mẫu số 01/ĐKĐT-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Định kỳ hàng tháng, cơ quan thuế quản lý trực tiếp tiến hành rà soát các đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế miễn phí dịch vụ và gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-KTT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này cho các đối tượng để thông báo về việc chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử và thực hiện thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Đối với các trường hợp áp dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế, định kỳ cơ quan thuế quản lý trực tiếp tiến hành rà soát để thông báo theo Mẫu số 01/TB-KTT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này nếu thuộc đối tượng chuyển

sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế để đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo hướng dẫn tại Điều này.

Điều 4. Định dạng hóa đơn điện tử

1. Định dạng hóa đơn điện tử là tiêu chuẩn kỹ thuật quy định kiểu dữ liệu, chiều dài dữ liệu của các trường thông tin phục vụ truyền nhận, lưu trữ và hiển thị hóa đơn điện tử. Định dạng hóa đơn điện tử sử dụng ngôn ngữ định dạng văn bản XML (XML là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "eXtensible Markup Language" được tạo ra với mục đích chia sẻ dữ liệu điện tử giữa các hệ thống công nghệ thông tin).

2. Định dạng hóa đơn điện tử gồm hai thành phần: thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử và thành phần chứa dữ liệu chữ ký số. Đối với hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì có thêm thành phần chứa dữ liệu liên quan đến mã cơ quan thuế.

3. Cục Thuế xây dựng thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế. Riêng với hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế, Cục Hải quan xây dựng thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ đối với các nội dung trên hóa đơn dành cho cơ quan hải quan và ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế. Cục Thuế công bố thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan quản lý thuế để áp dụng thống nhất; cung cấp công cụ hiển thị các nội dung của hóa đơn điện tử theo quy định tại Thông tư này.

4. Tổ chức, doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ khi chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế bằng hình thức gửi trực tiếp phải đáp ứng yêu cầu sau:

a) Kết nối với Cục Thuế thông qua kênh thuê riêng hoặc kênh MPLS VPN Layer 3, gồm 1 kênh truyền chính và 1 kênh truyền dự phòng. Mỗi kênh truyền có băng thông tối thiểu 5 Mbps.

b) Sử dụng dịch vụ Web (Web Service) hoặc Message Queue (MQ) có mã hóa làm phương thức để kết nối.

c) Sử dụng giao thức SOAP để đóng gói và truyền nhận dữ liệu.

5. Hóa đơn điện tử phải được hiển thị đầy đủ, chính xác các nội dung của hóa đơn đảm bảo không dẫn tới cách hiểu sai lệch để người mua có thể đọc được bằng phương tiện điện tử.

Điều 5. Ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử

1. Nguyên tắc ủy nhiệm lập hóa đơn

a) Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ được ủy nhiệm cho bên thứ ba là đối tượng đủ điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử và không thuộc trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 11 Thông tư này để lập hóa đơn điện tử cho hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;

b) Việc ủy nhiệm phải được lập bằng văn bản (hợp đồng hoặc thỏa thuận) giữa bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm;

c) Việc ủy nhiệm phải thông báo cho cơ quan thuế khi đăng ký sử dụng hóa đơn

điện tử;

d) Hóa đơn điện tử do bên nhận ủy nhiệm lập là hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế và phải thể hiện tên, địa chỉ, mã số thuế của bên ủy nhiệm và tên, địa chỉ, mã số thuế của bên nhận ủy nhiệm;

đ) Bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm có trách nhiệm niêm yết trên website của đơn vị mình hoặc thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng để người mua hàng hóa, dịch vụ được biết về việc ủy nhiệm lập hóa đơn. Khi hết thời hạn ủy nhiệm hoặc chấm dứt trước thời hạn ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử theo thỏa thuận giữa các bên thì bên ủy nhiệm, bên nhận ủy nhiệm hủy các niêm yết, thông báo trên website của đơn vị mình hoặc thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng về việc hết thời hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn ủy nhiệm lập hóa đơn;

e) Trường hợp hóa đơn ủy nhiệm là hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế (sau đây gọi là hóa đơn điện tử không có mã) thì bên ủy nhiệm phải chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ để chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp;

g) Bên nhận ủy nhiệm có trách nhiệm lập hóa đơn điện tử ủy nhiệm theo đúng thực tế phát sinh, theo thỏa thuận với bên ủy nhiệm và tuân thủ nguyên tắc tại khoản 1 Điều này;

h) Hóa đơn điện tử do bên nhận ủy nhiệm lập phải phù hợp với phương pháp tính thuế của bên ủy nhiệm.

2. Hợp đồng ủy nhiệm hoặc thỏa thuận ủy nhiệm

a) Hợp đồng ủy nhiệm hoặc thỏa thuận ủy nhiệm phải thể hiện đầy đủ các thông tin về bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm (tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc số định danh cá nhân, chứng thư số); thông tin về hóa đơn điện tử ủy nhiệm (loại hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn); mục đích ủy nhiệm; thời hạn ủy nhiệm; phương thức thanh toán hóa đơn ủy nhiệm (ghi rõ trách nhiệm thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn ủy nhiệm);

b) Bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm có trách nhiệm lưu trữ văn bản ủy nhiệm và xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

3. Thông báo với cơ quan thuế về việc ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử

a) Việc ủy nhiệm được xác định là thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 3 Thông tư này. Bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm sử dụng Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này để thông báo với cơ quan thuế về việc ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử, bao gồm cả trường hợp chấm dứt trước thời hạn ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử theo thỏa thuận giữa các bên;

b) Bên ủy nhiệm điền thông tin của bên nhận ủy nhiệm, bên nhận ủy nhiệm điền thông tin của bên ủy nhiệm tại Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này như sau:

- Đối với bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm tại Phần 5 “Danh sách chứng thư số sử dụng” điền thông tin đầy đủ chứng thư số sử dụng của cả hai bên;

- Đối với bên nhận ủy nhiệm tại cột 5 Phần 6 “Đăng ký ủy nhiệm lập hóa đơn” điền thông tin tên tổ chức ủy nhiệm và mã số thuế hoặc số định danh cá nhân của bên ủy nhiệm.

c) Trường hợp người bán hàng hóa, dịch vụ là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ủy nhiệm cho tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử lập hóa đơn điện tử cho hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ thì tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thực hiện thông báo với cơ quan thuế.

Điều 6. Xử lý hóa đơn điện tử đã lập

1. Trường hợp phát hiện hóa đơn điện tử đã lập sai (bao gồm hóa đơn điện tử đã được cấp mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã gửi dữ liệu đến cơ quan thuế) thì người bán thực hiện xử lý như sau:

a) Trường hợp sai về tên, địa chỉ của người mua nhưng không sai mã số thuế và các nội dung khác thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn đã lập sai và không phải lập lại hóa đơn hoặc các trường hợp sai về các thông tin khác, không sai các nội dung về số tiền, thuế suất, tiền thuế, hàng hóa trên hóa đơn đối với người mua là cá nhân không kinh doanh, không có thông tin người mua thì người bán không phải lập lại hóa đơn. Người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế về hóa đơn điện tử đã lập sai theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (trừ trường hợp gửi dữ liệu theo bảng tổng hợp quy định tại khoản 6 Điều này).

b) Trường hợp sai: mã số thuế, sai về số tiền ghi trên hóa đơn, sai về thuế suất, tiền thuế hoặc hàng hóa ghi trên hóa đơn không đúng quy cách, chất lượng và các nội dung sai khác trừ trường hợp quy định tại điểm a thì có thể lựa chọn điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn điện tử như sau:

b.1) Người bán lập hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn đã lập sai.

Hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập sai phải có dòng chữ “Điều chỉnh cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”.

b.2) Người bán lập hóa đơn điện tử mới thay thế cho hóa đơn điện tử lập sai.

Hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”.

Người bán ký số trên hóa đơn điện tử mới điều chỉnh hoặc thay thế cho hóa đơn điện tử đã lập sai sau đó người bán gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế) hoặc gửi cơ quan thuế để cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn điện tử mới để gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).

Trường hợp trong tháng người bán đã lập sai cùng thông tin về người mua, tên hàng, đơn giá, thuế suất trên nhiều hóa đơn của cùng một người mua trong cùng tháng, bao gồm cả trường hợp người mua không có nhu cầu lấy hóa đơn thì người bán được lập một hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế cho nhiều hóa đơn điện tử đã lập sai trong cùng tháng và đính kèm bảng kê các hóa đơn điện tử đã lập sai theo Mẫu số 01/BK-ĐCTT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Trước khi điều chỉnh, thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai theo quy định tại điểm b khoản này, đối với trường hợp người mua là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai (trừ trường hợp điều chỉnh của dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ ngân hàng, viễn thông); trường hợp người mua là cá nhân thì người bán phải thông báo cho người mua hoặc thông báo trên website của người bán (nếu có). Người bán thực hiện lưu giữ văn bản thỏa thuận tại đơn vị và xuất trình khi có yêu cầu.

c) Trường hợp hóa đơn điện tử liên quan đến hàng hóa, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản đã lập sai thì người bán lập hóa đơn thay thế cho hóa đơn đã lập sai.

d) Đối với ngành hàng không thì hóa đơn đổi, hoàn chứng từ vận chuyển hàng không được coi là hóa đơn điều chỉnh mà không cần có thông tin “Điều chỉnh tăng/giảm cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... ngày... tháng... năm”. Doanh nghiệp vận chuyển hàng không được phép xuất hóa đơn của mình cho các trường hợp hoàn, đổi chứng từ vận chuyển do đại lý xuất.

2. Trường hợp cơ quan thuế phát hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã lập sai thì cơ quan thuế thông báo cho người bán theo Mẫu số 01/TB-RSDT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này để người bán kiểm tra nội dung sai.

Người bán có trách nhiệm rà soát theo thông báo của cơ quan thuế và thực hiện điều chỉnh, thay thế hóa đơn theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tự động thông báo về việc tiếp nhận theo Mẫu số 01/TB-SSDT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Hóa đơn để điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập trong một số trường hợp như sau:

a) Đối với các hóa đơn điện tử đã lập khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không bị sai nhưng khi thanh toán thực tế hoặc khi quyết toán có sự thay đổi về giá trị, khối lượng trên cơ sở kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan thì người bán thực hiện lập hóa đơn điện tử mới đối với số chênh lệch qua quyết toán phản ánh theo đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh (phát sinh giảm ghi âm (-) hoặc phát sinh tăng ghi dương (+) phù hợp với thực tế), cụ thể đối với các trường hợp sau:

a.1) Điều chỉnh giá trị quyết toán dự án đầu tư khi có sự thay đổi về đơn giá, khối lượng; điều chỉnh giá bán theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

a.2) Điều chỉnh giá trị, khối lượng trên cơ sở kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan.

a.3) Điều chỉnh giá bán buôn điện giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam với các Tổng công ty Điện lực và giữa các Tổng công ty Điện lực với các Công ty Điện lực.

b) Trường hợp việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng

hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa, dịch vụ đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau đảm bảo số tiền chiết khấu không vượt quá giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau hoặc được lập hóa đơn điều chỉnh kèm theo bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh. Bảng kê được lưu tại đơn vị và xuất trình khi cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào tại kỳ lập hóa đơn điều chỉnh.

c) Xử lý hóa đơn điện tử trong trường hợp trả lại hàng hoá, dịch vụ:

c.1) Trường hợp trả lại hàng hóa: Trường hợp người mua trả lại toàn bộ hoặc một phần hàng hóa (bao gồm cả trường hợp đổi hàng làm thay đổi giá trị của hàng hóa đã mua) thì người bán lập hóa đơn điều chỉnh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận về việc người mua lập hóa đơn khi trả lại hàng hóa thì người mua lập hóa đơn điện tử giao cho người bán; người bán, người mua thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định khi bán hàng hóa.

c.2) Trường hợp hàng hoá là tài sản thuộc diện phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu theo quy định của pháp luật và tài sản đã được đăng ký theo tên người mua thì khi trả lại hàng hoá đảm bảo phù hợp với pháp luật liên quan, nếu người mua là đối tượng sử dụng hoá đơn điện tử thì người mua thực hiện lập hoá đơn trả lại hàng cho người bán.

c.3) Đối với trường hợp hoàn phí, giảm phí, giảm hoa hồng môi giới bảo hiểm và các khoản chi để giảm thu khác theo quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm: Căn cứ vào hóa đơn đã lập, người bán lập hóa đơn điều chỉnh giao cho khách hàng tham gia bảo hiểm, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trên hóa đơn ghi rõ số tiền phí bảo hiểm hoàn, giảm, lý do hoàn, giảm. Trường hợp người bán và người mua có thỏa thuận về việc lập văn bản thỏa thuận trước khi lập hóa đơn điều chỉnh thì biên bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản được lưu giữ cùng với hóa đơn thu phí bảo hiểm tại doanh nghiệp và xuất trình khi có yêu cầu.

Đối với các trường hợp quy định tại điểm c.1, điểm c.2, điểm c.3, người bán, người mua phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ liên quan đến việc trả lại hàng hoá, dịch vụ và phải xuất trình khi được yêu cầu.

c.4) Trường hợp người bán đã lập hóa đơn khi thu tiền trước khi cung cấp dịch vụ hoặc lập hóa đơn thu tiền đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, nhà chuyên nhượng sau đó phát sinh việc huỷ hoặc chấm dứt giao dịch và huỷ một phần việc cung cấp dịch vụ thì người bán thực hiện điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập theo quy định tại điểm b.1 khoản 1 Điều này.

d) Trường hợp tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt (sau đây gọi là tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán) đã lập hóa đơn thu phí dịch vụ thanh toán thẻ ngân hàng sau đó phát sinh giao dịch hoàn phí dịch vụ thanh toán thẻ ngân hàng cho đơn vị chấp nhận thẻ; cung ứng dịch vụ ngân hàng thì tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh số tiền hoàn phí ghi âm (-) đối với các giao dịch hoàn trả số tiền đã thanh toán thẻ. Trường

hợp người bán và người mua có thỏa thuận về việc lập văn bản thỏa thuận trước khi lập hóa đơn điều chỉnh thì biên bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản được lưu giữ cùng với hóa đơn thu dịch vụ tại doanh nghiệp và xuất trình khi có yêu cầu.

đ) Đối với trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông mà khách hàng sử dụng thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động để thanh toán cho cước dịch vụ trả sau, nhắn tin ủng hộ từ thiện, các dịch vụ viễn thông khác được chấp nhận thanh toán bằng thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động theo quy định của pháp luật và khi bán thẻ cào, hoàn thành cung cấp dịch vụ doanh nghiệp viễn thông đã thực hiện lập hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định, doanh nghiệp viễn thông căn cứ vào dữ liệu trên bảng kê hoặc biên bản làm việc với đối tác, khách hàng để thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh.

5. Áp dụng hóa đơn điều chỉnh, thay thế

a) Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập sai và người bán đã xử lý theo hình thức điều chỉnh hoặc thay thế theo quy định tại Điều này, sau đó lại phát hiện hóa đơn sai thì các lần xử lý tiếp theo người bán sẽ thực hiện theo hình thức đã áp dụng khi xử lý lần đầu;

b) Trường hợp theo quy định hóa đơn điện tử được lập không có ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn đã lập sai thì người bán chỉ thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh;

c) Đối với nội dung về giá trị trên hóa đơn điều chỉnh thì: điều chỉnh tăng (ghi dấu dương), điều chỉnh giảm (ghi dấu âm) đúng với thực tế điều chỉnh;

d) Hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn thay thế đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì người bán, người mua khai bổ sung theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng;

đ) Hóa đơn điều chỉnh đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này thì người bán kê khai vào kỳ phát sinh hóa đơn điều chỉnh, người mua kê khai theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng.

6. Đối với hóa đơn gửi theo bảng tổng hợp thì người bán gửi thông tin hủy, điều chỉnh trực tiếp trên bảng tổng hợp của các kỳ tiếp theo mà không gửi thông báo hóa đơn điện tử đã lập sai theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan thuế.

Xử lý bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế:

Trường hợp dữ liệu hóa đơn điện tử tại bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế thiếu hoặc sai thì người bán gửi bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử bổ sung;

Việc điều chỉnh dữ liệu hóa đơn trên bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn phải điền đủ các thông tin: ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn vào cột 14 “thông tin hóa đơn liên quan” tại Mẫu số 01/TH-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (trừ trường hợp hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có đầy đủ các thông tin ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn theo quy định tại ~~khoản 13~~ Điều 9 Nghị định số .../2026/NĐ-CP).

7. Trường hợp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh cần phải lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh gửi đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo Mẫu số 06/ĐN-PSĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan thuế để được cấp hóa đơn điện tử điều chỉnh hoặc thay thế cho hóa đơn đã lập. Việc lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và việc nộp thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước tính trên doanh thu chênh lệch tăng trên hóa đơn thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

Điều 7. Ký hiệu mẫu số, ký hiệu hóa đơn, tên liên hóa đơn

1. Ký hiệu mẫu số hóa đơn điện tử là ký tự có một chữ số tự nhiên là các số tự nhiên 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 để phản ánh loại hóa đơn điện tử như sau:

- Số 1: Phản ánh loại hóa đơn điện tử giá trị gia tăng;
- Số 2: Phản ánh loại hóa đơn điện tử bán hàng;
- Số 3: Phản ánh loại hóa đơn điện tử bán tài sản công;
- Số 4: Phản ánh loại hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia;
- Số 5: Phản ánh các loại hóa đơn điện tử khác là tem điện tử, vé điện tử, thẻ điện tử, phiếu thu điện tử hoặc các chứng từ điện tử có tên gọi khác nhưng có nội dung của hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 9 Nghị định số .../2026/NĐ-CP;
- Số 6: Phản ánh các chứng từ điện tử được sử dụng và quản lý như hóa đơn gồm phiếu xuất kho kiểm vận chuyển nội bộ điện tử, phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý điện tử;
- Số 7: Phản ánh hóa đơn thương mại điện tử;
- Số 8: Phản ánh hóa đơn điện tử giá trị gia tăng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí;
- Số 9: Phản ánh hóa đơn điện tử bán hàng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí;

2. Ký hiệu hóa đơn điện tử là nhóm 6 ký tự gồm cả chữ viết và chữ số thể hiện ký hiệu hóa đơn điện tử để phản ánh các thông tin về loại hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã, năm lập hóa đơn, loại hóa đơn điện tử được sử dụng. Sáu (06) ký tự này được quy định như sau:

- Ký tự đầu tiên là một (01) chữ cái được quy định là C hoặc K như sau: C thể hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, K thể hiện hóa đơn điện tử không có mã;

- Hai ký tự tiếp theo là hai (02) chữ số Ả rập thể hiện năm lập hóa đơn điện tử được xác định theo 2 chữ số cuối của năm dương lịch. Ví dụ: Năm lập hóa đơn điện tử là năm 2025 thì thể hiện là số 25; năm lập hóa đơn điện tử là năm 2026 thì thể hiện là số 26;

- Một ký tự tiếp theo là một (01) chữ cái được quy định là T, D, L, M, N, B, G, H, X, R thể hiện loại hóa đơn điện tử được sử dụng, cụ thể:

+ Chữ T: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử do các doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng với cơ quan thuế;

+ Chữ D: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử bán tài sản công và hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia hoặc hóa đơn điện tử đặc thù không nhất thiết phải có một số tiêu thức do các doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng;

+ Chữ L: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh;

+ Chữ M: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền;

+ Chữ N: Áp dụng đối với phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử;

+ Chữ B: Áp dụng đối với phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý điện tử;

+ Chữ G: Áp dụng đối với tem, vé, thẻ điện tử là hóa đơn giá trị gia tăng;

+ Chữ H: Áp dụng đối với tem, vé, thẻ điện tử là hóa đơn bán hàng;

+ Chữ X: Áp dụng đối với hóa đơn thương mại điện tử;

+ Chữ R: Áp dụng đối với hóa đơn bán tài sản là ô tô, xe máy phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu.

- Hai ký tự cuối là chữ viết do người bán tự xác định căn cứ theo nhu cầu quản lý. Trường hợp người bán sử dụng nhiều mẫu hóa đơn điện tử trong cùng một loại hóa đơn thì sử dụng hai ký tự cuối nêu trên để phân biệt các mẫu hóa đơn khác nhau trong cùng một loại hóa đơn. Trường hợp không có nhu cầu quản lý thì sử dụng hai ký tự YY; trường hợp người nộp thuế đăng ký bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài dùng 02 ký tự HT.

- Tại bản thể hiện, ký hiệu hóa đơn điện tử và ký hiệu mẫu số hóa đơn điện tử được thể hiện ở phía trên bên phải của hóa đơn (hoặc ở vị trí dễ nhận biết);

- Ví dụ thể hiện các ký tự của ký hiệu mẫu hóa đơn điện tử và ký hiệu hóa đơn điện tử:

+ “1C26TAA” – là hóa đơn giá trị gia tăng có mã của cơ quan thuế được lập năm 2026 và là hóa đơn điện tử do doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng với cơ quan thuế;

+ “2C26TBB” – là hóa đơn bán hàng có mã của cơ quan thuế được lập năm 2026 và là hóa đơn điện tử do doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng với cơ quan thuế;

+ “1C26LBB” – là hóa đơn giá trị gia tăng có mã của cơ quan thuế được lập năm 2026 và là hóa đơn điện tử của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh;

+ “1K26TY Y” – là hóa đơn giá trị gia tăng loại không có mã được lập năm 2026 và là hóa đơn điện tử do doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng với cơ quan thuế;

+ “1K26DAA” – là hóa đơn giá trị gia tăng loại không có mã được lập năm 2026 và là hóa đơn điện tử đặc thù không nhất thiết phải có một số tiêu thức bắt buộc do các doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng;

+ “3C26DYY” – là hóa đơn điện tử bán tài sản công có mã được lập năm 2026 của cơ quan thuế;

+ “3K26DYY” – là hóa đơn điện tử bán tài sản công không có mã được lập năm 2026 của cơ quan thuế;

+ “6K26NAB” – là phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử loại không có mã được lập năm 2026 do doanh nghiệp đăng ký với cơ quan thuế;

+ “6K26BAB” – là phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý điện tử loại không có mã được lập năm 2026 do doanh nghiệp đăng ký với cơ quan thuế;

+ “7K26XAB” – là hóa đơn thương mại điện tử được lập năm 2026 do doanh nghiệp đăng ký với cơ quan thuế;

+ “1C26RAA” – là hóa đơn bán tài sản là động sản phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu được lập năm 2026.

3. Tên, địa chỉ, mã số thuế của bên nhận ủy nhiệm đối với hóa đơn điện tử ủy nhiệm.

Điều 8. Nội dung hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế

1. Nội dung hóa đơn

a) Phần A dành cho doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế lập khi bán hàng hóa, phần này gồm các nội dung sau:

a.1) Tên hóa đơn: **HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIÊM TỜ KHAI HOÀN THUẾ**;

a.2) Ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn;

a.3) Thông tin về doanh nghiệp bán hàng gồm: Tên, địa chỉ, mã số thuế;

a.4) Thông tin về khách hàng gồm: Họ tên, quốc tịch, thông tin về số hộ chiếu, ngày cấp hộ chiếu, ngày hết hạn hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh;

a.5) Thông tin về hàng hóa gồm: Tên hàng hóa, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa; thành tiền chưa có thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng.

Tên hàng hóa ghi rõ: nhãn hiệu, ký hiệu hàng hóa (số seri, model (nếu có), xuất xứ hàng hóa áp dụng đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, số máy áp dụng đối với mặt hàng cơ khí điện tử).

a.6) Chữ ký số người bán, chữ ký của người mua trên bản hiển thị của hóa đơn điện tử.

b) Phần B dành cho cơ quan hải quan lập để ghi kết quả kiểm tra hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa, tính số thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn, phần này gồm các nội dung sau:

b.1) Số thứ tự hàng hóa;

b.2) Tên hàng;

b.3) Số lượng;

b.4) Số tiền thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế;

b.5) Số tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định;

b.6) Thời điểm công chức hải quan kiểm tra: ghi rõ ngày, tháng, năm;

b.7) Tên, chữ ký của công chức hải quan kiểm tra.

c) Phần C dành cho Ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế lập, phần này gồm các nội dung:

c.1) Số hiệu, ngày tháng chuyến bay/chuyến tàu của người nước ngoài xuất cảnh;

c.2) Số tiền thuế hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh;

c.3) Hình thức thanh toán: ghi rõ số tiền thanh toán theo từng hình thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc thẻ quốc tế (ghi rõ tên thẻ, số thẻ);

c.4) Thời điểm thanh toán: ghi rõ ngày, tháng, năm.

2. Chữ viết hiện thị trên hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế là tiếng Việt và tiếng Anh được đặt bên phải trong ngoặc đơn () hoặc ngay dưới dòng tiếng Việt và có cỡ chữ bằng hoặc nhỏ hơn chữ tiếng Việt.

3. Các nội dung khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số .../.../ND-CP. Riêng nội dung về ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này.

4. Mẫu hiện thị hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế được quy định tại Mẫu số 01/GTGT-TKHT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử

1. Người nộp thuế đang sử dụng hóa đơn điện tử không có mã nếu có nhu cầu chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì thực hiện thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Người nộp thuế thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã theo quy định tại Điều 8 Nghị định số .../2026/ND-CP nếu thuộc trường hợp được xác định rủi ro cao về thuế theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về áp dụng rủi ro trong quản lý thuế và được cơ quan thuế thông báo theo Mẫu số 01/TB-KTT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này về việc chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì phải chuyển đổi sang áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế. Trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế thông báo, người nộp thuế phải thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử (chuyển từ sử dụng hóa đơn điện tử không có mã sang hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế) theo quy định tại Điều 3 Thông tư này. Sau 12 tháng kể từ thời điểm chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, nếu người nộp thuế có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử không có mã thì người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 3 Thông tư này, cơ quan thuế căn cứ quy định tại Điều 8 Nghị định số .../2026/ND-CP và quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về áp dụng rủi ro trong quản lý thuế để xem xét, chấp nhận hoặc không chấp nhận.

Điều 10. Tiêu chí xác định người nộp thuế có rủi ro cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử

1. Trường hợp kết quả đối chiếu thông tin khớp đúng, người nộp thuế xác nhận trên Trang thông tin điện tử của Cục Thuế đúng thời hạn nhưng người nộp thuế có một trong những dấu hiệu sau thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này như sau:

a) Tiêu chí 1: Người nộp thuế có chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân đồng thời là chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân có kết luận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có hành vi gian lận, mua bán hóa đơn trên cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế.

b) Tiêu chí 2: Người nộp thuế có chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân thuộc danh sách có giao dịch đáng ngờ theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền.

c) Tiêu chí 3: Người nộp thuế đăng ký địa chỉ trụ sở chính không có địa chỉ cụ thể theo địa giới hành chính hoặc đặt tại chung cư (không bao gồm chung cư được phép sử dụng cho mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật); hoặc địa điểm kinh doanh ngoài phạm vi cấp tỉnh/thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính/chi nhánh.

d) Tiêu chí 4: Người nộp thuế có người đại diện theo pháp luật hoặc chủ sở hữu đồng thời là người đại diện theo pháp luật hoặc chủ sở hữu của người nộp thuế ở trạng thái “Người nộp thuế ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt mã số thuế” hoặc ở trạng thái “Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”, người nộp thuế có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

đ) Tiêu chí 5: Người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro khác do cơ quan thuế xác định và có thông báo cho người nộp thuế được biết và giải trình.

2. Tiêu chí xác định người nộp thuế thuộc diện rủi ro rất cao theo mức độ rủi ro người nộp thuế

Để đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong từng thời kỳ, giao Cục Thuế quy định chi số tiêu chí nhằm đánh giá, xác định người nộp thuế thuộc diện rủi ro rất cao trên cơ sở đánh giá người nộp thuế trong công tác quản lý thuế.

Điều 11. Các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử

1. Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc các trường hợp sau ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, ngừng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế, ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền:

a) Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chấm dứt hiệu lực mã số thuế;

b) Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp cơ quan thuế xác minh và thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký;

c) Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tạm ngừng kinh doanh; tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo văn bản gửi cơ quan thuế theo Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này;

d) Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thông báo của cơ quan thuế về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử để thực hiện cưỡng chế nợ thuế;

đ) Trường hợp có hành vi sử dụng hóa đơn điện tử để bán hàng nhập lậu, hàng cấm, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế;

e) Trường hợp có hành vi lập hóa đơn điện tử phục vụ mục đích bán khống hàng hóa, cung cấp dịch vụ để chiếm đoạt tiền của tổ chức, cá nhân bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện, khởi tố và thông báo cho cơ quan thuế; cơ quan công an, viện kiểm sát, tòa án có văn bản đề nghị cơ quan thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử của tổ chức, cá nhân nêu trên;

g) Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện doanh nghiệp không có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật hoặc trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế người nộp thuế có hành vi vi phạm pháp luật về thuế và hóa đơn;

h) Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có thay đổi ngành nghề kinh doanh dẫn đến không đáp ứng điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định tại Điều 7 Nghị định số .../2026/NĐ-CP thì cơ quan thuế ra thông báo người nộp thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền;

i) Trường hợp hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân đã được cấp mã số thuế trước ngày 01/7/2025 nhưng thông tin đăng ký thuế của đại diện hộ kinh doanh, đại diện hộ gia đình, cá nhân không khớp đúng với thông tin của cá nhân được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không đầy đủ thì cơ quan thuế tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử và người nộp thuế phải thực hiện thay đổi thông tin đăng ký thuế để đảm bảo thông tin khớp đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế theo quy định;

k) Trong quá trình kiểm tra, nếu cơ quan thuế xác định người nộp thuế có hành vi trốn thuế, người nộp thuế được thành lập để thực hiện mua bán, sử dụng hóa đơn điện tử không hợp pháp hoặc sử dụng không hợp pháp hóa đơn điện tử để trốn thuế theo quy định thì cơ quan thuế ban hành thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử; người nộp thuế bị xử lý theo quy định của pháp luật theo trình tự quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

l) Trường hợp người nộp thuế thuộc diện rủi ro rất cao theo mức độ rủi ro người nộp thuế thì cơ quan thuế thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;

m) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, khi kết thúc năm, tổng doanh thu trong năm thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân.

2. Trình tự thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử như sau:

a) Trang thông tin điện tử của Cục Thuế ngừng tiếp nhận hóa đơn điện tử và không gửi thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử đối với người nộp thuế thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 1 Điều này kể từ ngày tổ chức, cá nhân chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc kể từ ngày cơ quan thuế ban hành thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký hoặc quyết định cưỡng chế nợ thuế và gửi thông báo cho tổ chức nhận ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử.

b) Trang thông tin điện tử của Cục Thuế gửi thông báo điện tử về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử, ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền (theo Mẫu số 01/TB-NSD Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này) và ngừng tiếp nhận hóa đơn điện tử, ngừng tiếp nhận hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với người nộp thuế này thuộc trường hợp quy định tại điểm c, điểm h khoản 1 Điều này khi nhận được thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tạm ngừng kinh doanh hoặc văn bản của người nộp thuế về việc tạm ngừng kinh doanh hoặc tạm ngừng sử dụng hóa đơn; khi cơ quan thuế xác định thông tin người nộp thuế không khớp đúng hoặc khi cơ quan thuế xác định doanh thu trong năm thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân và gửi thông báo cho tổ chức nhận ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử.

c) Thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp ban hành thông báo điện tử về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử đến người nộp thuế thuộc trường hợp quy định tại điểm e kể từ ngày cơ quan thuế nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền, điểm i, điểm m khoản 1 Điều này theo Mẫu số 01/TB-NSD Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và gửi thông báo cho tổ chức nhận ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử.

d) Thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp gửi thông báo điện tử đến người nộp thuế thuộc trường hợp quy định tại điểm đ, điểm g khoản 1 Điều này trong thời gian 01 ngày làm việc sau khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền gửi cơ quan thuế hoặc ngay sau khi xác định người nộp thuế thuộc diện rủi ro rất cao theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều này để yêu cầu người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu liên quan đến việc sử dụng hóa đơn điện tử.

d.1) Người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo điện tử. Người nộp thuế có thể đến cơ quan thuế giải trình trực tiếp hoặc bổ sung thông tin, tài liệu hoặc bằng văn bản.

d.2) Người nộp thuế tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử hoặc giải trình bổ sung, cụ thể:

d.2.1) Trường hợp người nộp thuế đã giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu đầy đủ và chứng minh được việc sử dụng hóa đơn điện tử theo đúng quy định pháp luật thì người nộp thuế tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử.

d.2.2) Trường hợp người nộp thuế đã giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu mà không chứng minh được việc sử dụng hóa đơn điện tử theo đúng quy định pháp luật thì ngay trong ngày làm việc, cơ quan thuế tiếp tục gửi thông báo lần 2 yêu cầu người nộp thuế bổ sung thông tin, tài liệu. Người nộp thuế thực hiện giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo điện tử lần 2.

d.3) Hết thời hạn theo thông báo mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu thì cơ quan thuế ban hành thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế theo Mẫu số 01/TB-NSD Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và xử lý theo quy định.

3. Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh nêu tại khoản 1 Điều này được tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử sau khi thông báo với cơ quan thuế về việc tiếp tục kinh doanh hoặc được cơ quan thuế khôi phục mã số thuế cơ quan thuế ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn hoặc khi có thông báo của cơ quan chức năng.

4. Trường hợp tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh đang trong thời hạn tạm ngừng kinh doanh cần có hóa đơn điện tử giao cho người mua để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày tạm ngừng kinh doanh thì doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử cấp theo từng lần phát sinh theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8 Nghị định ../2026/NĐ-CP.

Điều 12. Biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ và thực hiện khen thưởng người tiêu dùng tố giác người bán không lập và giao hóa đơn điện tử

1. Cơ quan thuế sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử để thực hiện triển khai các biện pháp khuyến khích người mua lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ để đảm bảo thu hút, lan tỏa, xây dựng thói quen lấy hóa đơn khi tiêu dùng, bao gồm:

a) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến lợi ích, quyền lợi của người tiêu dùng được lấy hóa đơn điện tử khi mua hàng hóa, dịch vụ của cơ sở kinh doanh đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định pháp luật.

b) Tổ chức chương trình hóa đơn may mắn đối với những hóa đơn điện tử có người mua là người tiêu dùng là cá nhân không kinh doanh để trao thưởng cho người tiêu dùng là cá nhân không kinh doanh bằng giải thưởng tiền mặt.

2. Cục Thuế xây dựng phương án tổ chức, tần suất quay thưởng, giá trị giải thưởng chương trình hóa đơn may mắn trên cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử.

3. Khen thưởng người tiêu dùng cung cấp thông tin về hành vi không lập, không giao hóa đơn điện tử

a) Cục Thuế tổ chức tiếp nhận, quản lý và xử lý thông tin do người tiêu dùng (là cá nhân) cung cấp về hành vi của tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không lập hóa đơn điện tử hoặc không giao hóa đơn điện tử cho người mua theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ.

b) Thông tin được tiếp nhận thông qua Trang thông tin điện tử của cơ quan thuế, ứng dụng hóa đơn điện tử, đường dây nóng hoặc các phương thức điện tử khác do Cục Thuế công bố; bảo đảm công khai, thuận tiện và bảo mật thông tin người cung cấp.

c) Người cung cấp thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung cung cấp; trường hợp cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm vu khống, gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Người tiêu dùng được xem xét khen thưởng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

d.1) Thông tin cung cấp đầy đủ, rõ ràng, có căn cứ xác minh;

d.2) Cơ quan thuế xác định có hành vi vi phạm và đã ban hành quyết định xử lý theo quy định của pháp luật;

d.3) Thông tin do người tiêu dùng cung cấp là căn cứ quan trọng, trực tiếp phục vụ việc phát hiện và xử lý vi phạm.

đ) Mức khen thưởng được thực hiện theo khung cố định như sau:

đ.1) Trường hợp vi phạm hành chính thông thường, mức thưởng tối đa không quá 1.000.000 đồng/vụ việc;

đ.2) Trường hợp vi phạm có tính chất nghiêm trọng, có tính tiết tăng nặng hoặc có giá trị hàng hóa, dịch vụ lớn, mức thưởng tối đa không quá 5.000.000 đồng/vụ việc;

đ.3) Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định nhưng không quá 10.000.000 đồng/vụ việc.

e) Mỗi vụ việc chỉ xem xét khen thưởng một lần; trường hợp có nhiều người cùng cung cấp thông tin về cùng một hành vi vi phạm thì việc khen thưởng được xem xét đối với người cung cấp thông tin đầu tiên hoặc người có thông tin đầy đủ, giá trị nhất theo xác nhận của cơ quan thuế.

g) Việc chi trả tiền thưởng được thực hiện sau khi quyết định xử lý vi phạm đã có hiệu lực pháp luật và số tiền truy thu, tiền phạt (nếu có) đã được nộp vào ngân sách nhà nước.

h) Kinh phí thực hiện khen thưởng được bố trí trong dự toán chi quản lý thuế hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

i) Danh tính, thông tin cá nhân của người cung cấp thông tin được bảo mật theo quy định của pháp luật; cơ quan thuế không công khai thông tin người cung cấp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Cục Thuế quy định cụ thể quy trình tiếp nhận, xác minh thông tin, thẩm quyền quyết định khen thưởng, thủ tục chi trả và trách nhiệm của các đơn vị thuộc và trực thuộc trong việc thực hiện quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Ngân sách nhà nước hằng năm bảo đảm ưu tiên bố trí kinh phí cho cơ quan quản lý thuế triển khai các biện pháp, nhiệm vụ quy định trên.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách của địa phương để tổ chức triển khai hóa đơn may mắn tại địa bàn trong trường hợp cần thiết.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ

Điều 13. Đăng ký sử dụng chứng từ điện tử

1. Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số, tổ chức thu các khoản thuế, phí, lệ phí trước khi sử dụng chứng từ điện tử theo khoản 1 Điều 21 Nghị định số .../2026/NĐ-CP thì thực hiện đăng ký sử dụng qua Trang thông tin điện tử của Cục Thuế, Cục Hải quan hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc đối tượng được miễn phí dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số .../2026/NĐ-CP thì được lựa chọn đăng ký sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử, chứng từ điện tử thông qua Trang thông tin điện tử của Cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Cục Thuế ủy thác cung cấp dịch vụ chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử miễn phí dịch vụ.

Nội dung thông tin đăng ký theo Mẫu số 01/ĐKTĐ-CTĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Trang thông tin điện tử của Cục Thuế, Cục Hải quan gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-TNĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng chứng từ điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử đối với trường hợp đăng ký sử dụng chứng từ điện tử thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

Trang thông tin điện tử của Cục Thuế, Cục Hải quan gửi thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-TNĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng chứng từ điện tử cho tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, tổ chức thu các khoản phí, lệ phí, qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan quản lý thuế đối với trường hợp đăng ký sử dụng chứng từ điện tử trực tiếp tại Trang thông tin điện tử của Cục Thuế, Cục Hải quan.

2. Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký sử dụng chứng từ điện tử, cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm gửi Thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử và gửi thông báo điện tử trực tiếp đến tổ chức, cá nhân khấu

trừ thuế; tổ chức thu các khoản phí, lệ phí về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký sử dụng chứng từ điện tử.

3. Kể từ thời điểm cơ quan quản lý thuế chấp nhận đăng ký sử dụng chứng từ điện tử theo quy định tại Thông tư này, tổ chức nêu tại khoản 1 Điều này phải ngừng sử dụng chứng từ điện tử đã thực hiện theo các quy định trước đây, tiêu hủy những chứng từ giấy còn tồn chưa sử dụng (nếu có) theo quy định.

4. Trường hợp có thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng chứng từ điện tử tại khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước thực hiện thay đổi thông tin và gửi lại cơ quan quản lý thuế theo Mẫu số 01/ĐKTD-CTĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này qua Trang thông tin điện tử của Cục Thuế, Cục Hải quan hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử, Trang thông tin điện tử của Cục Thuế, Cục Hải quan tiếp nhận mẫu đăng ký thay đổi thông tin và cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 14. Định dạng chứng từ điện tử

1. Các loại chứng từ quy định tại Điều 21 Nghị định .../2026/NĐ-CP phải thực hiện theo định dạng sau:

a) Định dạng chứng từ điện tử sử dụng ngôn ngữ định dạng văn bản XML (XML là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "eXtensible Markup Language" được tạo ra với mục đích chia sẻ dữ liệu điện tử giữa các hệ thống công nghệ thông tin);

b) Định dạng chứng từ điện tử gồm hai thành phần: thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ chứng từ điện tử và thành phần chứa dữ liệu chữ ký số;

c) Cục Thuế, Cục Hải quan xây dựng và công bố thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ chứng từ điện tử, thành phần chứa dữ liệu chữ ký số và cung cấp công cụ hiển thị các nội dung của chứng từ điện tử theo quy định tại Thông tư này.

2. Chứng từ điện tử phải được hiển thị đầy đủ, chính xác các nội dung của chứng từ đảm bảo không dẫn tới cách hiểu sai lệch để người sử dụng có thể đọc được bằng phương tiện điện tử.

Điều 15. Ký hiệu mẫu, ký hiệu chứng từ điện tử và mẫu chứng từ điện tử tham khảo

1. Chứng từ trong lĩnh vực quản lý thuế, phí, lệ phí của cơ quan quản lý thuế bao gồm:

a) Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, chứng từ khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số.

a.1) Ký hiệu mẫu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử gồm có 06 ký tự là 03TNCN.

a.2) Ký hiệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử gồm 06 ký tự gồm cả chữ viết và chữ số được quy định như sau:

+ Hai chữ đầu "CT" là chữ viết tắt của chứng từ;

+ Hai ký tự tiếp theo là hai (02) chữ số Ả-rập thể hiện năm lập chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử được xác định theo 2 chữ số cuối của năm dương lịch;

+ Hai ký tự cuối là chữ viết do tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế tự xác định căn cứ theo nhu cầu quản lý. Trường hợp tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế sử dụng nhiều mẫu chứng từ điện tử trong cùng một loại chứng từ thì sử dụng hai ký tự cuối để phân biệt các mẫu chứng từ.

Ví dụ: 03TNCNCT26AA: Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử lập và cấp cho người nộp thuế trong năm 2026.

- Số chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử là số thứ tự được thể hiện trên chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử. Số chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử được ghi bằng chữ số Ả-rập có tối đa 8 chữ số bắt đầu từ số 1 vào ngày 01 tháng 01 hoặc ngày bắt đầu sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

- Tại bản thể hiện, ký hiệu mẫu, ký hiệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử và số chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử được thể hiện ở phía trên bên phải của chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (hoặc ở vị trí dễ nhận biết).

2. Biên lai

Ký hiệu mẫu biên lai là các thông tin thể hiện tên loại biên lai và số thứ tự mẫu trong một loại biên lai (một loại biên lai có thể có nhiều mẫu).

Ký hiệu biên lai là dấu hiệu phân biệt biên lai bằng hệ thống các chữ cái tiếng Việt và 02 chữ số cuối của năm.

a) Ký hiệu mẫu biên lai có 05 ký tự, gồm:

- 02 ký tự đầu thể hiện loại biên lai (01 là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí có sẵn mệnh giá; 02 là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí).
- 03 ký tự tiếp theo thể hiện tên biên lai (“BLP”).
- 03 ký tự cuối là số thứ tự của mẫu trong một loại biên lai.

Ví dụ: Ký hiệu 01BLP được hiểu là: biên lai thu thuế, phí, lệ phí (loại có sẵn mệnh giá).

b) Ký hiệu biên lai gồm 06 ký tự:

- 02 ký tự đầu là mã khu vực theo hướng dẫn tại Mẫu số 01/MBL ban hành kèm theo Thông tư này và chỉ áp dụng đối với biên lai của cơ quan thuế.

02 TC là biên lai thu phí, lệ phí do tổ chức tự đăng ký sử dụng;

- 02 ký tự tiếp theo là nhóm hai trong 20 chữ cái in hoa của bảng chữ cái tiếng Việt bao gồm: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y dùng để phân biệt các ký hiệu biên lai. Đối với biên lai do cơ quan thu phí, lệ phí sử dụng thì 02 ký tự này là 02 ký tự đầu của ký hiệu biên lai.

• 02 ký tự tiếp theo thể hiện năm in biên lai. Ví dụ: biên lai in năm 2026 thì ghi là 26.

Ví dụ:

Ký hiệu 01AA26 được hiểu là biên lai thu phí, lệ phí do cơ quan thuế đặt in năm 2026.

Ký hiệu TCAB26 được hiểu là biên lai thu phí, lệ phí do tổ chức thu phí, lệ phí đăng ký sử dụng

Điều 16. Sử dụng chứng từ

Thuế tỉnh, thành phố khởi tạo biên lai thuế điện tử Mẫu CTT50 ban hành kèm theo Thông tư này để sử dụng thu thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân.

Điều 17. Xử lý chứng từ điện tử đã lập

Trường hợp chứng từ điện tử đã lập sai thì tổ chức khấu trừ thuế thực hiện xử lý chứng từ điện tử đã lập theo nguyên tắc tương tự xử lý hóa đơn điện tử đã lập quy định tại Điều 6 7 Thông tư này. Thông báo chứng từ đã lập sai theo Mẫu số 04/SS-CTĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 18. Ủy nhiệm lập biên lai điện tử

1. Tổ chức thu phí, lệ phí ủy nhiệm cho bên thứ ba lập biên lai. Việc ủy nhiệm giữa bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm phải theo hình thức văn bản, đồng thời phải gửi thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm phải thông báo cho cơ quan thuế khi đăng ký sử dụng biên lai điện tử theo Mẫu số 01/ĐKTĐ-CTĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

2. Nội dung văn bản ủy nhiệm phải ghi đầy đủ các thông tin về biên lai ủy nhiệm (hình thức, loại, ký hiệu, số lượng biên lai (từ số... đến số...)); mục đích ủy nhiệm; thời hạn ủy nhiệm; phương thức giao nhận hoặc phương thức cài đặt biên lai ủy nhiệm (nếu là biên lai tự in hoặc điện tử); phương thức thanh toán biên lai ủy nhiệm;

3. Trường hợp tổ chức thu phí, lệ phí có nhiều đơn vị trực thuộc trực tiếp thu phí hoặc nhiều cơ sở nhận ủy nhiệm thu cùng sử dụng hình thức biên lai có cùng ký hiệu theo phương thức phân chia cho từng cơ sở trong toàn hệ thống thì tổ chức thu phí, lệ phí phải có phương án phân bổ số lượng biên lai cho từng đơn vị trực thuộc, từng cơ sở nhận ủy nhiệm. Các đơn vị trực thuộc, cơ sở nhận ủy nhiệm phải sử dụng biên lai theo thứ tự từ số nhỏ đến số lớn trong phạm vi số biên lai được phân chia;

4. Trường hợp chấm dứt trước hạn ủy nhiệm, hai bên phải xác định bằng văn bản, đồng thời thông báo cho cơ quan thuế và niêm yết tại nơi thu phí, lệ phí.

Chương IV

TRA CỨU, CUNG CẤP, SỬ DỤNG THÔNG TIN HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Điều 19. Cung cấp, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử

1. Nội dung thông tin hóa đơn điện tử được cung cấp là các nội dung của hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 9 Nghị định số .../.../ND-CP và tình trạng hóa đơn điện tử.

2. Thông tin hóa đơn điện tử được cơ quan thuế cung cấp dưới dạng văn bản hoặc dữ liệu điện tử.

Điều 20. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Hệ thống thông tin quản lý thuế

1. Bên sử dụng thông tin là các tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; các tổ chức, cá nhân là người mua hàng hóa, dịch vụ khai thác thông tin từ hóa đơn điện tử theo các nội dung thông tin từ Hệ thống thông tin quản lý thuế của Cục Thuế.

2. Bên sử dụng thông tin là các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tín dụng, tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: tra cứu, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử theo phạm vi, thời gian, trách nhiệm và quyền truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế về hóa đơn điện tử được quy định cụ thể tại văn bản thống nhất giữa hai bên.

Bên sử dụng thông tin nêu tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm phân công đầu mỗi đăng ký sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (sau đây gọi tắt là đầu mỗi đăng ký) và thông báo cho Cục Thuế bằng văn bản.

3. Cục Thuế, Thuế tỉnh/thành phố thực hiện cấp tối đa 02 tài khoản khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử cho người sử dụng của cơ quan, tổ chức quản lý đồng cấp theo văn bản giữa các bên.

Điều 21. Đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế để khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử

1. Đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin gửi 01 văn bản đến Cục Thuế hoặc Thuế tỉnh/thành phố để đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung thông tin hoặc thu hồi tài khoản theo Mẫu số 01/CCTT-ĐK Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Cục Thuế hoặc Thuế tỉnh/thành phố thực hiện việc cấp tài khoản mới hoặc bổ sung thông tin của tài khoản hoặc thu hồi tài khoản và thông báo cho bên sử dụng thông tin bằng văn bản. Trường hợp không chấp nhận đăng ký tài khoản hoặc không bổ sung thời hạn sử dụng của tài khoản phải nêu rõ lý do.

Các tài khoản đăng ký mới cấp cho từng cá nhân được thông báo bằng hình thức gửi thư điện tử.

3. Thời hạn sử dụng tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế đối với cả trường hợp đăng ký mới và bổ sung thông tin là 12 tháng hoặc do bên sử dụng thông tin đề nghị nhưng không quá 12 tháng tính từ ngày Cục Thuế hoặc Thuế tỉnh/thành phố gửi văn bản thông báo kết quả đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng cho đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin.

Điều 22. Chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử

1. Cục Thuế, Thuế tỉnh/thành phố thực hiện việc thu hồi tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế trong các trường hợp sau:

- a) Khi có đề nghị từ đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin;
- b) Thời hạn sử dụng đã hết;
- c) Tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế không thực hiện việc tra cứu thông tin trong thời gian 06 tháng liên tục;
- d) Phát hiện trường hợp sử dụng thông tin hóa đơn điện tử không đúng mục đích, phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của bên sử dụng thông tin, không đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước thời điểm chính thức chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử của bên sử dụng thông tin (trừ trường hợp đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin có đề nghị bằng văn bản), Cục Thuế, Thuế tỉnh/thành phố thông báo bằng hình thức điện tử cho bên sử dụng thông tin về việc chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

- 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
- 2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết.

Điều 24. Xử lý chuyển tiếp

1. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử đã ký hợp đồng cung cấp nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn với Tổng cục Thuế (từ 01 tháng 3 năm 2025 là Cục Thuế) trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký.

2. Kể từ thời điểm doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số .../.../ND-CP và quy định tại Thông tư này, nếu phát hiện hóa đơn đã lập theo quy định tại Nghị định số 51/2010/ND-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010, Nghị định số 04/2014/ND-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính mà hóa đơn đã lập sai thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai và lập hóa đơn điện tử mới (hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã) thay thế cho hóa đơn đã lập sai. Hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập sai phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”. Người bán ký số trên hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn đã lập sai (hóa đơn lập theo Nghị

định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính) để gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã) hoặc người bán gửi cơ quan thuế để được cấp mã cho hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).

3. Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có nhu cầu cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số .../2026/NĐ-CP thì gửi đơn đề nghị theo Mẫu số 06/ĐN-PSĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và truy cập vào Hệ thống thông tin quản lý thuế để lập hóa đơn điện tử.

4. Doanh nghiệp kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại điểm q khoản 4 Điều 10 Nghị định số .../2026/NĐ-CP chuyển dữ liệu theo Mẫu số 01/TH-DT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan thuế.

5. Tổ chức kinh tế chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm a.1 khoản 3 Điều 16 Nghị định số/2026/NĐ-CP thực hiện chuyển dữ liệu tổng hợp theo Mẫu số 01/TH-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan thuế.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố, các Thuế tỉnh, thành phố, Hải quan, Kho bạc nhà nước khu vực;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Trang thông tin điện tử Chính phủ;
- Trang thông tin điện tử Bộ Tài chính, Cục Thuế;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CT (VT, CS).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

FILE ĐƯỢC ĐÍNH KÈM THEO VĂN BẢN



Biểu mẫu

Phụ lục I
HỒ SƠ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ - NGƯỜI NỘP THUẾ

*(Kèm theo Thông tư số .../.../ND-CP
ngày tháng năm của Bộ Tài chính)*

Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
01/ĐKTĐ-HĐĐT	Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử
01/TH-HĐĐT	Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử gửi cơ quan thuế
01/TH-DT	Bảng tổng hợp doanh thu
04/SS-HĐĐT	Thông báo hóa đơn điện tử đã lập sai
01/BK-ĐCTT	Bảng kê các hóa đơn điện tử đã lập sai
06/ĐN-PSĐT	Đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế
01/ĐKTĐ-CTĐT	Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng chứng từ điện tử
04/SS-CTĐT	Thông báo chứng từ điện tử đã lập sai
01/CCTT-ĐK	Đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin hóa đơn điện tử
03/DL-HĐĐT	Tờ khai dữ liệu hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra

Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử

☐ Đăng ký mới

☐ Thay đổi thông tin

Tên người nộp thuế:		
Mã số thuế:		
Cơ quan thuế quản lý:		
Người liên hệ: (Đại diện theo pháp luật/ Hộ, cá nhân kinh doanh)		Điện thoại liên hệ:..... (Đại diện theo pháp luật/ Hộ, cá nhân kinh doanh)
Số định danh cá nhân/Hộ chiếu (*)...		Ngày tháng năm sinh:
Giới tính		
Địa chỉ liên hệ: của NNT		Thư điện tử:..... của NNT
Theo Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ Tài chính, chúng tôi/tôi thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử. Chúng tôi/tôi đăng ký/thay đổi thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế về việc sử dụng hóa đơn điện tử như sau:		

1. Hình thức hóa đơn:
☐ Có mã của cơ quan thuế ☐ Hóa đơn khởi tạo từ Máy tính tiền ☐ Không có mã của cơ quan thuế
2. Hình thức gửi dữ liệu hóa đơn điện tử:
a. ☐ Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã trên Trang thông tin điện tử của Cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Cục Thuế ủy thác ☐ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ, cá nhân kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (điểm a khoản 1 Điều 11 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP) ☐ Doanh nghiệp nhỏ và vừa khác theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi Bộ Tài chính trừ doanh nghiệp hoạt động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao (điểm b khoản 1 Điều 11 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP) ☐ Cơ quan thuế hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức, xử lý tài sản công theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (khoản 1 Điều 3 Thông tư số .../2026/TT-BTC)
b. ☐ Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế:
☐ Gửi trực tiếp đến cơ quan thuế (điểm b1 khoản 3 Điều 16 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP). ☐ Gửi đến cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử (điểm b2 khoản 3 Điều 16 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP). ☐ Tổ chức nước ngoài có hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ thông qua nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác tại Việt Nam (điểm a.1.3 khoản 3 Điều 16 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP)
3. Phương thức chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử:
☐ Chuyển đầy đủ nội dung từng hóa đơn. ☐ Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/TH-HĐĐT (khoản 5 Điều 24 của Thông tư số .../2026/TT-BTC).
4. Loại hóa đơn sử dụng:

☐ Hóa đơn GTGT ☐ Hóa đơn GTGT tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí ☐ Hóa đơn bán hàng ☐ Hóa đơn bán hàng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí ☐ Hóa đơn thương mại ☐ Hóa đơn nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam ☐ Hóa đơn bán tài sản công ☐ Hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia ☐ Các loại hóa đơn khác ☐ Các chứng từ được in, phát hành, sử dụng và quản lý như hóa đơn.							
5. Danh sách chứng thư số sử dụng:							
STT	Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ ký điện tử	Số sê-ri chứng thư	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Hình thức đăng ký (Thêm mới, gia hạn, ngừng sử dụng)		
			Từ ngày	Đến ngày			
6. Đăng ký ủy nhiệm lập hóa đơn							
STT	Tên loại hóa đơn ủy nhiệm	Ký hiệu mẫu hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn ủy nhiệm	Tên tổ chức được/nhận ủy nhiệm	Mục đích ủy nhiệm	Thời hạn ủy nhiệm	Phương thức thanh toán hóa đơn ủy nhiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
7. Tổ chức cung cấp dịch vụ							
STT	Tên tổ chức cung cấp dịch vụ	Mã số thuế	Thời gian		Ghi chú		
			Từ	Đến			

			ngày	ngày				
8. Thông tin đơn vị truyền nhận								
STT	Tên đơn vị truyền nhận	Mã số thuế	Thời gian		Ghi chú			
			Từ ngày	Đến ngày				
9. Thông tin đơn vị hạch toán phụ thuộc cần cấp quyền tra cứu hóa đơn								
STT	Tên đơn vị	Mã số thuế	Thời gian		Ghi chú			
			Từ ngày	Đến ngày				
9a. Thông tin đơn vị được ủy quyền tra cứu hóa đơn								
STT	Tên đơn vị	Mã số thuế	Số sê-ri chứng thư	Hình thức hóa đơn	Loại hóa đơn	Thời gian		Phương thức tra cứu
						Từ ngày	Đến ngày	
10. Đề nghị tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử								
Trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử, chúng tôi xin phép tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử cụ thể như sau:								
STT	Thời gian tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử		Tổ chức cung cấp dịch vụ	Số sê-ri chứng thư	Ghi chú			
	Từ ngày	Đến ngày						
11. Đăng ký tích hợp hóa đơn điện tử với chứng từ điện tử								

STT	Tên loại hóa đơn tích hợp	Ký hiệu mẫu hóa đơn tích hợp	Ký hiệu hóa đơn tích hợp	Tên tổ chức được hoặc nhận tích hợp hóa đơn	Mục đích tích hợp	Thời hạn tích hợp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

Ghi chú:

(*) Đối với người đại diện là người Việt Nam điền thông tin số định danh cá nhân. Việc sử dụng số định danh cá nhân theo quy định pháp luật về căn cước.

Mẫu số 01/TH-HĐĐT

BẢNG TỔNG HỢP DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ GỬI CƠ QUAN THUẾ

[01] Kỳ dữ liệu: Tháng.....năm.....hoặc quý.....năm.....

[02] Lần đầu [] [03] Sửa đổi, Bổ sung lần thứ []

[04] Tên người nộp thuế:

.....

[05] Mã số thuế:

Số:..... Đồng tiền: Loại ngoại tệ

ST T	Ký hiệ u mã u số hóa đơn, ký hiệ u hóa đơn	số hóa đơn	Ngày tháng năm lập hóa đơn	Tên người mua	Mã số thuế người mua/ mã khách hàng	Mã t hàng	Số lượ ng	Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra chưa có thuế GTG T	Thuế suất thuế GTG T	Tôn g phí, lệ phí (nế u có)	Tôn g giảm trừ (nế u có)	Tổng số thuế GTG T	Tôn g tiền thanh toán	Tỷ giá	Trạ ng thái	Kỳ điều chỉnh h dữ liệu	Thô ng tin hóa đơn liên quan	G hi ch ú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
	X	1	1/1/2020	Nguyễn A									100		Mới			
	W	1	1/1/2020	Nguyễn D									10		Mới			
	Z	1	1/1/2020	Nguyễn C									30		Sửa thông tin trên bảng kê (do tổng hợp dữ liệu từ hóa		Z1	

Mẫu số 01/TH-DT

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU

Ngày ... tháng ... năm ...

Số:

Ký hiệu:

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Điểm kinh doanh casino/trò chơi điện tử có thưởng:

Đơn vị tính:

STT	Quầy/số bàn/số máy	Số tiền thu được	Số tiền đã đổi trả cho khách không sử dụng hết (nếu có)	Số tiền trả thưởng cho khách (nếu có)	Doanh thu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (3)-(4)-(5)	(7)
(8) Tổng doanh thu						

Ghi chú:

(7) Ghi cụ thể vào cột Ghi chú số tiền thu đã bao gồm hoặc chưa bao gồm thuế GTGT.

(8) Tổng doanh thu thu được là căn cứ để doanh nghiệp casino, trò chơi điện tử có thưởng lập hóa đơn.

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

Mẫu số 04/SS-HĐĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ ĐÃ LẬP SAI

Kính gửi: (Cơ quan thuế)

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

Người nộp thuế thông báo về việc hóa đơn điện tử đã lập sai như sau:

STT	Mã CQT cấp	Ký hiệu mẫu hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn điện tử	Ngày lập hóa đơn	Loại hóa đơn điện tử	Thông báo/ Giải trình	Lý do/Thông báo của CQT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Ghi chú:

(2): Mã CQT cấp đối với hóa đơn có mã của CQT, hóa đơn không có mã của CQT để trống.

(8) Trường hợp HĐĐT đã lập sai và người bán thực hiện Thông báo/Trường hợp CQT thông báo thì NNT giải trình.

NGƯỜI MUA (Chữ ký số của người mua nếu có)	, ngày.....tháng.....năm..... NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ (Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)
--	---

Mẫu 01/BK-ĐCTT

BẢNG KÊ CÁC HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ ĐÃ LẬP SAI

Điều chỉnh ☐ Thay thế ☐

Ngày.....tháng.....năm.....

Chúng tôi gồm:

Công ty:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Và Công ty:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Hai bên cùng nhau xác nhận điều chỉnh/thay thế các hóa đơn sau:

Thông tin trước điều chỉnh/thay thế													Thông tin sau điều chỉnh/thay thế(*)											Chênh lệch(**)			
S T T	Ký hiệu mã số hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn	Số hàng hóa dịch vụ	Tên hàng hóa dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GT	Tổng GT	Khác	Ghi chú	Ký hiệu mã số hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn	Số hàng hóa dịch vụ	Tên hàng hóa dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GT	Tổng GT	Khác	Tổng tiền trừ thuế	Thuế GT	Tổng tiền thanh toán	Khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)
	1	C22 TA	1	A	2	100	8%				Thay đổi hàng hóa bản ghi đơn hàng hóa X																
				X								3					500	1500	8%	120	1620						
	1	C22	1	B	1	20	8%				Ta	3					20	600	8%	48	64						

[illegible]

Lý do điều chỉnh/thay thế:

(*) Đối với hóa đơn thay thế cho nhiều hóa đơn thì thông tin ở mục **“Thông tin sau điều chỉnh/thay thế”** là căn cứ để lập hóa đơn thay thế.

(**) Đối với hóa đơn điều chỉnh cho nhiều hóa đơn thì thông tin ở mục **“Chênh lệch”** là căn cứ để lập hóa đơn điều chỉnh.

Chú ý: Hình thức 01 hóa đơn điều chỉnh/thay thế cho nhiều hóa đơn chỉ áp dụng đối với cùng 01 người mua trong cùng 1 tháng và cùng sai thông tin (VD: cùng sai thông tin về thuế suất hoặc cùng sai thông tin về tiền thuế hoặc sai thông tin về tên hàng hóa).

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
BÊN MUA
(Chữ ký số, chữ ký điện tử)

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
BÊN BÁN
(Chữ ký số, chữ ký điện tử)

Mẫu số: 06/ĐN-PSĐT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ NGHỊ CẤP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ

(Theo từng lần phát sinh)

[01] Cấp mới [] [02] Điều chỉnh [].....Thay thế []

Kính gửi:.....

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP HÓA ĐƠN THEO TỪNG LẦN PHÁT SINH

1. Tên tổ chức, cá nhân:
2. Địa chỉ liên hệ:
Địa chỉ thư điện tử:..... Điện thoại liên hệ:.....
3. Số Quyết định thành lập tổ chức (nếu có):
Cấp ngày:.....Cơ quan cấp:.....
4. Mã số thuế/Mã số QHVN (nếu có):.....
5. Tên người đại diện theo pháp luật hoặc Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:.....
6. Số định danh/Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật:.....
- Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
7. Mã hồ sơ (nếu có):

II. DOANH THU PHÁT SINH TỪ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG HÓA, CUNG ỨNG DỊCH VỤ

STT	Tên người mua	Địa chỉ người mua	MST/ Mã số QHVN	Số, ngày hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng số								

III. Thông tin về tài khoản ngân hàng của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp hoá đơn theo từng lần phát sinh trong trường hợp đang bị cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn

1. Tên tài khoản:
2. Số tài khoản:
3. Nơi mở tài khoản ...

IV. THÔNG TIN HÓA ĐƠN ĐIỀU CHỈNH/THAY THẾ

1. Thông tin hóa đơn bị điều chỉnh/thay thế:

STT	Mã hồ sơ	Ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn	Số hóa đơn/Ngày hóa đơn	Tên người mua	MST/Mã số QHVN	Số, ngày hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất thuế GTGT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

2. Nội dung cần điều chỉnh/thay thế

Chỉ tiêu cần điều chỉnh/thay thế	Thông tin điều chỉnh/thay thế
Tên hàng hóa, dịch vụ	
Đơn vị tính	
Số lượng	
Đơn giá	
Thuế suất thuế GTGT	
Thành tiền chưa có thuế GTGT	
Tiền thuế GTGT	
Tổng tiền có thuế GTGT	
Chi tiêu khác	
.....	

3. Thông tin số thuế:

STT	Mã hồ sơ	Ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn	Số hóa đơn/ngày hóa đơn	Số thuế đã nộp (*)				Số thuế điều chỉnh			
				Thuế GTGT	Thuế TNDN	Thuế TNCN	Thuế khác (nếu có)	Thuế GTGT	Thuế TNDN	Thuế TNCN	Thuế khác (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Chúng tôi xin cam kết:

- Các kê khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu khai sai hoặc không đầy đủ thì cơ quan thuế có quyền từ chối cấp hóa đơn.
- Quản lý hóa đơn đúng quy định của Nhà nước. Nếu vi phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

Mẫu số 01/ĐKTĐ-CTĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng chứng từ điện tử

- ☐ Đăng ký mới
☐ Thay đổi thông tin

Tên người nộp thuế:							
Mã số thuế:							
Cơ quan thuế quản lý:							
Người liên hệ: Điện thoại liên hệ:							
Địa chỉ liên hệ: Thư điện tử:							
Theo Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ Tài chính, chúng tôi/tôi thuộc đối tượng sử dụng chứng từ điện tử. Chúng tôi/tôi đăng ký/thay đổi thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế về việc sử dụng chứng từ điện tử như sau:							
1. Đối tượng phát hành							
Tổ chức, cá nhân phát hành							
Cơ quan thuế phát hành							
2. Loại hình sử dụng							
☐ Chứng từ điện tử khấu trừ thuế thu nhập cá nhân							
☐ Chứng từ điện tử khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số							
☐ Biên lai điện tử							
☐ Biên lai thu thuế, phí, lệ phí không in sẵn mệnh giá							
☐ Biên lai thu thuế, phí, lệ phí in có sẵn mệnh giá							
☐ Biên lai thu thuế, phí, lệ phí							
3. Hình thức gửi dữ liệu:							
a. ☐ Trên Trang thông tin điện tử của cơ quan thuế							
b. ☐ Thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử							
c. ☐ Thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Cục Thuế ủy thác							
4. Danh sách chứng từ số sử dụng:							
STT	Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ ký điện tử	Số sê-ri chứng thư	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Hình thức đăng ký (Thêm mới, gia hạn, ngừng sử dụng)		
			Từ ngày	Đến ngày			
5. Đăng ký ủy nhiệm lập biên lai							
STT	Tên loại	Ký hiệu mẫu biên	Ký hiệu biên lai	Tên tổ chức được ủy	Mục đích ủy	Thời hạn ủy nhiệm	Phương thức

	biên lai ủy nhiệm	lai ủy nhiệm	ủy nhiệm	nhiệm/tổ chức ủy nhiệm	nhiệm		thanh toán biên lai ủy nhiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

Mẫu số 04/SS-CTĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ ĐÃ LẬP SAI

Kính gửi: (Cơ quan thuế).

Tên tổ chức, cá nhân lập chứng từ:

Mã số thuế:

Tổ chức, cá nhân lập chứng từ thông báo về việc chứng từ điện tử đã lập sai như sau:

STT	Ký hiệu mẫu chứng từ	Ký hiệu chứng từ	Số chứng từ điện tử	Ngày lập chứng từ	Loại chứng từ điện tử	Thông báo/ Giải trình	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LẬP CHỨNG TỪ
(Chữ ký số tổ chức, cá nhân lập chứng từ)

Mẫu số 01/CCTT-ĐK

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

V/v đăng ký tài khoản truy cập
Hệ thống thông tin quản lý thuế

....., ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: Cục Thuế.

☐ Đăng ký mới

☐ Thay đổi thông tin

☐ Chấm dứt

1. Cơ quan đề nghị:

Tên cơ quan:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Đầu mối liên hệ: Tên người liên hệ:.....

Điện thoại:.....

Thư điện tử:.....

2. Nội dung đề nghị:

a) Đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử với các chỉ tiêu thông tin như sau:

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mục đích sử dụng

b) Cấp mới tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế, chứng từ điện tử theo danh sách sau:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Điện thoại di động	Thư điện tử	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng (tháng)

c) Bổ sung thời hạn sử dụng tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế theo danh sách sau:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Điện thoại di động	Thư điện tử	Tên tài khoản	Thời hạn sử dụng (tháng)

d) Chấm dứt sử dụng tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế theo danh sách sau:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Điện thoại di động	Thư điện tử	Tên tài khoản	Lý do thu hồi

3. Hình thức nhận văn bản trả lời: (Chọn một trong hai hình thức sau)

- ☐ Nhận văn bản giấy
- ☐ Nhận văn bản điện tử tại địa chỉ thư điện tử:.....

Chúng tôi cam kết truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế của cơ quan Thuế đảm bảo bí mật nhà nước, bí mật thông tin của người nộp thuế theo quy định của pháp luật; thực hiện theo các hướng dẫn, thông báo của cơ quan thuế và phối hợp khi có yêu cầu của cơ quan thuế gửi đến địa chỉ thư điện tử chúng tôi đã đăng ký nêu trên theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng tài khoản theo các quy định của cơ quan thuế và pháp luật về thuế.

Trân trọng./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 03/DL-HĐĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
DỮ LIỆU HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA

[01] Kỳ tính thuế: tháng..... năm..... hoặc quý..... năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Hóa đơn, chứng từ bán ra		Tên người mua	Mã số thuế người mua	Doanh thu chưa có thuế GTGT	Thuế GTGT	Ghi chú
	Số hóa đơn	Ngày, tháng, năm lập hóa đơn					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT):							
Tổng							
2. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:							
Tổng							
3. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:							
Tổng							
4. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:							
Tổng							

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT (*):.....

Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra (**):.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

Ghi chú:

(*) Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT là tổng cộng số liệu tại cột 6 của dòng tổng của các chỉ tiêu 2, 3, 4.

(**) Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra là tổng cộng số liệu tại cột 7 của dòng tổng của các chỉ tiêu 2, 3, 4.

Phụ lục II
CÁC MẪU THÔNG BÁO CỦA CƠ QUAN THUẾ
(Kèm theo Thông tư số .../.../TT-BTC
ngày tháng năm của Bộ Tài chính)

Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
01/TB-TNĐT	Thông báo về việc tiếp nhận/không tiếp nhận <tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử>
01/TB-SSĐT	Thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử đã lập sai
01/TB-NSD	Thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn
01/TB-SD	Thông báo về việc tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử
01/TB-SDPS	Thông báo về việc sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh
01/TB-RSĐT	Thông báo về hóa đơn điện tử cần rà soát
01/TB-KTT	Thông báo về việc hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế miễn phí dịch vụ thông qua Trang thông tin điện tử Cục Thuế/hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử được Cục Thuế ủy thác; không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế/ không đáp ứng điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền
01/TB-ĐKĐT	Thông báo về việc chấp nhận/không chấp nhận đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử
01/TB-BSTT-NNT	Thông báo về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu
01/TB-KTDL	Thông báo về việc kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử

Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
01/CCTT-TB	Thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin/tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế

Mẫu số 01/TB-TNĐT

**TÊN CƠ QUAN THUẾ
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TB-HDCTĐT

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO

**Về việc tiếp nhận/không tiếp nhận <tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng
hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử>**

Kính gửi:

<Tên người nộp thuế: ...>

<Mã số thuế của NNT:....>

*<Trường hợp 1: Trường hợp tiếp nhận Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên
lai điện tử/chứng từ điện tử >*

Căn cứ <Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu
trừ thuế - Mẫu số ... - Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BTC> của
người nộp thuế (NNT) gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm..., cơ
quan thuế tiếp nhận <Tờ khai Mẫu số 01 đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện
tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế> của NNT, cụ thể như sau:

- Tên tờ khai:

- Mã giao dịch điện tử:

Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế
..... của người nộp thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ... phút ngày...
tháng... năm... Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện
tử của người nộp thuế sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra.

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận Tờ khai ghi trên
thông báo này, cơ quan thuế sẽ trả Thông báo về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận
đăng ký của NNT, trường hợp không chấp nhận, cơ quan thuế nêu rõ lý do không chấp
nhận.

*<Trường hợp 2: Trường hợp không tiếp nhận Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện
tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử >*

Căn cứ <Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu
trừ thuế - Mẫu số- Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BTC > của người
nộp thuế (NNT) gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm..., cơ quan
thuế không tiếp nhận <Tờ khai Mẫu số đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên
lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế > của NNT, cụ thể như sau:

- Tên tờ khai:

- Mã giao dịch điện tử:

- Lý do không tiếp nhận:
- Đầu mối xử lý:

<Trường hợp 3: Trường hợp tiếp nhận Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử >

Căn cứ <Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế - Mẫu số - Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BTC > của người nộp thuế (NNT) gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm..., cơ quan thuế tiếp nhận <Tờ khai Mẫu số đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế> của NNT, cụ thể như sau:

- Tên tờ khai:
- Mã giao dịch điện tử:

Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế của người nộp thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm... Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế của người nộp thuế sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra.

Cơ quan thuế sẽ trả Thông báo Mẫu số ... ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BTC về việc, chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký của NNT, trường hợp không chấp nhận, cơ quan thuế nêu rõ lý do không chấp nhận.

<Trường hợp 4: Trường hợp không tiếp nhận Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử >

Căn cứ < Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế - Mẫu số.... - Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BTC > của người nộp thuế (NNT) gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm..., cơ quan thuế không tiếp nhận <Tờ khai Mẫu số đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế> của NNT, cụ thể như sau:

- Tên tờ khai:
- Mã giao dịch điện tử:
- Lý do không chấp nhận:
- Đầu mối xử lý:

Trường hợp NNT/Quý đơn vị cần biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn <<http://www.xxx.gdt.gov.vn>> hoặc liên hệ với <tên cơ quan thuế giải quyết hồ sơ> để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện.

<Chữ ký số của cơ quan thuế>

Ghi chú:

Chữ in nghiêng trong dấu <> nhằm mục đích giải thích rõ. NNT, CQT chọn trường hợp thông báo tương ứng.

Mẫu số 01/TB-SSDT

TÊN CƠ QUAN THUẾ
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-... ..

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO

Về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử đã lập sai

Kính gửi:(Họ tên người nộp thuế:)
(Mã số thuế của NNT:)

Sau khi xem xét Thông báo hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử đã lập sai ngày .../.../.... của:

Người nộp thuế

Mã số thuế:

Cơ quan thuế thông báo (tiếp nhận/không tiếp nhận) hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử đã lập sai.

(Trong trường hợp tiếp nhận việc thông báo/giải trình hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử đã lập sai thì ghi: Cơ quan Thuế đã tiếp nhận Thông báo hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử đã lập sai ngày/.../.... của quý công ty).

(Trong trường hợp không tiếp nhận việc thông báo/giải trình hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử đã lập sai thì ghi: Đề nghị quý công ty kiểm tra, đối chiếu hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử đã lập sai do thông tin chưa chính xác).

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện.

**CƠ QUAN THUẾ/
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**
(Chữ ký số)

Ghi chú:

- Trường hợp CQT tiếp nhận Mẫu số 04/SS-HĐĐT ban hành kèm theo Thông tư này do NNT gửi đến theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6, Điều 17 Thông tư này thì Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tự động thông báo về việc tiếp nhận và “Chữ ký số” là chữ ký số của cơ quan thuế.

- Trường hợp CQT tiếp nhận Mẫu số 04/SS-HĐĐT ban hành kèm theo Thông tư này do NNT gửi đến theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này thì “Chữ ký số” là chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế.

Mẫu số 01/TB-NSD

**TÊN CƠ QUAN THUẾ
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TB-... ..

... .., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO

Về việc ngừng sử dụng hóa đơn

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều 11 Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày .../.../2026 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông báo số ngày của (Cơ quan chức năng gửi thông báo tới cơ quan Thuế/hoặc thông báo của cơ quan thuế) thuộc trường hợp tại điểm ... khoản 1 Điều 11 Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ Tài chính) thông báo doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh (lý do: ghi rõ lý do theo từng trường hợp cụ thể), Cơ quan Thuế thông báo:

(Tên cơ quan ban hành văn bản)... thông báo về việc với(Tên người nộp thuế)...

Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở kinh doanh:

Lý do thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền: ... (ghi rõ lý do các trường hợp tại điểm ... khoản 1 Điều 11 Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ Tài chính)

Thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có hiệu lực kể từ ... giờ ... phút... giây ngày .../.../....

Người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kể từ thời điểm thông báo ngừng sử dụng hóa đơn có hiệu lực thì hành thi được coi là sử dụng hóa đơn không hợp pháp theo quy định tại điểm ... khoản Điều 4 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

**CƠ QUAN THUẾ/
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**
(Chữ ký số)

Ghi chú:

- Trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm a, b, c, d, h, l, m khoản 1 Điều 11 Thông tư số .../2026/TT-BTC, Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tự động ra Thông báo thì “Chữ ký số” là chữ ký số của cơ quan thuế.
- Trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm đ, e, g, i CQT ra Thông báo thì “Chữ ký số” là chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế.

Mẫu số 01/TB-SD

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB -

....., ngày..... tháng... .. năm.....

THÔNG BÁO
Về việc tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử

Cục Thuế thông báo đến (Người nộp thuế:....)

Mã số thuế:....

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 11 Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ Tài chính quy định các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử.

Sau khi rà soát, cơ quan thuế thông báo người nộp thuế kể từ ngày tháng năm được tiếp tục <sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế> hoặc <sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế> đã đăng ký với cơ quan thuế.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo TB.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO
(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)

Mẫu số 01/TB-SDPS

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB -

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh

Cục Thuế thông báo đến (Tên người nộp thuế).....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Địa chỉ thư điện tử:.....

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

Căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

Trong thời gian giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ Tài chính quy định các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử, <Tên người nộp thuế> chuyển sang hình thức sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh.

Cơ quan thuế thông báo để <Tên người nộp thuế> biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo TB.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO
(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)

Mẫu số 01/TB-RSĐT

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN THUẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
RA THÔNG BÁO

Số:..../TB-..... , ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO VỀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CẦN RÀ SOÁT

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Địa chỉ thư điện tử:.....

Cơ quan thuế thông báo về việc hóa đơn điện tử của đơn vị cần rà soát như sau:

STT	Ký hiệu mẫu hóa đơn và ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn điện tử	Ngày lập hóa đơn điện tử	Loại áp dụng hóa đơn điện tử	Lý do cần rà soát
1	2	3	4	5	6

Trong thời gian 02 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thuế, đơn vị thực hiện thông báo với cơ quan thuế./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO
(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)

Mẫu số: 01/TB-KTT

**TÊN CƠ QUAN THUẾ
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TB-.....

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO

Về việc hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế được miễn phí dịch vụ thông qua Trang thông tin điện tử Cục Thuế/hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử được Cục Thuế ủy thác; không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế/ không đáp ứng điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền

Kính gửi: (Người nộp thuế:....)
(Mã số thuế:....)

Sau khi rà soát điều kiện thực hiện, cơ quan thuế thông báo người nộp thuế (Mã số thuế:) kể từ ngày.... tháng.... năm.... (hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ thông qua Trang thông tin điện tử của Cục Thuế/hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử được Cục Thuế ủy thác/không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế/không đáp ứng điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền), đề nghị người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)

Mẫu số 01/TB-ĐKĐT

**TÊN CƠ QUAN THUẾ
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TB-... ..

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO

Về việc chấp nhận/không chấp nhận đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử

Kính gửi: (Họ tên người nộp thuế:)
(Mã số thuế của NNT:)

Sau khi xem xét tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử ngày.../.../...

Cơ quan thuế thông báo (chấp nhận/không chấp nhận) đề nghị đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử của đơn vị.

(Trong trường hợp chấp nhận người nộp thuế đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử thì ghi: Tài khoản đã được gửi đến hộp thư điện tử của người nộp thuế/điện thoại liên hệ, đề nghị người nộp thuế thực hiện khai báo các thông tin liên quan theo nội dung hướng dẫn của cơ quan thuế tại thư điện tử này).

(Trong trường hợp không chấp nhận doanh nghiệp đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử thì ghi: Cơ quan thuế không chấp nhận người nộp thuế đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử). Lý do: (Lý do không chấp nhận).

(Trong trường hợp ủy thác qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử thì cơ quan thuế thông báo người nộp thuế đăng ký giao dịch sử dụng hóa đơn điện tử miễn phí dịch vụ qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử). (Tên, địa chỉ đăng ký).

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện.

**CƠ QUAN THUẾ/
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**
(Chữ ký số)

Ghi chú:

- Trường hợp Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tự động ra Thông báo thì “Chữ ký số” là chữ ký số của cơ quan thuế.
- Trường hợp CQT ra Thông báo thì “Chữ ký số” là chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế.

Mẫu số: 01/TB-BSTT-NNT

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ
THUẾ
BAN HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-...

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu

Kính gửi:(Tên người nộp thuế).....

Mã số thuế:

Địa chỉ nhận thông báo :

Căn cứ quy định của pháp luật thuế hiện hành về trách nhiệm của người nộp thuế trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế;

Để làm rõ các nội dung:

1

2

Trong hồ sơ:.....;

(Tên cơ quan quản lý thuế ban hành thông báo) đề nghị(Tên người nộp thuế)..... giải trình và bổ sung thông tin, tài liệu sau đây:

1

2

Văn bản giải trình, thông tin, tài liệu bổ sung gửi về cơ quan quản lý thuế
..... trước ngày..... tháng..... năm

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan quản lý thuế
..... theo số điện thoại: địa chỉ:

(Tên cơ quan quản lý thuế ra thông báo) thông báo để (Tên người nộp thuế)..... được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN
LÝ THUẾ
BAN HÀNH THÔNG BÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Phần các nội dung cần giải trình, bổ sung thông tin tài liệu cần ghi rõ thuộc hồ sơ thuế nào (khai thuế, miễn giảm, hay hoàn thuế....) và kỳ tính thuế.

Mẫu số: 01/TB-KTDL

**TÊN CƠ QUAN THUẾ
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TB-HĐĐT

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO

Về việc kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử

Kính gửi: <Tên người nộp thuế:...>

<Mã số thuế của NNT:....>

<Trường hợp 1: Thông báo hóa đơn không đủ điều kiện cấp mã>

Căn cứ <Thông điệp gửi hóa đơn tới cơ quan thuế để cấp mã> của người nộp thuế (NNT)/Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày ... tháng... năm....., cơ quan thuế thông báo hóa đơn không đủ điều kiện cấp mã của NNT, cụ thể như sau:

Ký hiệu hóa đơn:

Ký hiệu mẫu hóa đơn:

Số hóa đơn:

Thời điểm lập hóa đơn:

Mã giao dịch điện tử:

Lý do không cấp mã:

STT	Mô tả lỗi	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	<nhóm lỗi>(<tên lỗi>)		

<Trường hợp 2: Thông báo kết quả kiểm tra sơ bộ tính hợp lệ của gói dữ liệu HĐĐT>

Căn cứ <Thông điệp chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử không mã đến CQT/Thông điệp thông báo hủy/giải trình HĐĐT có mã/không mã đã lập sai /Thông điệp chuyển bảng tổng hợp dữ liệu HĐĐT không mã đến CQT...> của người nộp thuế (NNT)/Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày ... tháng ... năm....., cơ quan thuế đã tiếp nhận gói dữ liệu hóa đơn điện tử:

Mã giao dịch điện tử:

Mã số thuế:

Số lượng dữ liệu trong gói:

Cơ quan thuế thông báo kết quả kiểm tra sơ bộ tính hợp lệ của gói dữ liệu HĐĐT như sau:

< Trường hợp kết quả kiểm tra gói dữ liệu hợp lệ>

Kết quả kiểm tra sơ bộ gói dữ liệu của người nộp thuế (NNT)/Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử gửi tới cơ quan thuế là hợp lệ.

Trong trường hợp cơ quan thuế kiểm tra và phát hiện dữ liệu chi tiết đã gửi/đã lập sai, cơ quan thuế sẽ có thông báo đến người nộp thuế.

<Trường hợp kết quả kiểm tra gói dữ liệu không hợp lệ>

Kết quả kiểm tra sơ bộ gói dữ liệu của người nộp thuế (NNT)/Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử gửi tới cơ quan thuế là không hợp lệ.

Lý do:

STT	Mô tả lỗi	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	<nhóm lỗi>(<tên lỗi>)		

Trường hợp NNT/Quý đơn vị cần biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn <<http://www.xxx.gdt.gov.vn>> hoặc liên hệ với <tên cơ quan thuế giải quyết hồ sơ> để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện.

<Chữ ký số của cơ quan thuế>

Ghi chú:

Chữ in nghiêng trong dấu <> nhằm mục đích giải thích rõ hoặc đưa ra ví dụ.

NNT chọn trường hợp thông báo theo tương ứng.

Mẫu số: 01/CCTT-TB

**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc đăng ký mới hoặc
bổ sung nội dung cung cấp thông tin/tài khoản truy cập
Hệ thống thông tin quản lý thuế**

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký)

Sau khi nhận được đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin/tài khoản truy cập hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử số.... ngày.../.../..... của:

Tên cơ quan:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Đầu mối liên hệ: Tên người liên hệ.....

Điện thoại..... Thư điện tử.....

Cục Thuế thông báo (tiếp nhận/không tiếp nhận) đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin/tài khoản truy cập hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

(Trường hợp không đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin/tài khoản truy cập hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử. Nêu rõ lý do:.....
.....)

Cục Thuế thông báo để quý cơ quan được biết./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO
(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)

Phụ lục III
CÁC MẪU THAM KHẢO VỀ HÓA ĐƠN/BIÊN LAI ĐIỆN TỬ HIỆN THỊ
(Kèm theo Thông tư số .../.../TT-BTC
ngày tháng năm của Bộ Tài chính)

Mẫu hiện thị	Tên loại hóa đơn
01/GTGT	Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng (dùng cho tổ chức, cá nhân khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ)
01/GTGT-ĐT	Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng (dùng cho một số tổ chức, doanh nghiệp đặc thù)
01/GTGT-NT	Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng (dùng cho một số tổ chức, doanh nghiệp đặc thù thu bằng ngoại tệ)
02/BH	Hóa đơn điện tử bán hàng (dùng cho tổ chức, cá nhân khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp)
08/TSC	Hóa đơn bán tài sản công
01/DTQG	Hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia
01/GTGT-TKHT	Hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế
01/GTGT-BL	Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí
02/BH-BL	Hóa đơn điện tử bán hàng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí
01/TMĐT	Hóa đơn thương mại điện tử
01/BTS	Hóa đơn bán tài sản là ô tô, xe máy phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu
03/XKNB	Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
04/HGĐL	Phiếu xuất kho gửi bán hàng đại lý
01/BK-CSGH	Bảng kê hàng hóa bán ra
01/MBL	Mã biên lai của cơ quan thuế phát hành
CTT50	Biên lai thu thuế
01/PLPĐT	Biên lai thu phí, lệ phí điện tử

03/TNCN	Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân
01/CTKT- TMĐT	Chứng từ khấu trừ thuế đối với hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử

Mẫu số 01/GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu:.....

Số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Tên người
bán:.....
Mã số
thuế:.....
Địa
chỉ:.....
Điện thoại:..... Số tài
khoản:.....

Họ tên người
mua:.....
Tên người
mua:.....
Mã số
thuế:.....
Địa
chỉ:.....
Hình thức thanh toán:..... Số tài
khoản:.....

Đồng tiền thanh toán: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	Thành tiền có thuế GTGT
1	2	3	4	5	6	7=4x5	8=7x6	9=7+8

Tổng tiền chưa có thuế GTGT:

Tổng tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế
suất:.....

Số tiền viết bằng

chữ:.....

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Mẫu số 01/GTGT-ĐT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu:.....

Số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Tên người
bán:.....
Mã số
thuế:.....
Địa
chỉ:.....
Điện thoại:..... Số tài
khoản:.....

Tên người
mua:.....
Mã số
thuế:.....
Địa
chỉ:.....
Hình thức thanh toán:..... Số tài
khoản:.....

Đồng tiền thanh toán: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thành tiền
1	2	3

Thành tiền chưa có thuế GTGT:.....

Thuế suất giá trị gia tăng:..... % Tiền thuế giá trị gia
tăng:.....

Tổng tiền thanh toán:
Số tiền viết bằng
chữ:.....

NGƯỜI MUA HÀNG

Chữ ký số (nếu có)

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mẫu số 01/GTGT-NT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu:.....

Số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Tên người bán:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Số tài khoản.....

Tên người mua:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Hình thức thanh toán:..... Số tài khoản.....

Đồng tiền thanh toán USD

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	Thành tiền có thuế GTGT	Tỷ giá (USD/VND)
1	2	3	4	5	6	7 = 4x5	8 = 6x7	9 = 7+8	10

Tổng tiền chưa có thuế GTGT:.....

Tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất:.....

Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT:.....

Số tiền viết bằng chữ:.....

NGƯỜI MUA HÀNG

Chữ ký số (nếu có)

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mẫu số 02/BH

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG					
				Ký hiệu:.....	
				Số:.....	
Ngày..... tháng..... năm.....					
Tên người bán:..... Mã số thuế:..... Địa chỉ:..... Số tài khoản:..... Điện thoại:..... Họ tên người mua hàng:..... Tên người mua:..... Địa chỉ:..... Số tài khoản:..... Hình thức thanh toán:..... MST:.....					
Đồng tiền thanh toán: VNĐ					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4x5
Tổng tiền thanh toán:..... Số tiền viết bằng chữ:..... NGƯỜI MUA HÀNG <i>Chữ ký số (nếu có)</i> NGƯỜI BÁN HÀNG <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i>					
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)					

Mẫu số 08/TSC

HÓA ĐƠN BÁN TÀI SẢN CÔNG Liên 1: (lưu) Ngày... tháng... năm.....				Mẫu số..... Ký hiệu:..... Số:.....															
- Đơn vị bán tài sản NN:..... - Địa chỉ:..... Điện thoại:..... MST/MSĐVCQHVNS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> </tr> </table>																			
- Số tài khoản:..... tại..... - Bán theo Quyết định số..... ngày... tháng... năm... của..... - Hình thức bán:..... - Người mua tài sản NN:..... - Đơn vị:..... Số tài khoản..... MST/MSĐVCQHVNS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> </tr> </table>																			
- Hình thức thanh toán:..... - Địa điểm vận chuyển hàng đến(*): - Thời gian vận chuyển (*): Từ ngày..... tháng..... năm.... đến ngày..... tháng..... năm....																			
STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)														
Cộng tiền bán tài sản:.... Số tiền viết bằng chữ: NGƯỜI MUA HÀNG <i>Chữ ký số (nếu có)</i> THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i>																			

Phân gia hạn thời gian vận chuyển (nếu có) (*):		
- Lý do gia hạn - Thời gian gia hạn vận chuyển: Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm... - Đơn vị gia hạn (Ký tên, đóng dấu):		
Liên 1: Lưu hóa đơn gốc	Liên 2: Giao cho khách hàng	Liên 3: Dùng cho kế toán thanh toán
Các chỉ tiêu có dấu (*) chỉ áp dụng đối với tài sản là hàng hóa nhập khẩu bị tịch thu		

Mẫu số 01/DTQG

TÊN ĐƠN VỊ DỰ TRỮ:..... (1) HÓA ĐƠN BÁN HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA (Chỉ sử dụng cho bán hàng dự trữ quốc gia) Liên 1: (Lưu) (2) Ngày..... tháng..... năm....	Mẫu số..... Ký hiệu:.... Số.....							
Đơn vị bán hàng: Địa chỉ: Số tài khoản Điện thoại: MS 								
Họ tên người mua hàng: Số định danh cá nhân/ Hộ chiếu: Đơn vị: Địa chỉ Số tài khoản tại ngân hàng: Hình thức thanh toán: MST: 								
Số TT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền			
a	b	c	1	2	3 = 1x2			
Cộng tiền bán hàng:.....								
Số tiền viết bằng chữ:.....								
ĐƠN VỊ DỰ TRỮ <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 33%; vertical-align: top;"> NGƯỜI MUA HÀNG <i>Chữ ký số (nếu có)</i> </td> <td style="width: 33%; vertical-align: top;"> KẾ TOÁN TRƯỞNG (3) <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i> </td> <td style="width: 33%; vertical-align: top;"> THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i> </td> </tr> </table>						NGƯỜI MUA HÀNG <i>Chữ ký số (nếu có)</i>	KẾ TOÁN TRƯỞNG (3) <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i>	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i>
NGƯỜI MUA HÀNG <i>Chữ ký số (nếu có)</i>	KẾ TOÁN TRƯỞNG (3) <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i>	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i>						
(MST là mã số thuế tương ứng với đơn vị mua hoặc bán hàng DTQG) (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (In tại....., mã số thuế.....)								
<i>Ghi chú:</i> (1) - Liên 1: Lưu; Liên 2: Giao khách hàng; Liên 3: Dùng thanh toán nội bộ; Liên 4: Dùng cho thủ kho (2) - Đối với đơn vị dự trữ không có chức danh Kế toán trưởng thì người ký là phụ trách kế toán.								

Mẫu số 01/GTGT-TKHT

Trang 1 (Page 1)

Mẫu số (Form No):

Ký hiệu (Reference No):

Số (No):

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIỂM TỜ KHAI HOÀN THUẾ
(VAT INVOICE CUM TAX REFUND DECLARATION)**

.....ngày.....tháng.....năm.....(.....day month year.....)

PHẦN A (do cửa hàng ghi) PART A (completed by retailer)
1. Thông tin về doanh nghiệp (Company's information)
a. Tên đơn vị bán hàng (Name of retailer):
b. Mã số thuế (Tax code):
c. Địa chỉ (Address):
2. Thông tin về khách hàng (Tourist's information)
a. Họ và tên (Full name):
b. Số hộ chiếu (Passport number)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents):
Ngày cấp hộ chiếu (Date of issue)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents):
Ngày hết hạn hộ chiếu (Date of expiry)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents):
c. Quốc tịch (Nationality):
3. Thông tin về hàng hóa (Commodities' information)

STT (No)	Tên hàng hóa (Name of goods) (1)	Đơn vị tính (Unit of measure ment)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thuế suất (Tax rate)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT)	Thành tiền có thuế GTGT (Amount including VAT)
1	2	3	4	5	6	7 = 4 x 5	8 = 6 x 7	9 = 7 + 8
1	A							
2	B							
3	C							
...	...							
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total excluding VAT):								
Tổng số tiền thuế GTGT (Total VAT):								
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):								
Số tiền viết bằng chữ (Total payment by word):								

Người nước ngoài mua hàng
(Tourist)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature and full name)

Đại diện đơn vị bán hàng (Seller)
(Chữ ký số người bán)

Ghi chú: (1) bao gồm nhãn hiệu, ký hiệu hàng hóa (số seri, model (nếu có), xuất xứ hàng hóa áp dụng đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, số máy áp dụng đối với mặt hàng cơ khí điện tử.

Note: (1) including trademarks and markings (products' serial, model numbers (if available), origin for imported goods, or engine number for electro-mechanical goods

Trang 2 (page 2)

Mẫu số (Form No):

Ký hiệu (Reference No):

Số (No):

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIỂM TỜ KHAI HOÀN THUẾ (VAT INVOICE CUM TAX REFUND DECLARATION)

...ngày...tháng.....năm.....(.....day.... month year....)

Thông tin quan trọng cho người nước ngoài (Important notice to tourists)				
- Bạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014; Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính để được hoàn thuế giá trị gia tăng; (Tourists must fulfill all the conditions specified in Circular No 72/2014/TT-BTC dated 30/5/2014; Circular No 92/TT-BTC dated 31/12/2019 amending, supplementing the Circular No 72/2014/TT-BTC by the Minister of Finance to be eligible for VAT refund) - Bạn phải làm thủ tục hoàn thuế trong vòng 60 ngày kể từ ngày mua hàng (kể từ ngày phát hành hóa đơn); (Tourists must claim for VAT refund within 60 days from the date of purchase (from the date of issuing invoice)) - Bạn được hoàn thuế GTGT khi đi đường hàng không/ đường biển tại sân bay quốc tế/ cảng biển quốc tế. (Tourists shall claim for VAT refund when departing from International Airport/ International Seaport)				
Phần B (Dành cho cơ quan hải quan) (Part B (completed by customs))				
Ghi kết quả kiểm tra hóa đơn kiểm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa, tính số thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn (Examination results of VAT refund invoice and declaration, goods; calculation of VAT amount refunded to tourist)				
- Kết quả kiểm tra hàng hóa, tính số thuế GTGT được hoàn (Result of goods examination, calculation of VAT refund amount):				
STT (No)	Tên hàng (Name of goods)	Số lượng (Quantity)	Số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn kiểm tờ khai hoàn thuế (VAT amount declared in VAT refund invoice and declaration)	Số tiền thuế GTGT được hoàn theo công thức quy định tại Điều 12 Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính (VAT amount refunded to tourist using the formula stated in Article 12 of the Circular 72/2014/TT-BTC of the Minister of Finance)
1	A			
2	B			
3	C			
...	...			
Tổng cộng (Total)				
.....ngày.....tháng.....năm..... (...day ... month... year ...) Người kiểm tra (Examination officer) (Ký, đóng dấu công chức, ghi rõ họ tên) (Signature, stamp and full name)				
PHẦN C (Dành cho ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế) Part C (completed by commercial bank approved as VAT refund agent)				

- Số hiệu, ngày tháng chuyến bay/chuyến tàu của người nước ngoài xuất cảnh:
(*Date and number of the Flight/Ship of the tourist*)
- Số tiền thuế hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh:
(*VAT amount refunded for the tourist*)
- Hình thức thanh toán (*Payment methods*):
 - + Tiền mặt (*Cash*) ☐
 - + Qua thẻ quốc tế (*Via international card*) ☐
 - ++ Số thẻ (6 số đầu và 4 số cuối của thẻ)
Card number (*first six and last four digits of a card*)
 - ++ Tên thẻ:
(*Cardholder name*)
..... ngày... tháng....năm..... (*.....day....month.....year....*)
(*Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*) (*Signature, stamp and full name*)

Mẫu số 01/GTGT-BL

HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TÍCH HỢP BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ

Ngày tháng năm

Ký hiệu:

Số:

PHẦN I: HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Tên người bán:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại: Số tài khoản:

Tên người mua:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán: Số tài khoản: Đồng tiền thanh toán: VND

S T T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4*5

Thành tiền chưa có thuế GTGT:

Thuế suất GTGT:% Tiền thuế GTGT:

Tổng tiền thanh toán:

Số tiền bằng chữ:

PHẦN II: BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ

Mẫu số:

Ký hiệu:

Số:

Tên đơn vị thu:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Tên của tổ chức hoặc người nộp tiền:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Căn cứ thông báo nộp thuế của: Số thuế phải nộp theo thông báo

.....

Số.....ngày.....tháng.....năm

Nội dung thu:

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký số)

Mẫu số 01/BH-BL

HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ BÁN HÀNG TÍCH HỢP BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ

Ngày thángnăm

Ký hiệu:

Số:

PHẦN I: HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

Tên người bán:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản

Tên người mua:

Mã số thuế:

Địa chỉ

Hình thức thanh toán: Số tài khoản: Đồng tiền thanh

toán: VND

ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4*5

Tổng tiền thanh toán:

Số tiền bằng chữ:

PHẦN II: BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ

Mẫu số:

Ký hiệu:

Số:

Tên đơn vị thu:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Tên của tổ chức hoặc người nộp tiền:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Căn cứ thông báo nộp thuế của:

Số thuế phải nộp theo thông báo

Số.....ngày.....tháng.....năm

Nội dung thu:.....

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký số)

Mẫu số 01/TMDT

HÓA ĐƠN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
(Commercial Invoice)

Mẫu số (Form number):

Ký hiệu (Reference number):

Số (Invoice number):

Ngày.....tháng.....năm 20.....
(Date....month....year.....)

Tên người bán (The Seller name):

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address):

Điện thoại (Phone number):

Số tài khoản (Bank account):

Tên người mua (The Buyer name):

Mã số thuế(Tax code):

Địa chỉ(Address):

Số tài khoản (Bank account):

Đồng tiền thanh toán (Curency):

ST T (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5

Tổng cộng tiền thanh toán (Total amount):

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):

NGƯỜI MUA HÀNG
(THE BUYER)

NGƯỜI BÁN HÀNG
(THE SELLER)
(Chữ ký số)
(E- Signature)

Mẫu số 01/BTS

HÓA ĐƠN BÁN TÀI SẢN LÀ Ô TÔ, XE MÁY PHẢI ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG, QUYỀN SỞ HỮU						Ký hiệu: 1C26RAA						
Ngày tháng năm 2026						Số: 00000012						
Tên người bán:												
Mã số thuế:												
Địa chỉ:												
Điện thoại: Số tài khoản												
Tên người mua (Tên của chủ sở hữu, sử dụng tài sản):												
Mã số thuế:												
Địa chỉ:												
Hình thức thanh toán: Số tài khoản: Đồng tiền thanh toán: VND												
STT	Thông tin tài sản					Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	Thành tiền có thuế GTGT
	Loại tài sản	Số khung	Số máy	Số Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường	Số seri giấy chứng nhận đăng kiểm							
1	2a	2b	2c	2d	2e	3	4	5	6	7 = 4x5	8 = 6x7	9 = 7+8
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:												
Tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất:												
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT:												
Số tiền viết bằng chữ:												
NGƯỜI MUA HÀNG												
(Chữ ký số (nếu có))												

Mẫu số 03/XKNB

Tên người xuất hàng: Công ty A

Theo lệnh điều động số 578 của Chi nhánh B về việc vận chuyển hàng hóa

Địa chỉ kho xuất hàng: 125 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội

Tên người vận chuyển: Trần Văn Đức

Phương tiện vận chuyển: ô tô bán tải số 30 A 410.67

Mã số thuế người xuất hàng:.....

PHIẾU XUẤT KHO KIỂM VẬN CHUYỂN NỘI BỘ

Ngày..... tháng..... năm.....

Ký hiệu:.....

Số:.....

Tên người nhận hàng: Trần Văn C

Địa điểm nhận hàng: 99 Cầu Giấy, Hà Nội

Mã
thuế:..... số

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Thực xuất	Thực nhập		
	Tổng cộng:						

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký số)

Mẫu số: 04/HGĐL

Tên tổ chức, cá nhân:..... Ký hiệu:
Địa chỉ:..... Số:
Mã số thuế:.....

PHIẾU XUẤT KHO HÀNG GỬI BÁN ĐẠI LÝ

Ngày..... tháng..... năm.....

Căn cứ hợp đồng kinh tế số:..... Ngày..... tháng..... năm.....
của..... với (tổ chức, cá nhân)..... MST:.....
Họ tên người vận chuyển:..... Hợp đồng số:.....
Phương tiện vận chuyển:.....
Xuất tại kho:.....
Nhập tại kho:.....

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng cộng:					

NGƯỜI NHẬN HÀNG NGƯỜI LẬP THỦ KHO XUẤT NGƯỜI VẬN CHUYỂN THỦ KHO NHẬP
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mẫu số: 01/BK-CSGH

BẢNG KÊ HÀNG HÓA BÁN RA

(Gửi cho cơ sở có hàng hóa điều chuyển hoặc cơ sở có hàng hóa gửi bán)

Kính gửi: Tên cơ sở có hàng hóa điều chuyển, cơ sở có hàng hóa gửi bán

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Tên cơ sở hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, cửa hàng, cơ sở nhận làm đại lý
bán hàng).....

Địa
chỉ:.....

Xin gửi bảng kê hàng hóa bán ra để làm cơ sở lập hóa đơn giá trị gia tăng
như sau:

TT	Hóa đơn, chứng từ bán ra		Loại hàng hóa	Số lượng	Đơn giá chưa có thuế	Thuế suất	Thành tiền
	Số hóa đơn	Ngày, tháng, năm lập hóa đơn					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng							

..., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ SỞ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC,
CHI NHÁNH, CỬA HÀNG, CƠ SỞ NHẬN LÀM ĐẠI LÝ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 01/MBL

MÃ BIÊN LAI CỦA CƠ QUAN THUẾ PHÁT HÀNH

Mã	Cơ quan Thuế
01	Thành phố Hà Nội
02	Thành phố Hồ Chí Minh
03	Thành phố Hải Phòng
04	Tỉnh Ninh Bình
05	Tỉnh Bắc Ninh
06	Tỉnh Thái Nguyên
07	Tỉnh Tuyên Quang
08	Tỉnh Phú Thọ
09	Tỉnh Sơn La
10	Tỉnh Thanh Hóa
11	Thành phố Đà Nẵng
12	Thành phố Huế
13	Tỉnh Gia Lai
14	Tỉnh Đắk Lắk
15	Tỉnh Khánh Hòa
16	Tỉnh Tây Ninh
17	Tỉnh Vĩnh Long
18	Thành phố Cần Thơ
19	Tỉnh Đồng Tháp
20	Tỉnh Cà Mau
21	Tỉnh Nghệ An
22	Tỉnh Cao Bằng

23	Tỉnh Lai Châu
24	Tỉnh Lào Cai
25	Tỉnh Điện Biên
26	Tỉnh Lạng Sơn
27	Tỉnh Quảng Ninh
28	Tỉnh Hưng Yên
29	Tỉnh Quảng Trị
30	Tỉnh Hà Tĩnh
31	Tỉnh Quảng Ngãi
32	Tỉnh Lâm Đồng
33	Tỉnh Đồng Nai
34	Tỉnh An Giang
35	Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn
36	Chi cục Thuế thương mại điện tử

Mẫu số 03/TNCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG TỪ KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Mẫu số:

Ký hiệu:

Số:

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC TRẢ THU NHẬP

[01] Tên tổ chức trả thu nhập:

[02] Mã số thuế:

[03] Địa chỉ:

[04] Điện thoại:

II. THÔNG TIN CÁ NHÂN, HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

[05] Họ và tên:

[06] Mã số thuế:

[07] Quốc tịch:

[08] Cá nhân cư trú [09] Cá nhân không cư trú

[10] Địa chỉ:

[11] Điện thoại liên hệ:

[12] Số định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân hoặc số hộ chiếu (*Trường hợp chưa
đăng ký thuế*):

III. THÔNG TIN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN KHẤU TRỪ

[13] Khoản thu nhập:

[14] Khoản đóng bảo hiểm bắt buộc

[15] Khoản đóng từ thiện, nhân đạo, khuyến học:

[16] Thời điểm trả thu nhập: Từ tháng:đến tháng:năm.

[17] Tổng thu nhập chịu thuế phải khấu trừ:

[18] Tổng thu nhập tính thuế:

[19] Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ:

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KHẤU TRỪ

(*Chữ ký điện tử, chữ ký số*)

Mẫu số: 01/CTKT-TMĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG TỪ KHẤU TRỪ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ, CÁ NHÂN CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Năm: ...

Mẫu số:
Ký hiệu:
Số:

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC KHẤU TRỪ THUẾ

- [01] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử :
- [02] Mã số thuế khấu trừ, nộp thay:
- [03] Địa chỉ:
- [04] Điện thoại:

II. THÔNG TIN GIAN HÀNG HOẶC HỘ, CÁ NHÂN

- [05] Tên gian hàng/ Tên tài khoản trên nền tảng thương mại điện tử :.....
- [06] Tên hộ/Hộ và tên cá nhân:
- [07] Mã số thuế:
- [08] Quốc tịch:
- [09] Địa chỉ hoặc điện thoại liên hệ:
- [10] Số CCCD hoặc số giấy tờ định danh (Trường hợp không có mã số thuế):...

III. THÔNG TIN SỐ THUẾ ĐÃ KHẤU TRỪ

Đơn vị tiền: ...

STT	Nhóm ngành nghề	Mã chỉ tiêu	Doanh thu của hộ, cá nhân	Số thuế đã khấu trừ		
				Thuế GTGT	Thuế TNCN	Tổng cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) + (6)
1	Cung cấp hàng hóa	[11]				
2	Cung cấp dịch vụ	[12]				

Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử

☐ Đăng ký mới

☐ Thay đổi thông tin

Tên người nộp thuế:		
Mã số thuế:		
Cơ quan thuế quản lý:		
Người liên hệ: (Đại diện theo pháp luật/ Hộ, cá nhân kinh doanh)		Điện thoại liên hệ:..... (Đại diện theo pháp luật/ Hộ, cá nhân kinh doanh)
Số định danh cá nhân/Hộ chiếu (*)...		Ngày tháng năm sinh:
Giới tính		
Địa chỉ liên hệ: của NNT		Thư điện tử:..... của NNT
Theo Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ Tài chính, chúng tôi/tôi thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử. Chúng tôi/tôi đăng ký/thay đổi thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế về việc sử dụng hóa đơn điện tử như sau:		

1. Hình thức hóa đơn:
☐ Có mã của cơ quan thuế ☐ Hóa đơn khởi tạo từ Máy tính tiền ☐ Không có mã của cơ quan thuế
2. Hình thức gửi dữ liệu hóa đơn điện tử:
a. ☐ Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã trên Trang thông tin điện tử của Cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Cục Thuế ủy thác
☐ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ, cá nhân kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (điểm a khoản 1 Điều 11 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP) ☐ Doanh nghiệp nhỏ và vừa khác theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi Bộ Tài chính trừ doanh nghiệp hoạt động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao (điểm b khoản 1 Điều 11 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP) ☐ Cơ quan thuế hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức, xử lý tài sản công theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (khoản 1 Điều 3 Thông tư số .../2026/TT-BTC)
b. ☐ Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế:
☐ Gửi trực tiếp đến cơ quan thuế (điểm b1 khoản 3 Điều 16 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP). ☐ Gửi đến cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử (điểm b2 khoản 3 Điều 16 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP). ☐ Tổ chức nước ngoài có hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ thông qua nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác tại Việt Nam (điểm a.1.3 khoản 3 Điều 16 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP)
3. Phương thức chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử:
☐ Chuyển đầy đủ nội dung từng hóa đơn. ☐ Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/TH-HĐĐT (khoản 5 Điều 24 của Thông tư số .../2026/TT-BTC).
4. Loại hóa đơn sử dụng:

☐ Hóa đơn GTGT
☐ Hóa đơn GTGT tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí
☐ Hóa đơn bán hàng
☐ Hóa đơn bán hàng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí
☐ Hóa đơn thương mại
☐ Hóa đơn nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam
☐ Hóa đơn bán tài sản công
☐ Hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia
☐ Các loại hóa đơn khác
☐ Các chứng từ được in, phát hành, sử dụng và quản lý như hóa đơn.

5. Danh sách chứng thư số sử dụng:

STT	Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ ký điện tử	Số sê-ri chứng thư	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Hình thức đăng ký (Thêm mới, gia hạn, ngừng sử dụng)
			Từ ngày	Đến ngày	

6. Đăng ký ủy nhiệm lập hóa đơn

STT	Tên loại hóa đơn ủy nhiệm	Ký hiệu mẫu hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn ủy nhiệm	Tên tổ chức được/nhận ủy nhiệm	Mục đích ủy nhiệm	Thời hạn ủy nhiệm	Phương thức thanh toán hóa đơn ủy nhiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

7. Tổ chức cung cấp dịch vụ

STT	Tên tổ chức cung cấp dịch vụ	Mã số thuế	Thời gian		Ghi chú
			Từ	Đến	

			ngày	ngày				
8. Thông tin đơn vị truyền nhận								
STT	Tên đơn vị truyền nhận	Mã số thuế	Thời gian		Ghi chú			
			Từ ngày	Đến ngày				
9. Thông tin đơn vị hạch toán phụ thuộc cần cấp quyền tra cứu hóa đơn								
STT	Tên đơn vị	Mã số thuế	Thời gian		Ghi chú			
			Từ ngày	Đến ngày				
9a. Thông tin đơn vị được ủy quyền tra cứu hóa đơn								
STT	Tên đơn vị	Mã số thuế	Số sê-ri chứng thư	Hình thức hóa đơn	Loại hóa đơn	Thời gian		Phương thức tra cứu
						Từ ngày	Đến ngày	
10. Đề nghị tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử								
Trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử, chúng tôi xin phép tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử cụ thể như sau:								
STT	Thời gian tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử		Tổ chức cung cấp dịch vụ	Số sê-ri chứng thư	Ghi chú			
	Từ ngày	Đến ngày						
11. Đăng ký tích hợp hóa đơn điện tử với chứng từ điện tử								

STT	Tên loại hóa đơn tích hợp	Ký hiệu mẫu hóa đơn tích hợp	Ký hiệu hóa đơn tích hợp	Tên tổ chức được hoặc nhận tích hợp hóa đơn	Mục đích tích hợp	Thời hạn tích hợp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

Ghi chú:

(*) Đối với người đại diện là người Việt Nam điền thông tin số định danh cá nhân. Việc sử dụng số định danh cá nhân theo quy định pháp luật về căn cước.

Mẫu số 01/TH-HĐĐT

BẢNG TỔNG HỢP DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ GỬI CƠ QUAN THUẾ

[01] Kỳ dữ liệu: Tháng.....năm.....hoặc quý.....năm.....

[02] Lần đầu [] [03] Sửa đổi, Bổ sung lần thứ []

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

Số:..... Đồng tiền: Loại ngoại tệ

ST T	Ký hiệu mã số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn	số hóa đơn	Ngày tháng năm lập hóa đơn	Tên người mua	Mã số thuế người mua/ mã khách hàng	Mã hàng	Số lượng	Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra chưa có thuế GTG T	Thuế suất thuế GTG T	Tổng tiền phí, lệ (nếu có)	Tổng tiền giảm trừ (nếu có)	Tổng số thuế GTG T	Tổng tiền thanh toán	Tỷ lệ giá	Trạng thái	Ký hiệu chỉnh dữ liệu	Thông tin hóa đơn liên quan	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
	X	1	1/1/2020	Nguyễn A									100		Mới			
	W	1	1/1/2020	Nguyễn D									10		Mới			
	Z	1	1/1/2020	Nguyễn C									30		Sửa thông tin trên bảng kê (do tổng hợp dữ liệu từ hóa		Z1	

Mẫu số 01/TH-DT

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU

Ngày ... tháng ... năm ...

Số:

Ký hiệu:

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa điểm kinh doanh casino/trò chơi điện tử có thưởng:

Đơn vị tính:

STT	Quầy/số bàn/số máy	Số tiền thu được	Số tiền đã đòi trả cho khách không sử dụng hết (nếu có)	Số tiền trả thưởng cho khách (nếu có)	Doanh thu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (3)-(4)-(5)	(7)
(8) Tổng doanh thu						

Ghi chú:

(7) Ghi cụ thể vào cột Ghi chú số tiền thu đã bao gồm hoặc chưa bao gồm thuế GTGT.

(8) Tổng doanh thu thu được là căn cứ để doanh nghiệp casino, trò chơi điện tử có thưởng lập hóa đơn.

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

Mẫu số 04/SS-HĐĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ ĐÃ LẬP SAI

Kính gửi: (Cơ quan thuế)

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

Người nộp thuế thông báo về việc hóa đơn điện tử đã lập sai như sau:

STT	Mã CQT cấp	Ký hiệu mẫu hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn điện tử	Ngày lập hóa đơn	Loại hóa đơn điện tử	Thông báo/ Giải trình	Lý do/Thông báo của CQT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Ghi chú:

(2): Mã CQT cấp đối với hóa đơn có mã của CQT, hóa đơn không có mã của CQT để trống.

(8) Trường hợp HĐĐT đã lập sai và người bán thực hiện Thông báo/Trường hợp CQT thông báo thì NNT giải trình.

NGƯỜI MUA
(Chữ ký số của người mua
nếu có)

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

Thông tin trước điều chỉnh/thay thế													Thông tin sau điều chỉnh/thay thế(*)													Chênh lệch(**)			
S	T	Ký hiệu mẫu số hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Tên hàng hóa dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GT	Thuế GT	Tổng tiền	Khác	Ghi chú	Ký hiệu mẫu số hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Tên hàng hóa dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GT	Thuế GT	Tổng tiền	Khác	Tổng tiền trừ thuế	Thuế GT	Tổng tiền thanh toán	Khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)		
		1	C22 TA	1	A	2	100	8%					Thay dòng hàng hóa A bằng dòng hàng hóa X																
					X									3				500	1500	8%	120	1620							
		1	C22	1	B	1	20	8%					Ta	3				20	600	8%	48	64							

[illegible]

Lý do điều chỉnh/thay thế:

(*) Đối với hóa đơn thay thế cho nhiều hóa đơn thì thông tin ở mục “**Thông tin sau điều chỉnh/thay thế**” là căn cứ để lập hóa đơn thay thế.

(**) Đối với hóa đơn điều chỉnh cho nhiều hóa đơn thì thông tin ở mục “**Chênh lệch**” là căn cứ để lập hóa đơn điều chỉnh.

Chú ý: Hình thức 01 hóa đơn điều chỉnh/thay thế cho nhiều hóa đơn chỉ áp dụng đối với cùng 01 người mua trong cùng 1 tháng và cùng sai thông tin (VD: cùng sai thông tin về thuế suất hoặc cùng sai thông tin về tiền thuế hoặc sai thông tin về tên hàng hóa).

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
BÊN MUA
(Chữ ký số, chữ ký điện tử)

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
BÊN BÁN
(Chữ ký số, chữ ký điện tử)

Mẫu số: 06/ĐN-PSĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ

(Theo từng lần phát sinh)

[01] Cấp mới [] [02] Điều chỉnh [].....Thay thế []

Kính gửi:.....

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP HÓA ĐƠN THEO TỪNG LẦN PHÁT SINH

1. Tên tổ chức, cá nhân:
2. Địa chỉ liên hệ:
Địa chỉ thư điện tử:..... Điện thoại liên hệ:.....
3. Số Quyết định thành lập tổ chức (nếu có):
Cấp ngày:.....Cơ quan cấp:.....
4. Mã số thuế/Mã số QHVN (nếu có):.....
5. Tên người đại diện theo pháp luật hoặc Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:.....
6. Số định danh/Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật.....
- Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
7. Mã hồ sơ (nếu có):

II. DOANH THU PHÁT SINH TỪ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG HÓA, CUNG ỨNG DỊCH VỤ

STT	Tên người mua	Địa chỉ người mua	MST/ Mã số QHVN	Số, ngày hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng số								

III. Thông tin về tài khoản ngân hàng của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp hoá đơn theo từng lần phát sinh trong trường hợp đang bị cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn

1. Tên tài khoản:
2. Số tài khoản:
3. Nơi mở tài khoản ...

IV. THÔNG TIN HÓA ĐƠN ĐIỀU CHỈNH/THAY THẾ

1. Thông tin hóa đơn bị điều chỉnh/thay thế:

STT	Mã hồ sơ	Ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn	Số hóa đơn/Ngày hóa đơn	Tên người mua	MST/Mã số QHVN	Số, ngày hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất thuế GTGT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

2. Nội dung cần điều chỉnh/thay thế

Chỉ tiêu cần điều chỉnh/thay thế	Thông tin điều chỉnh/thay thế
Tên hàng hóa, dịch vụ	
Đơn vị tính	
Số lượng	
Đơn giá	
Thuế suất thuế GTGT	
Thành tiền chưa có thuế GTGT	
Tiền thuế GTGT	
Tổng tiền có thuế GTGT	
Chỉ tiêu khác	
.....	

3. Thông tin số thuế:

STT	Mã hồ sơ	Ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn	Số hóa đơn/ngày hóa đơn	Số thuế đã nộp (*)				Số thuế điều chỉnh			
				Thuế GTGT	Thuế TNDN	Thuế TNCN	Thuế khác (nếu có)	Thuế GTGT	Thuế TNDN	Thuế TNCN	Thuế khác (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Chúng tôi xin cam kết:

- Các kê khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu khai sai hoặc không đầy đủ thì cơ quan thuế có quyền từ chối cấp hóa đơn.
- Quản lý hóa đơn đúng quy định của Nhà nước. Nếu vi phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

Mẫu số 01/ĐKTD-CTĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng chứng từ điện tử

☐ Đăng ký mới

☐ Thay đổi thông tin

Tên người nộp thuế:							
Mã số thuế:							
Cơ quan thuế quản lý:							
Người liên hệ: Điện thoại liên hệ:							
Địa chỉ liên hệ: Thụ điện tử:							
Theo Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ Tài chính, chúng tôi/tôi thuộc đối tượng sử dụng chứng từ điện tử. Chúng tôi/tôi đăng ký/thay đổi thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế về việc sử dụng chứng từ điện tử như sau:							
1. Đối tượng phát hành							
Tổ chức, cá nhân phát hành							
Cơ quan thuế phát hành							
2. Loại hình sử dụng							
☐ Chứng từ điện tử khấu trừ thuế thu nhập cá nhân							
☐ Chứng từ điện tử khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số							
☐ Biên lai điện tử							
☐ Biên lai thu thuế, phí, lệ phí không in sẵn mệnh giá							
☐ Biên lai thu thuế, phí, lệ phí in có sẵn mệnh giá							
☐ Biên lai thu thuế, phí, lệ phí							
3. Hình thức gửi dữ liệu:							
a. ☐ Trên Trang thông tin điện tử của cơ quan thuế							
b. ☐ Thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử							
c. ☐ Thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Cục Thuế ủy thác							
4. Danh sách chứng từ số sử dụng:							
STT	Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ ký điện tử	Số sê-ri chứng thư	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Hình thức đăng ký (Thêm mới, gia hạn, ngừng sử dụng)		
			Từ ngày	Đến ngày			
5. Đăng ký ủy nhiệm lập biên lai							
STT	Tên loại	Ký hiệu mẫu biên	Ký hiệu biên lai	Tên tổ chức được ủy	Mục đích ủy	Thời hạn ủy nhiệm	Phương thức

	biên lai ủy nhiệm	lai ủy nhiệm	ủy nhiệm	nhiệm/tổ chức ủy nhiệm	nhiệm		thanh toán biên lai ủy nhiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

Mẫu số 04/SS-CTĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ ĐÃ LẬP SAI

Kính gửi: (Cơ quan thuế).

Tên tổ chức, cá nhân lập chứng từ:

Mã số thuế:

Tổ chức, cá nhân lập chứng từ thông báo về việc chứng từ điện tử đã lập sai như sau:

STT	Ký hiệu mẫu chứng từ	Ký hiệu chứng từ	Số chứng từ điện tử	Ngày lập chứng từ	Loại chứng từ điện tử	Thông báo/ Giải trình	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LẬP CHỨNG TỪ
(Chữ ký số tổ chức, cá nhân lập chứng từ)

Mẫu số 01/CCTT-ĐK

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

V/v đăng ký tài khoản truy cập
Hệ thống thông tin quản lý thuế

....., ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: Cục Thuế.

☐ Đăng ký mới

☐ Thay đổi thông tin

☐ Chấm dứt

1. Cơ quan đề nghị:

Tên cơ quan:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Đầu mối liên hệ: Tên người liên hệ:.....

Điện thoại:.....

Thư điện tử:.....

2. Nội dung đề nghị:

a) Đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử với các chỉ tiêu thông tin như sau:

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mục đích sử dụng

b) Cấp mới tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế, chứng từ điện tử theo danh sách sau:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Điện thoại di động	Thư điện tử	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng (tháng)

c) Bổ sung thời hạn sử dụng tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế theo danh sách sau:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Điện thoại di động	Thư điện tử	Tên tài khoản	Thời hạn sử dụng (tháng)

d) Chấm dứt sử dụng tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế theo danh sách sau:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Điện thoại di động	Thư điện tử	Tên tài khoản	Lý do thu hồi

3. Hình thức nhận văn bản trả lời: (Chọn một trong hai hình thức sau)

☐ Nhận văn bản giấy

☐ Nhận văn bản điện tử tại địa chỉ thư điện tử:.....

Chúng tôi cam kết truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế của cơ quan Thuế đảm bảo bí mật nhà nước, bí mật thông tin của người nộp thuế theo quy định của pháp luật; thực hiện theo các hướng dẫn, thông báo của cơ quan thuế và phối hợp khi có yêu cầu của cơ quan thuế gửi đến địa chỉ thư điện tử chúng tôi đã đăng ký nêu trên theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng tài khoản theo các quy định của cơ quan thuế và pháp luật về thuế.

Trân trọng./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 03/DL-HĐĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
DỮ LIỆU HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA

[01] Kỳ tính thuế: tháng..... năm..... hoặc quý..... năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Hóa đơn, chứng từ bán ra		Tên người mua	Mã số thuế người mua	Doanh thu chưa có thuế GTGT	Thuế GTGT	Ghi chú
	Số hóa đơn	Ngày, tháng, năm lập hóa đơn					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT):							
Tổng							
2. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:							
Tổng							
3. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:							
Tổng							
4. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:							
Tổng							

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT (*):.....

Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra (**):.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

Ghi chú:

(*) Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT là tổng cộng số liệu tại cột 6 của dòng tổng của các chỉ tiêu 2, 3, 4.

(**) Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra là tổng cộng số liệu tại cột 7 của dòng tổng của các chỉ tiêu 2, 3, 4.

Phụ lục II
CÁC MẪU THÔNG BÁO CỦA CƠ QUAN THUẾ

(Kèm theo Thông tư số .../.../TT-BTC

ngày tháng năm của Bộ Tài chính)

Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
01/TB-TNĐT	Thông báo về việc tiếp nhận/không tiếp nhận <tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử>
01/TB-SSĐT	Thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử đã lập sai
01/TB-NSD	Thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn
01/TB-SD	Thông báo về việc tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử
01/TB-SDPS	Thông báo về việc sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh
01/TB-RSĐT	Thông báo về hóa đơn điện tử cần rà soát
01/TB-KTT	Thông báo về việc hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế miễn phí dịch vụ thông qua Trang thông tin điện tử Cục Thuế/hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử được Cục Thuế ủy thác; không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế/ không đáp ứng điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền
01/TB-ĐKĐT	Thông báo về việc chấp nhận/không chấp nhận đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử
01/TB-BSTT-NNT	Thông báo về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu
01/TB-KTDL	Thông báo về việc kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử

Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
01/CCTT-TB	Thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin/tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế

Mẫu số 01/TB-TNĐT

TÊN CƠ QUAN THUẾ
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-HĐCTĐT

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO

**Về việc tiếp nhận/không tiếp nhận <tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng
hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử>**

Kính gửi:

<Tên người nộp thuế: ...>

<Mã số thuế của NNT:....>

*<Trường hợp 1: Trường hợp tiếp nhận Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên
lai điện tử/chứng từ điện tử >*

Căn cứ <Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế - Mẫu số ... - Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BTC> của người nộp thuế (NNT) gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm..., cơ quan thuế tiếp nhận <Tờ khai Mẫu số 01 đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế> của NNT, cụ thể như sau:

- Tên tờ khai:

- Mã giao dịch điện tử:

Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế của người nộp thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm... Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử của người nộp thuế sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra.

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận Tờ khai ghi trên thông báo này, cơ quan thuế sẽ trả Thông báo về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký của NNT, trường hợp không chấp nhận, cơ quan thuế nêu rõ lý do không chấp nhận.

<Trường hợp 2: Trường hợp không tiếp nhận Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử >

Căn cứ <Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế - Mẫu số- Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BTC > của người nộp thuế (NNT) gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm..., cơ quan thuế không tiếp nhận <Tờ khai Mẫu số đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế > của NNT, cụ thể như sau:

- Tên tờ khai:

- Mã giao dịch điện tử:

- Lý do không tiếp nhận:
- Đầu mối xử lý:

<Trường hợp 3: Trường hợp tiếp nhận Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử >

Căn cứ <Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế - Mẫu số - Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BTC > của người nộp thuế (NNT) gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm....., cơ quan thuế tiếp nhận <Tờ khai Mẫu số đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế> của NNT, cụ thể như sau:

- Tên tờ khai:
- Mã giao dịch điện tử:

Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế của người nộp thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm... Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế của người nộp thuế sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra.

Cơ quan thuế sẽ trả Thông báo Mẫu số ... ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BTC về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký của NNT, trường hợp không chấp nhận, cơ quan thuế nêu rõ lý do không chấp nhận.

<Trường hợp 4: Trường hợp không tiếp nhận Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử >

Căn cứ < Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế - Mẫu số..... - Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BTC > của người nộp thuế (NNT) gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm....., cơ quan thuế không tiếp nhận <Tờ khai Mẫu số đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử khấu trừ thuế> của NNT, cụ thể như sau:

- Tên tờ khai:
- Mã giao dịch điện tử:
- Lý do không chấp nhận:
- Đầu mối xử lý:

Trường hợp NNT/Quý đơn vị cần biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn <<http://www.xxx.gdt.gov.vn>> hoặc liên hệ với <tên cơ quan thuế giải quyết hồ sơ> để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện.

<Chữ ký số của cơ quan thuế>

Ghi chú:

Chữ in nghiêng trong dấu <> nhằm mục đích giải thích rõ. NNT, CQT chọn trường hợp thông báo tương ứng.

Mẫu số 01/TB-SSĐT

TÊN CƠ QUAN THUẾ
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-... ..

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO

Về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử đã lập sai

Kính gửi:(Họ tên người nộp thuế:)
(Mã số thuế của NNT:)

Sau khi xem xét Thông báo hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử đã lập sai ngày .../.../... của:

Người nộp thuế

Mã số thuế:

Cơ quan thuế thông báo (tiếp nhận/không tiếp nhận) hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử đã lập sai.

(Trong trường hợp tiếp nhận việc thông báo/giải trình hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử đã lập sai thì ghi: Cơ quan Thuế đã tiếp nhận Thông báo hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử đã lập sai ngày/.../... của quý công ty).

(Trong trường hợp không tiếp nhận việc thông báo/giải trình hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử đã lập sai thì ghi: Đề nghị quý công ty kiểm tra, đối chiếu hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử đã lập sai do thông tin chưa chính xác).

Cơ quan thuế thông báo đề người nộp thuế biết, thực hiện.

**CƠ QUAN THUẾ/
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**
(Chữ ký số)

Ghi chú:

- Trường hợp CQT tiếp nhận Mẫu số 04/SS-HĐĐT ban hành kèm theo Thông tư này do NNT gửi đến theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6, Điều 17 Thông tư này thì Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tự động thông báo về việc tiếp nhận và “Chữ ký số” là chữ ký số của cơ quan thuế.

- Trường hợp CQT tiếp nhận Mẫu số 04/SS-HĐĐT ban hành kèm theo Thông tư này do NNT gửi đến theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này thì “Chữ ký số” là chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế.

Mẫu số 01/TB-NSD

**TÊN CƠ QUAN THUẾ
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TB-... ..

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO

Về việc ngừng sử dụng hóa đơn

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều 11 Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày/2026 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông báo số ngày của (Cơ quan chức năng gửi thông báo tới cơ quan Thuế/hoặc thông báo của cơ quan thuế) thuộc trường hợp tại điểm ... khoản 1 Điều 11 Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ Tài chính) thông báo doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh (lý do: ghi rõ lý do theo từng trường hợp cụ thể), Cơ quan Thuế thông báo:

(Tên cơ quan ban hành văn bản)... thông báo về việc với(Tên người nộp thuế)...

Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở kinh doanh:

Lý do thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền: ... (ghi rõ lý do các trường hợp tại điểm ... khoản 1 Điều 11 Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ Tài chính)

Thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có hiệu lực kể từ ... giờ ... phút... giây ngày/.../....

Người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kể từ thời điểm thông báo ngừng sử dụng hóa đơn có hiệu lực thì hành thi được coi là sử dụng hóa đơn không hợp pháp theo quy định tại điểm ... khoản Điều 4 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

**CƠ QUAN THUẾ/
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**
(Chữ ký số)

Ghi chú:

- Trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm a, b, c, d, h, l, m khoản 1 Điều 11 Thông tư số .../2026/TT-BTC, Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tự động ra Thông báo thì “Chữ ký số” là chữ ký số của cơ quan thuế.
- Trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm d, e, g, i CQT ra Thông báo thì “Chữ ký số” là chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế.

Mẫu số 01/TB-SD

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB -

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử

Cục Thuế thông báo đến (Người nộp thuế:....)

Mã số thuế:....

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 11 Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ Tài chính quy định các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử.

Sau khi rà soát, cơ quan thuế thông báo người nộp thuế kể từ ngày tháng năm được tiếp tục <sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế> hoặc <sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế> đã đăng ký với cơ quan thuế.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo TB.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO

(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)

Mẫu số 01/TB-SDPS

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB -

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh

Cục Thuế thông báo đến (Tên người nộp thuế).....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Địa chỉ thư điện tử:.....

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

Căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

Trong thời gian giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ Tài chính quy định các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử, <Tên người nộp thuế> chuyển sang hình thức sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh.

Cơ quan thuế thông báo để <Tên người nộp thuế> biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo TB.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO

(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)

Mẫu số 01/TB-RSDT

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN THUẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
RA THÔNG BÁO

Số:..../TB-..... , ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO VỀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CẦN RÀ SOÁT

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Địa chỉ thư điện tử:.....

Cơ quan thuế thông báo về việc hóa đơn điện tử của đơn vị cần rà soát như sau:

STT	Ký hiệu mẫu hóa đơn và ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn điện tử	Ngày lập hóa đơn điện tử	Loại áp dụng hóa đơn điện tử	Lý do cần rà soát
1	2	3	4	5	6

Trong thời gian 02 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thuế, đơn vị thực hiện thông báo với cơ quan thuế./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO
(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)

Mẫu số: 01/TB-KTT

**TÊN CƠ QUAN THUẾ
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TB-.....

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO

Về việc hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế được miễn phí dịch vụ thông qua Trang thông tin điện tử Cục Thuế/hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử được Cục Thuế ủy thác; không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế/ không đáp ứng điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền

Kính gửi: (Người nộp thuế:....)
(Mã số thuế:....)

Sau khi rà soát điều kiện thực hiện, cơ quan thuế thông báo người nộp thuế (Mã số thuế:) kể từ ngày.... tháng.... năm.... (hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ thông qua Trang thông tin điện tử của Cục Thuế/hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử được Cục Thuế ủy thác/không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế/không đáp ứng điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền), đề nghị người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)

Mẫu số 01/TB-ĐKĐT

TÊN CƠ QUAN THUẾ
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-... ..

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO

Về việc chấp nhận/không chấp nhận đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử

Kính gửi: (Họ tên người nộp thuế:)

(Mã số thuế của NNT:)

Sau khi xem xét tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử ngày.../.../...

Cơ quan thuế thông báo (chấp nhận/không chấp nhận) đề nghị đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử của đơn vị.

(Trong trường hợp chấp nhận người nộp thuế đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử thì ghi: Tài khoản đã được gửi đến hộp thư điện tử của người nộp thuế/điện thoại liên hệ, đề nghị người nộp thuế thực hiện khai báo các thông tin liên quan theo nội dung hướng dẫn của cơ quan thuế tại thư điện tử này).

(Trong trường hợp không chấp nhận doanh nghiệp đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử thì ghi: Cơ quan thuế không chấp nhận người nộp thuế đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ điện tử). Lý do: (Lý do không chấp nhận).

(Trong trường hợp ủy thác qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử thì cơ quan thuế thông báo người nộp thuế đăng ký giao dịch sử dụng hóa đơn điện tử miễn phí dịch vụ qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử). (Tên, địa chỉ đăng ký).

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện.

CƠ QUAN THUẾ/
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Chữ ký số)

Ghi chú:

- Trường hợp Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tự động ra Thông báo thì “Chữ ký số” là chữ ký số của cơ quan thuế.
- Trường hợp CQT ra Thông báo thì “Chữ ký số” là chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế.

Mẫu số: 01/TB-BSTT-NNT

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ
THUẾ
BAN HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-...

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu

Kính gửi:(Tên người nộp thuế).....

Mã số thuế:

Địa chỉ nhận thông báo :

Căn cứ quy định của pháp luật thuế hiện hành về trách nhiệm của người nộp thuế trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế;

Để làm rõ các nội dung:

1

2

Trong hồ sơ:.....;

(Tên cơ quan quản lý thuế ban hành thông báo) đề nghị(Tên người nộp thuế)..... giải trình và bổ sung thông tin, tài liệu sau đây:

1

2

Văn bản giải trình, thông tin, tài liệu bổ sung gửi về cơ quan quản lý thuế trước ngày..... tháng..... năm

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan quản lý thuế theo số điện thoại: địa chỉ:

(Tên cơ quan quản lý thuế ra thông báo) thông báo đề (Tên người nộp thuế)..... được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN
LÝ THUẾ
BAN HÀNH THÔNG BÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Phần các nội dung cần giải trình, bổ sung thông tin tài liệu cần ghi rõ thuộc hồ sơ thuế nào (khai thuế, miễn giảm, hay hoàn thuế....) và kỳ tính thuế.

Mẫu số: 01/TB-KTDL

TÊN CƠ QUAN THUẾ
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-HĐĐT

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử

Kính gửi: <Tên người nộp thuế: ...>

<Mã số thuế của NNT:>

<Trường hợp 1: Thông báo hóa đơn không đủ điều kiện cấp mã>

Căn cứ <Thông điệp gửi hóa đơn tới cơ quan thuế để cấp mã> của người nộp thuế (NNT)/Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày ... tháng... năm..., cơ quan thuế thông báo hóa đơn không đủ điều kiện cấp mã của NNT, cụ thể như sau:

Ký hiệu hóa đơn:

Ký hiệu mẫu hóa đơn:

Số hóa đơn:

Thời điểm lập hóa đơn:

Mã giao dịch điện tử:

Lý do không cấp mã:

STT	Mô tả lỗi	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	<nhóm lỗi>(<tên lỗi>)		

<Trường hợp 2: Thông báo kết quả kiểm tra sơ bộ tính hợp lệ của gói dữ liệu HĐĐT>

Căn cứ <Thông điệp chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử không mã đến CQT/Thông điệp thông báo hủy/giải trình HĐĐT có mã/không mã đã lập sai /Thông điệp chuyển bảng tổng hợp dữ liệu HĐĐT không mã đến CQT...> của người nộp thuế (NNT)/Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày ... tháng ... năm..., cơ quan thuế đã tiếp nhận gói dữ liệu hóa đơn điện tử:

Mã giao dịch điện tử:

Mã số thuế:

Số lượng dữ liệu trong gói:

Cơ quan thuế thông báo kết quả kiểm tra sơ bộ tính hợp lệ của gói dữ liệu HĐĐT như sau:

< Trường hợp kết quả kiểm tra gói dữ liệu hợp lệ>

Kết quả kiểm tra sơ bộ gói dữ liệu của người nộp thuế (NNT)/Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử gửi tới cơ quan thuế là hợp lệ.

Trong trường hợp cơ quan thuế kiểm tra và phát hiện dữ liệu chi tiết đã gửi/đã lập sai, cơ quan thuế sẽ có thông báo đến người nộp thuế.

<Trường hợp kết quả kiểm tra gói dữ liệu không hợp lệ>

Kết quả kiểm tra sơ bộ gói dữ liệu của người nộp thuế (NNT)/Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử gửi tới cơ quan thuế là không hợp lệ.

Lý do:

STT	Mô tả lỗi	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	<nhóm lỗi>(<tên lỗi>)		

Trường hợp NNT/Quý đơn vị cần biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn <<http://www.xxx.gdt.gov.vn>> hoặc liên hệ với <tên cơ quan thuế giải quyết hồ sơ> để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện.

<Chữ ký số của cơ quan thuế>

Ghi chú:

Chữ in nghiêng trong dấu < nhằm mục đích giải thích rõ hoặc đưa ra ví dụ.

NNT chọn trường hợp thông báo theo tương ứng.

Mẫu số: 01/CCTT-TB

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc đăng ký mới hoặc
bổ sung nội dung cung cấp thông tin/tài khoản truy cập
Hệ thống thông tin quản lý thuế**

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký)

Sau khi nhận được đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin/tài khoản truy cập hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử số.... ngày.../.../..... của:

Tên cơ quan:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Đầu mối liên hệ: Tên người liên hệ.....

Điện thoại..... Thư điện tử.....

Cục Thuế thông báo (tiếp nhận/không tiếp nhận) đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin/tài khoản truy cập hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

(Trường hợp không đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin/tài khoản truy cập hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử. Nêu rõ lý do:.....
.....)

Cục Thuế thông báo để quý cơ quan được biết./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO
(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)

Phụ lục III
CÁC MẪU THAM KHẢO VỀ HÓA ĐƠN/BIÊN LAI ĐIỆN TỬ HIỆN THỊ
(Kèm theo Thông tư số .../.../TT-BTC
ngày tháng năm của Bộ Tài chính)

Mẫu hiện thị	Tên loại hóa đơn
01/GTGT	Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng (dùng cho tổ chức, cá nhân khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ)
01/GTGT-ĐT	Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng (dùng cho một số tổ chức, doanh nghiệp đặc thù)
01/GTGT-NT	Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng (dùng cho một số tổ chức, doanh nghiệp đặc thù thu bằng ngoại tệ)
02/BH	Hóa đơn điện tử bán hàng (dùng cho tổ chức, cá nhân khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp)
08/TSC	Hóa đơn bán tài sản công
01/DTQG	Hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia
01/GTGT-TKHT	Hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế
01/GTGT-BL	Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí
02/BH-BL	Hóa đơn điện tử bán hàng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí
01/TMĐT	Hóa đơn thương mại điện tử
01/BTS	Hóa đơn bán tài sản là ô tô, xe máy phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu
03/XKNB	Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
04/HGDL	Phiếu xuất kho gửi bán hàng đại lý
01/BK-CSGH	Bảng kê hàng hóa bán ra
01/MBL	Mã biên lai của cơ quan thuế phát hành
CTT50	Biên lai thu thuế
01/PLPĐT	Biên lai thu phí, lệ phí điện tử

03/TNCN	Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân
01/CTKT- TMĐT	Chứng từ khấu trừ thuế đối với hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử

Mẫu số 01/GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu:.....

Số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Tên người
bán:.....
Mã số
thuế:.....
Địa
chỉ:.....
Điện thoại:..... Số tài
khoản:.....

Họ tên người
mua:.....
Tên người
mua:.....
Mã số
thuế:.....
Địa
chỉ:.....
Hình thức thanh toán:..... Số tài
khoản:.....

Đồng tiền thanh toán: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	Thành tiền có thuế GTGT
1	2	3	4	5	6	7=4x5	8=7x6	9=7+8

Tổng tiền chưa có thuế GTGT:

Tổng tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất:.....	
Số tiền viết bằng chữ:.....	
NGƯỜI MUA HÀNG <i>(Chữ ký số (nếu có))</i>	NGƯỜI BÁN HÀNG <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i>
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)</i>	

Mẫu số 01/GTGT-ĐT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu:.....

Số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Tên người
bán:.....
Mã số
thuế:.....
Địa
chỉ:.....
Điện thoại:..... Số tài
khoản:.....

Tên người
mua:.....
Mã số
thuế:.....
Địa
chỉ:.....
Hình thức thanh toán:..... Số tài
khoản:.....

Đồng tiền thanh toán: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thành tiền
1	2	3

Thành tiền chưa có thuế GTGT:.....

Thuế suất giá trị gia tăng:..... % Tiền thuế giá trị gia
tăng:.....

Tổng tiền thanh toán:

Số tiền viết bằng

chữ:.....

NGƯỜI MUA HÀNG

Chữ ký số (nếu có)

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mẫu số 01/GTGT-NT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG									
Ký hiệu:..... Số:..... Ngày..... tháng..... năm.....									
Tên người bán:..... Mã số thuế:..... Địa chỉ:..... Điện thoại:..... Số tài khoản:.....									
Tên người mua:..... Mã số thuế:..... Địa chỉ:..... Hình thức thanh toán:..... Số tài khoản:.....									
Đồng tiền thanh toán USD									
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	Thành tiền có thuế GTGT	Tỷ giá (USD/VND)
1	2	3	4	5	6	$7 = 4 \times 5$	$8 = 6 \times 7$	$9 = 7 + 8$	10
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:.....									
Tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất:.....									
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT:.....									
Số tiền viết bằng chữ:.....									
NGƯỜI MUA HÀNG <i>Chữ ký số (nếu có)</i>					NGƯỜI BÁN HÀNG <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i>				
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>									

Mẫu số 02/BH

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG					
Ký hiệu:..... Số:..... Ngày..... tháng..... năm.....					
Tên người bán:..... Mã số thuế:..... Địa chỉ:..... Số tài khoản:..... Điện thoại:.....					
Họ tên người mua hàng:..... Tên người mua:..... Địa chỉ:..... Số tài khoản:..... Hình thức thanh toán:..... MST:.....					
Đồng tiền thanh toán: VNĐ					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4x5
Tổng tiền thanh toán:..... Số tiền viết bằng chữ:.....					
NGƯỜI MUA HÀNG <i>Chữ ký số (nếu có)</i>			NGƯỜI BÁN HÀNG <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i>		
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)</i>					

Mẫu số 08/TSC

HÓA ĐƠN BÁN TÀI SẢN CÔNG Liên 1: (lưu) Ngày... tháng... năm.....					Mẫu số..... Ký hiệu:..... Số:.....															
- Đơn vị bán tài sản NN:..... - Địa chỉ:..... Điện thoại:..... MST/MSĐVCQHVNS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center; width: 150px;"> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> </table>																				
- Số tài khoản:..... tại..... - Bán theo Quyết định số..... ngày... tháng... năm... của..... - Hình thức bán:..... - Người mua tài sản NN:..... - Đơn vị:..... Số tài khoản:..... MST/MSĐVCQHVNS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center; width: 150px;"> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> </table>																				
- Hình thức thanh toán:..... - Địa điểm vận chuyển hàng đến(*): - Thời gian vận chuyển (*): Từ ngày..... tháng..... năm.... đến ngày..... tháng..... năm....																				
STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền															
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)															
Cộng tiền bán tài sản:..... Số tiền viết bằng chữ: NGƯỜI MUA HÀNG <i>Chữ ký số (nếu có)</i> THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i>																				

Phần gia hạn thời gian vận chuyển (nếu có) (*):		
- Lý do gia hạn		
- Thời gian gia hạn vận chuyển: Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...		
- Đơn vị gia hạn (Ký tên, đóng dấu):		
Liên 1: Lưu hóa đơn gốc	Liên 2: Giao cho khách hàng	Liên 3: Dùng cho kế toán thanh toán
Các chỉ tiêu có dấu (*) chỉ áp dụng đối với tài sản là hàng hóa nhập khẩu bị tịch thu		

Mẫu số 01/DTQG

TÊN ĐƠN VỊ DỰ TRỮ:..... (1) HÓA ĐƠN BÁN HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA (Chỉ sử dụng cho bán hàng dự trữ quốc gia) Liên 1: (Lưu) (2) Ngày..... tháng..... năm....	Mẫu số..... Ký hiệu:..... Số.....							
Đơn vị bán hàng: Địa chỉ: Số tài khoản Điện thoại: MS								
Họ tên người mua hàng: Số định danh cá nhân/ Hộ chiếu: Đơn vị: Địa chỉ Số tài khoản tại ngân hàng: Hình thức thanh toán: MST:								
Số TT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền			
a	b	c	1	2	3 = 1x2			
Cộng tiền bán hàng:								
Số tiền viết bằng chữ:								
ĐƠN VỊ DỰ TRỮ <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 33%; text-align: center; vertical-align: top;"> NGƯỜI MUA HÀNG <i>Chữ ký số (nếu có)</i> </td> <td style="width: 33%; text-align: center; vertical-align: top;"> KẾ TOÁN TRƯỞNG (3) <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i> </td> <td style="width: 33%; text-align: center; vertical-align: top;"> THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i> </td> </tr> </table>						NGƯỜI MUA HÀNG <i>Chữ ký số (nếu có)</i>	KẾ TOÁN TRƯỞNG (3) <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i>	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i>
NGƯỜI MUA HÀNG <i>Chữ ký số (nếu có)</i>	KẾ TOÁN TRƯỞNG (3) <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i>	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i>						
(MST là mã số thuế tương ứng với đơn vị mua hoặc bán hàng DTQG) (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (In tại....., mã số thuế.....)								
<i>Ghi chú:</i> (1) - Liên 1: Lưu; Liên 2: Giao khách hàng; Liên 3: Dùng thanh toán nội bộ; Liên 4: Dùng cho thủ kho (2) - Đối với đơn vị dự trữ không có chức danh Kế toán trưởng thì người ký là phụ trách kế toán.								

Mẫu số 01/GTGT-TKHT

Trang 1 (Page 1)

Mẫu số (Form No):.....

Ký hiệu (Reference No):.....

Số (No):.....

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIỂM TỜ KHAI HOÀN THUẾ (VAT INVOICE CUM TAX REFUND DECLARATION)

.....ngày....tháng.....năm....(.....day month year....)

PHẦN A (do cửa hàng ghi) PART A (completed by retailer)	
1. Thông tin về doanh nghiệp (Company's information)	
a. Tên đơn vị bán hàng (Name of retailer):	
b. Mã số thuế (Tax code):	
c. Địa chỉ (Address):.....	
2. Thông tin về khách hàng (Tourist's information)	
a. Họ và tên (Full name):	
b. Số hộ chiếu (Passport number)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents):.....	
Ngày cấp hộ chiếu (Date of issue)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents):	
Ngày hết hạn hộ chiếu (Date of expiry)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents):	
c. Quốc tịch (Nationality):.....	
3. Thông tin về hàng hóa (Commodities' information)	

STT (No)	Tên hàng hóa (Name of goods) (1)	Đơn vị tính (Unit of measure ment)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thuế suất (Tax rate)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT)	Thành tiền có thuế GTGT (Amount including VAT)
1	2	3	4	5	6	7 = 4 x 5	8 = 6 x 7	9 = 7 + 8
1	A							
2	B							
3	C							
...	...							
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total excluding VAT):								
Tổng số tiền thuế GTGT (Total VAT):								
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):								
Số tiền viết bằng chữ (Total payment by word):								

Người nước ngoài mua hàng
(Tourist)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature and full name)

Đại diện đơn vị bán hàng (Seller)
(Chữ ký số người bán)

Ghi chú: (1) bao gồm nhãn hiệu, ký hiệu hàng hóa (số seri, model (nếu có), xuất xứ hàng hóa áp dụng đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, số máy áp dụng đối với mặt hàng cơ khí điện tử.

Note: (1) including trademarks and markings (products' serial, model numbers (if available), origin for imported goods, or engine number for electro-mechanical goods

Trang 2 (page 2)

Mẫu số (Form No):

Ký hiệu (Reference No):

Số (No):

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIÊM TỜ KHAI HOÀN THUẾ
(VAT INVOICE CUM TAX REFUND DECLARATION)**

...ngày....tháng.....năm..... (...day... month... year...)

Thông tin quan trọng cho người nước ngoài (Important notice to tourists)																																		
- Bạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014; Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính để được hoàn thuế giá trị gia tăng; (Tourists must fulfill all the conditions specified in Circular No 72/2014/TT-BTC dated 30/5/2014; Circular No 92/TT-BTC dated 31/12/2019 amending, supplementing the Circular No 72/2014/TT-BTC by the Minister of Finance to be eligible for VAT refund) - Bạn phải làm thủ tục hoàn thuế trong vòng 60 ngày kể từ ngày mua hàng (kể từ ngày phát hành hóa đơn); (Tourists must claim for VAT refund within 60 days from the date of purchase (from the date of issuing invoice)) - Bạn được hoàn thuế GTGT khi đi đường hàng không/ đường biển tại sân bay quốc tế/ cảng biển quốc tế. (Tourists shall claim for VAT refund when departing from International Airport/ International Seaport)																																		
Phần B (Dành cho cơ quan hải quan) (Part B (completed by customs))																																		
Ghi kết quả kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa, tính số thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn (Examination results of VAT refund invoice and declaration, goods; calculation of VAT amount refunded to tourist) - Kết quả kiểm tra hàng hóa, tính số thuế GTGT được hoàn (Result of goods examination, calculation of VAT refund amount): <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT (No)</th> <th>Tên hàng (Name of goods)</th> <th>Số lượng (Quantity)</th> <th>Số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế (VAT amount declared in VAT refund invoice and declaration)</th> <th>Số tiền thuế GTGT được hoàn theo công thức quy định tại Điều 12 Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính (VAT amount refunded to tourist using the formula stated in Article 12 of the Circular 72/2014/TT-BTC of the Minister of Finance)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>A</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>B</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>C</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>...</td> <td>...</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Tổng cộng (Total)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>					STT (No)	Tên hàng (Name of goods)	Số lượng (Quantity)	Số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế (VAT amount declared in VAT refund invoice and declaration)	Số tiền thuế GTGT được hoàn theo công thức quy định tại Điều 12 Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính (VAT amount refunded to tourist using the formula stated in Article 12 of the Circular 72/2014/TT-BTC of the Minister of Finance)	1	A				2	B				3	C				...	...				Tổng cộng (Total)				
STT (No)	Tên hàng (Name of goods)	Số lượng (Quantity)	Số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế (VAT amount declared in VAT refund invoice and declaration)	Số tiền thuế GTGT được hoàn theo công thức quy định tại Điều 12 Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính (VAT amount refunded to tourist using the formula stated in Article 12 of the Circular 72/2014/TT-BTC of the Minister of Finance)																														
1	A																																	
2	B																																	
3	C																																	
...	...																																	
Tổng cộng (Total)																																		
.....ngày.....tháng.....năm..... (...day... month... year...) Người kiểm tra (Examination officer) (Ký, đóng dấu công chức, ghi rõ họ tên) (Signature, stamp and full name)																																		
PHẦN C (Dành cho ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế) Part C (completed by commercial bank approved as VAT refund agent)																																		

- Số hiệu, ngày tháng chuyến bay/chuyến tàu của người nước ngoài xuất cảnh:
(*Date and number of the Flight/Ship of the tourist*)

- Số tiền thuế hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh:
(*VAT amount refunded for the tourist*)

- Hình thức thanh toán (*Payment methods*):

+ Tiền mặt (*Cash*) ☐

+ Qua thẻ quốc tế (*Via international card*) ☐

++ Số thẻ (6 số đầu và 4 số cuối của thẻ)
Card number (*first six and last four digits of a card*)

++ Tên thẻ:
(*Cardholder name*)

..... ngày... tháng....năm..... (*.....day.....month.....year.....*)
(*Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*) (*Signature, stamp and full name*)

Mẫu số 01/GTGT-BL

HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TÍCH HỢP BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ

Ngày tháng năm

Ký hiệu:

Số:

PHẦN I: HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Tên người bán:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại: Số tài khoản:

Tên người mua:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán: Số tài khoản: Đồng tiền thanh toán: VND

S T T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4*5

Thành tiền chưa có thuế GTGT:

Thuế suất GTGT: % Tiền thuế GTGT:

Tổng tiền thanh toán:

Số tiền bằng chữ:

PHẦN II: BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ

Mẫu số:

Ký hiệu:

Số:

Tên đơn vị thu:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Tên của tổ chức hoặc người nộp tiền:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Căn cứ thông báo nộp thuế của: Số thuế phải nộp theo thông báo

.....

Số.....ngày.....tháng.....năm

Nội dung thu:

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký số)

Mẫu số 01/BH-BL

HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ BÁN HÀNG TÍCH HỢP BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ

Ngày tháng năm

Ký hiệu:

Số:

PHẦN I: HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

Tên người bán:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Tên người mua:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

Đồng tiền thanh

toán: VND

ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4*5

Tổng tiền thanh toán:

Số tiền bằng chữ:

PHẦN II: BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ

Mẫu số:

Ký hiệu:

Số:

Tên đơn vị thu:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Tên của tổ chức hoặc người nộp tiền:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Căn cứ thông báo nộp thuế của:

Số thuế phải nộp theo thông báo

.....

Số.....ngày.....tháng.....năm

Nội dung thu:.....

NGƯỜI MUA HÀNG
(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Chữ ký số)

Mẫu số 01/TMĐT

HÓA ĐƠN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
(Commercial Invoice)

Mẫu số (Form number):

Ký hiệu (Reference number):

Số (Invoice number):

Ngày.....tháng.....năm 20.....
(Date.....month.....year.....)

Tên người bán (The Seller name):

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address):

Điện thoại (Phone number): Số tài khoản (Bank account):

Tên người mua (The Buyer name):

Mã số thuế(Tax code):

Địa chỉ(Address):

Số tài khoản (Bank account): Đồng tiền thanh toán (Curency):

ST T (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5

Tổng cộng tiền thanh toán (Total amount):

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):

NGƯỜI MUA HÀNG
(THE BUYER)

NGƯỜI BÁN HÀNG
(THE SELLER)
(Chữ ký số)
(E- Signature)

Mẫu số 01/BTS

HÒA ĐƠN BÁN TÀI SẢN LÀ Ô TÔ, XE MÁY PHẢI ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG, QUYỀN SỞ HỮU	Ký hiệu: 1C26RAA
Ngày tháng năm 2026	Số: 00000012
Tên người bán:	
Mã số thuế:	

Địa chỉ:
Điện thoại: Số tài khoản
Tên người mua (Tên của chủ sở hữu, sử dụng tài sản):
Mã số thuế:

Địa chỉ:												
Hình thức thanh toán: Số tài khoản: Đồng tiền thanh toán: VND												
STT	Thông tin tài sản					Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	Thành tiền có thuế GTGT
	Loại tài sản	Số khung	Số máy	Số Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường	Số seri giấy chứng nhận đăng kiểm							
1	2a	2b	2c	2d	2e	3	4	5	6	7 = 4x5	8 = 6x7	9 = 7+8
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:												
Tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất:												
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT:												
Số tiền viết bằng chữ:												
NGƯỜI MUA HÀNG												
(Chữ ký số (nếu có))												
.....												
.....												

Mẫu số 03/XKNB

Tên người xuất hàng: Công ty A

Theo lệnh điều động số 578 của Chi nhánh B về việc vận chuyển hàng hóa

Địa chỉ kho xuất hàng: 125 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội

Tên người vận chuyển: Trần Văn Đức

Phương tiện vận chuyển: ô tô bán tải số 30 A 410.67

Mã số thuế người xuất hàng:.....

PHIẾU XUẤT KHO KIỂM VẬN CHUYỂN NỘI BỘ

Ngày..... tháng..... năm.....

Ký hiệu:.....

Số:.....

Tên người nhận hàng: Trần Văn C

Địa điểm nhận hàng: 99 Cầu Giấy, Hà Nội

Mã
thuế:..... số

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Thực xuất	Thực nhập		
	Tổng cộng:						

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký số)

Mẫu số: 04/HGĐL

Tên tổ chức, cá nhân:..... Ký hiệu:
Địa chỉ:..... Số:
Mã số thuế:.....

PHIẾU XUẤT KHO HÀNG GỬI BÁN ĐẠI LÝ

Ngày..... tháng..... năm.....

Căn cứ hợp đồng kinh tế số:..... Ngày..... tháng..... năm.....
của..... với (tổ chức, cá nhân)..... MST:.....
Họ tên người vận chuyển:..... Hợp đồng số:.....
Phương tiện vận chuyển:.....
Xuất tại kho:.....
Nhập tại kho:.....

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng cộng:					

NGƯỜI NHẬN HÀNG NGƯỜI LẬP THỦ KHO XUẤT NGƯỜI VẬN CHUYỂN THỦ KHO NHẬP
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mẫu số: 01/BK-CSGH

BẢNG KÊ HÀNG HÓA BÁN RA

(Gửi cho cơ sở có hàng hóa điều chuyển hoặc cơ sở có hàng hóa gửi bán)

Kính gửi: Tên cơ sở có hàng hóa điều chuyển, cơ sở có hàng hóa gửi bán

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Tên cơ sở hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, cửa hàng, cơ sở nhận làm đại lý bán hàng).....

Địa chỉ:.....

Xin gửi bảng kê hàng hóa bán ra để làm cơ sở lập hóa đơn giá trị gia tăng như sau:

TT.	Hóa đơn, chứng từ bán ra		Loại hàng hóa	Số lượng	Đơn giá chưa có thuế	Thuế suất	Thành tiền
	Số hóa đơn	Ngày, tháng, năm lập hóa đơn					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng							

..., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ SỞ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC,
CHI NHÁNH, CỬA HÀNG, CƠ SỞ NHẬN LÀM ĐẠI LÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 01/MBL

MÃ BIÊN LAI CỦA CƠ QUAN THUẾ PHÁT HÀNH

Mã	Cơ quan Thuế
01	Thành phố Hà Nội
02	Thành phố Hồ Chí Minh
03	Thành phố Hải Phòng
04	Tỉnh Ninh Bình
05	Tỉnh Bắc Ninh
06	Tỉnh Thái Nguyên
07	Tỉnh Tuyên Quang
08	Tỉnh Phú Thọ
09	Tỉnh Sơn La
10	Tỉnh Thanh Hóa
11	Thành phố Đà Nẵng
12	Thành phố Huế
13	Tỉnh Gia Lai
14	Tỉnh Đắk Lắk
15	Tỉnh Khánh Hòa
16	Tỉnh Tây Ninh
17	Tỉnh Vĩnh Long
18	Thành phố Cần Thơ
19	Tỉnh Đồng Tháp
20	Tỉnh Cà Mau
21	Tỉnh Nghệ An
22	Tỉnh Cao Bằng

23	Tỉnh Lai Châu
24	Tỉnh Lào Cai
25	Tỉnh Điện Biên
26	Tỉnh Lạng Sơn
27	Tỉnh Quảng Ninh
28	Tỉnh Hưng Yên
29	Tỉnh Quảng Trị
30	Tỉnh Hà Tĩnh
31	Tỉnh Quảng Ngãi
32	Tỉnh Lâm Đồng
33	Tỉnh Đồng Nai
34	Tỉnh An Giang
35	Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn
36	Chi cục Thuế thương mại điện tử

Mẫu số CTT50

BỘ TÀI CHÍNH CỤC THUẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÃ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	Mẫu: CTT50 (Ban hành kèm theo Thông tư số .../.../TT- BTC ngày .. tháng ... năm của Bộ Tài chính)
Cơ quan thu:	BIÊN LAI THU THUẾ	Ký hiệu: Số:
Người nộp thuế: Mã số thuế: Địa chỉ:		
Căn cứ thông báo nộp thuế của: Số: ... ngày ... tháng ... năm ... Nội dung thu:	Số thuế phải nộp theo thông báo 	
Số thuế nộp kỳ này: Số thuế nợ kỳ trước (nếu có): Tổng cộng số thuế nộp:		
Số tiền bằng chữ:		
....., ngày..... tháng.... năm TỔ CHỨC THU THUẾ (Chữ ký số)		

Mẫu số 01/PLPĐT

BIÊN LAI THU PHÍ, LỆ PHÍ ĐIỆN TỬ	Mẫu số:
	Ký hiệu:
	Số:
Ngày..... tháng..... năm.....	
Tên tổ chức thu:	
Mã số thuế:	
Địa chỉ:	
Điện thoại:	Số tài khoản:
Tên người nộp:	
Mã số thuế:	
Địa chỉ:	
Số tài khoản:	
Số tiền:	
(Viết bằng chữ):	
Hình thức thanh toán:	
Tổ chức thu phí, lệ phí (Chữ ký số)	

Mẫu số 03/TNCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG TỪ KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Mẫu số:

Ký hiệu:

Số:

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC TRẢ THU NHẬP

[01] Tên tổ chức trả thu nhập:

[02] Mã số thuế:

[03] Địa chỉ:

[04] Điện thoại:

II. THÔNG TIN CÁ NHÂN, HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

[05] Họ và tên:

[06] Mã số thuế:

[07] Quốc tịch:

[08] Cá nhân cư trú [09] Cá nhân không cư trú

[10] Địa chỉ:

[11] Điện thoại liên hệ:

[12] Sổ định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân hoặc số hộ chiếu (*Trường hợp chưa
đăng ký thuế*):

III. THÔNG TIN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN KHẤU TRỪ

[13] Khoản thu nhập:

[14] Khoản đóng bảo hiểm bắt buộc

[15] Khoản đóng từ thiện, nhân đạo, khuyến học:

[16] Thời điểm trả thu nhập: Từ tháng:đến tháng:năm.

[17] Tổng thu nhập chịu thuế phải khấu trừ:

[18] Tổng thu nhập tính thuế:

[19] Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ:

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KHẤU TRỪ

(*Chữ ký điện tử, chữ ký số*)

Mẫu số: 01/CTKT-TMĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG TỪ KHẤU TRỪ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ, CÁ NHÂN CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Năm: ...

Mẫu số:
Ký hiệu:
Số:

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC KHẤU TRỪ THUẾ

- [01] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử :
- [02] Mã số thuế khấu trừ, nộp thay:
- [03] Địa chỉ:
- [04] Điện thoại:

II. THÔNG TIN GIAN HÀNG HOẶC HỘ, CÁ NHÂN

- [05] Tên gian hàng/ Tên tài khoản trên nền tảng thương mại điện tử :.....
- [06] Tên hộ/Họ và tên cá nhân:
- [07] Mã số thuế:
- [08] Quốc tịch:
- [09] Địa chỉ hoặc điện thoại liên hệ:
- [10] Số CCCD hoặc số giấy tờ định danh (Trường hợp không có mã số thuế):...

III. THÔNG TIN SỐ THUẾ ĐÃ KHẤU TRỪ

Đơn vị tiền: ...

STT	Nhóm ngành nghề	Mã chỉ tiêu	Doanh thu của hộ, cá nhân	Số thuế đã khấu trừ		
				Thuế GTGT	Thuế TNCN	Tổng cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) + (6)
1	Cung cấp hàng hóa	[11]				
2	Cung cấp dịch vụ	[12]				

3	Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa	[13]				
4	Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ	[14]				
	Tổng cộng:	[15]				

....., ngày... tháng... năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KHẤU TRỪ, NỘP THAY
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC ĐƠN VỊ ĐỐI VỚI THÔNG TƯ QUY
ĐỊNH VỀ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ**

Triển khai nhiệm vụ được giao, ngày 06/02/2025, Cục Thuế có công văn số 887/CT-CS gửi các đơn vị thuộc Bộ Tài chính (Cục QLGS CST, phí và lệ phí, Vụ PC, Cục QLCS, Cục DNTN, Ủy ban CKNN, Cục ĐTNN, Cục CNTT và CDS, Vụ Các ĐCTC, Cục QLGS KTKT, Cục QLGSBH, Cục DTNN, Văn phòng BTC) và công văn số 888/CT-CS gửi các Thuế tỉnh, thành phố về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định và Thông tư quy định về hóa đơn, chứng từ theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến, tham vấn/góp ý, phản biện xã hội:

- 34 Thuế tỉnh, thành phố;

- Các đơn vị thuộc BTC: CST, PC, QLCS, DNTN, CKNN, ĐTNN, CNTT và CDS, ĐCTC, Cục QLGS KTKT, Cục QLGS BH, DTNN, Văn phòng BTC;

Tổng số ý kiến nhận được: 42 ý kiến

2. Kết quả cụ thể như sau:

CHÍNH SÁCH, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Thuế tỉnh An Giang	Thống nhất với dự thảo	
	Thuế tỉnh Thái Nguyên	Thống nhất với dự thảo	
	Thuế tỉnh Bắc Ninh	Thống nhất với dự thảo	
	Thuế tỉnh Lào Cai	Thống nhất với dự thảo	
	Thuế tỉnh Quảng Ninh	Thống nhất với dự thảo	
	Thuế thành phố Đà Nẵng	Thống nhất với dự thảo	
	Thuế tỉnh Đắk Lắk	Thống nhất với dự thảo	
	Thuế tỉnh Ninh Bình	Thống nhất với dự thảo	
	Thuế tỉnh Sơn La	Thống nhất với dự thảo	
	Thuế tỉnh Vĩnh Long	Thống nhất với dự thảo	
	Thuế tỉnh Điện Biên	Thống nhất với dự thảo	
	Thuế tỉnh Lai Châu	Thống nhất với dự thảo	

	Thuế tỉnh Cà Mau	Thống nhất với dự thảo	
	Thuế tỉnh Lạng Sơn	Thống nhất với dự thảo	
	Thuế tỉnh Tây Ninh	Thống nhất với dự thảo	
	Thuế tỉnh Đồng Tháp	Thống nhất với dự thảo	
	Thuế tỉnh Hưng Yên	Thống nhất với dự thảo	
	Thuế tỉnh Quảng Trị	Thống nhất với dự thảo	
	Cục Quản Lý, Giám Sát Kế Toán, Kiểm Toán	Thống nhất với dự thảo	
	Cục Dự trữ nhà nước	Thống nhất với dự thảo	
	Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Thống nhất với dự thảo	
	Ủy ban chứng khoán nhà nước	Nhất trí với dự thảo	
Phần căn cứ	Thuế thành phố Hải Phòng	Đề nghị bổ sung vào phần căn cứ như sau: “<i>Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15</i>” Lý do: Tại khoản 2 Điều 1 Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11/12/2025 có quy định: “Điều 1. Phạm vi điều chỉnh ...2. Các nội dung thuộc lĩnh vực dữ liệu, giao dịch điện tử, an ninh mạng, viễn thông, trí tuệ nhân tạo và	Tiếp thu

		các lĩnh vực chuyên ngành khác được thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng và phải bảo đảm thống nhất với nguyên tắc, yêu cầu quy định tại Luật này".	
	Vụ Pháp chế	→ Tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định: "Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành. Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản." Theo đó, đề nghị rà soát để đảm bảo quy định đủ căn cứ ban hành theo quy định (ví dụ: đề nghị bỏ: Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006 và bổ sung; Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP) → Về kỹ thuật trình bày căn cứ ban hành, đề nghị rà soát, hoàn thiện cho phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (Khi trình bày tên văn bản QPPL trong phần căn cứ phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản, tên cơ quan ban hành và tên gọi của văn bản).	Tiếp thu Tiếp thu

Điều 1	Thuế tỉnh Khánh Hòa	Đề nghị sửa lại như sau: <i>“Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; định dạng hóa đơn điện tử; ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử; xử lý hóa đơn điện tử đã lập; ký hiệu mẫu, ký hiệu và mẫu hóa đơn điện tử tham khảo; chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử; tiêu chí xác định người nộp thuế có rủi ro cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử; biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ và khen thưởng người tiêu dùng tố giác ơ sở kinh doanh người bán không lập và giao hóa đơn điện tử từ nguồn kinh phí được ngân sách nhà nước đảm bảo hàng năm bằng 0,1% trên tổng số thu thuế giá trị gia tăng nội địa của năm trước liền kề trong dự toán chi thường xuyên hằng năm theo quy định của pháp luật.”</i>	Tiếp thu
	Thuế tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị bổ sung một chương riêng hoặc phụ lục hướng dẫn: <i>“Quy định rõ tiêu chuẩn bằng chứng khi tố giác (hình ảnh, video, chứng từ thanh toán) và thời hạn cơ quan thuế phải phản hồi, chi trả thưởng”.</i>	Không tiếp thu
	Vụ Pháp chế	→ Đề nghị rà soát phạm vi điều chỉnh phải nêu cụ thể điều, khoản đó tại điều, khoản quy định về phạm vi điều chỉnh đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, quy định đầy đủ, chính xác các nội dung được giao, các nội dung quy định rõ ràng, dễ hiểu, tránh cách hiểu khác nhau.	Tiếp thu

		→ Đề nghị sửa lại từ “<i>Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về hóa đơn, chứng từ theo quy định tại khoản 6 Điều 26, khoản 5 Điều 27 và Điều 35 Luật Quản lý thuế</i>” thành “<i>Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về hóa đơn, chứng từ theo quy định tại khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 và Điều 35 Luật Quản lý thuế</i>” → Tại dự thảo Thông tư có hướng dẫn một số nội dung được giao tại dự thảo Nghị định quy định về hóa đơn, chứng từ. Do vậy, đề nghị bổ sung các khoản, điều được giao tại Nghị định để bổ sung tại phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư. → Tại dự thảo phạm vi điều chỉnh có quy định: “<i>nguồn kinh phí được ngân sách nhà nước đảm bảo hàng năm bằng 0,1% trên tổng số thu thuế giá trị gia tăng nội địa của năm trước liền kề</i>”. Về nội dung này, đề nghị bổ sung cơ sở việc quy định về mức 0,1% quy định tại dự thảo Nghị định	
Điều 3	Thuế tỉnh Tuyên Quang	Tại điểm b khoản 3 Điều 3 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa cụm từ “ <i>Tổng cục Thuế</i> ” sửa thành “ <i>Cục Thuế</i> ”	Tiếp thu
		Tại đoạn 6 Điều 3 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa cụm từ “ <i>Nghị định này</i> ” sửa thành “ <i>Thông tư này</i> ”	Tiếp thu
	Thuế thành phố Hải Phòng	Tại dòng thứ 6 khoản 1 Điều 3 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa cụm từ “ <i>Nghị định này</i> ” sửa thành “ <i>Thông tư này</i> ”	Tiếp thu

		Tại điểm c khoản 1 Điều 3 dự thảo Thông tư, đề nghị xem xét lại nội dung này vì theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 thì Luật Quản lý số 38/2019/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15) có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30/6/2026. Như vậy thì Nghị định số 126/2020/NĐ-CP cũng chỉ có hiệu lực đến hết ngày 30/6/2026.	
	Thuế tỉnh Quảng Ngãi	Tại điểm d khoản 1 Điều 3 Dự thảo Thông tư, đề nghị quy định rõ tiêu chí, điều kiện để làm cơ sở xác định chấp nhận/không chấp nhận nội dung giải trình của các doanh nghiệp thuộc cảnh báo rủi ro (ở trạng thái 03, 05, 06) để xử lý chấp nhận/không chấp nhận đăng ký thay đổi hóa đơn điện tử của các DN thuộc cảnh báo rủi ro. Chẳng hạn: phải hoàn thành nghĩa vụ thuế chuyển trạng thái 01, trạng thái 00 hoặc tình hình không nợ thuế,...	Không tiếp thu do đề xuất liên quan đến Quy trình quản lý hóa đơn
	Thuế tỉnh Nghệ An	Tại khoản 1 Điều 3 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa lại như sau: <i>"1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc đối tượng ngừng sử dụng hóa đơn theo quy định tại Điều 11 Thông tư này đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (bao gồm cả đăng ký hóa đơn điện tử bán tài sản công, hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia) thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử."</i>	Tiếp thu

	Văn phòng Bộ	Tại điểm c khoản 1 Điều 3 dự thảo Thông tư quy định “... cơ quan thuế ban hành Thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP gửi cho người nộp thuế”. Tuy nhiên hiện nay, Cục Thuế đang xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế thay thế Nghị định số 126/2020/NĐ-CP (Công văn số 745/CT-CS ngày 29/01/2026). Do đó, đề nghị Cục Thuế rà soát và điều chỉnh nội dung nêu trên để bảo đảm thống nhất.	Tiếp thu
	Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và Kinh tế tập thể	➔ Tại điểm a khoản 1 Điều 3 Dự thảo Thông tư, đối với quy định về đối chiếu thông tin, bao gồm thông tin sinh trắc học của người đại diện pháp luật, đề nghị trong quá trình triển khai có hướng dẫn hỗ trợ phù hợp đối với doanh nghiệp, hợp tác xã quy mô nhỏ, đặc biệt tại địa bàn vùng sâu, vùng xa, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp. ➔ Tại điểm c khoản 1 Điều 3 Dự thảo Thông tư, đề nghị rà soát việc áp dụng tiêu chí đánh giá rủi ro, bảo đảm phân định rõ trách nhiệm pháp lý của pháp nhân với cá nhân đại diện theo pháp luật của pháp nhân, tránh ảnh hưởng dây chuyền đến hoạt động của pháp nhân khi có thay đổi người đại diện.	Không tiếp thu do đề xuất liên quan đến Quy trình quản lý hóa đơn
	Vụ Pháp chế	➔ Tại điểm a khoản 1 Điều 3 Dự thảo Thông tư quy định: “a) Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký, Trang thông tin điện tử của Cục	(1) + (2): Dự thảo điểm này kế thừa quy định tại Điều 15 ND

		<i>Thuế tự động đối chiếu thông tin (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế)... ” Đề nghị cân nhắc về quy định thời gian là 01 ngày làm việc và có đánh giá tổng kết trong quá trình thực hiện vừa qua để đưa ra mức thời gian phù hợp với năng lực về công nghệ thông tin. Ngoài ra, việc dùng cụm từ thông tin sinh trắc học tại dự thảo Thông tư là chưa phù hợp, do đó đề nghị cân nhắc (vì đây chỉ là nghiệp vụ của cơ quan thuế trong việc đối chiếu dữ liệu).</i> ➔ <i>Tại điểm b khoản 1 Điều 3 Dự thảo Thông tư quy định: “b) Trường hợp người nộp thuế đã xác nhận đúng thời hạn trên Trang thông tin điện tử của Cục Thuế và người nộp thuế không thuộc trường hợp: người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân đã từng hoặc đang là người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân khác mà người nộp thuế đó có trạng thái mã số thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh...” Đề nghị cân nhắc việc quy định đối tượng người nộp thuế “đã từng” tại các điểm của Điều này, vì thực tế trong quá khứ người đại diện theo pháp luật đã từng có vi phạm về việc không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, người nộp thuế ngừng hoạt động chưa đóng mã số thuế, người nộp thuế tạm</i>	123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 11 Điều 1 NĐ 70/2025/NĐ-CP quy định đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử. trên cơ sở các văn bản báo cáo quá trình thực hiện của các Thuế tỉnh, TP thì không có vướng mắc khi thực hiện quy định này. Do đó, Cục Thuế đề xuất giữ nguyên dự thảo này.
--	--	---	---

		ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế... Tuy nhiên, tại thời điểm hiện tại người đại diện theo pháp luật đã hoàn thành nghĩa vụ thuế của các doanh nghiệp. ➔ Tại điểm c khoản 1 Điều 3 Dự thảo Thông tư đang dẫn chiếu tới quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, Nghị định này sẽ bị thay thế bởi Nghị định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế có hiệu lực từ 01/7/2026. Do đó, đề nghị sửa đổi cho phù hợp.	(3) Tiếp thu
	Thuế tỉnh Hà Tĩnh	➔ Tại khoản 1 Điều 3 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa lại như sau: “1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc đối tượng ngừng sử dụng hóa đơn theo quy định tại Điều 11 Thông tư này đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (bao gồm cả đăng ký hóa đơn điện tử bán tài sản công, hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia) thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử. ... Trang thông tin điện tử của Cục Thuế gửi thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-TNĐT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định Thông tư này về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử đối với trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử	Tiếp thu

		thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử...” → Tại khoản 3 Điều 3 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa lại như sau: “3. Trường hợp có thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện thay đổi thông tin như sau: a) Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử do thay đổi thông tin về người đại diện theo pháp luật; đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, thành viên góp vốn, chủ sở hữu thì trình tự thủ tục thực hiện theo quy định tại khoản 1a điểm a khoản 1 Điều này. b) Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử không thuộc quy định tại điểm a khoản này, Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế Cục Thuế gửi yêu cầu đề nghị người nộp thuế xác nhận qua địa chỉ thư điện tử hoặc điện thoại của chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện theo pháp luật theo thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế...”	
Điều 4	Thuế tỉnh Tuyên Quang	Tại điểm a khoản 4 Điều 4 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa cụm từ “ <i>Tổng cục Thuế</i> ” sửa thành “ <i>Cục Thuế</i> ”	Tiếp thu
	Thuế tỉnh Hà Tĩnh	Tại điểm a khoản 4 Điều 4 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa cụm từ “ <i>Tổng cục Thuế</i> ” sửa thành “ <i>Cục Thuế</i> ”	Tiếp thu

Điều 5	Thuế tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 5 như sau: “ <i>Tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thực hiện thông báo danh sách hộ kinh doanh ủy nhiệm lập hóa đơn theo hình thức bảng kê dữ liệu điện tử định kỳ hàng tháng gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử</i> ”.	Không tiếp thu do đã có quy định
	Thuế tỉnh Hà Tĩnh	→ Tại điểm a khoản 1 Điều 5 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa lại như sau: “a) Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ được ủy nhiệm cho bên thứ ba là đối tượng đủ điều kiện sử dụng hoá đơn điện tử và không thuộc trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 16 Nghị định số .../.../ND-CP Điều 11 Thông tư này để lập hóa đơn điện tử cho hoạt động bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ;” → Tại điểm a khoản 3 Điều 5 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa lại như sau: “a) Việc ủy nhiệm được xác định là thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 15 Nghị định số .../.../ND-CP Điều 3 Thông tư này. Bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm sử dụng Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này để thông báo với cơ quan thuế về việc ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử, bao gồm cả trường hợp chấm dứt trước thời hạn ủy nhiệm lập hoá đơn điện tử theo thỏa thuận giữa các bên;”	Tiếp thu

	Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và Kinh tế tập thể	Tại Điều 5 Dự thảo Thông tư, đề nghị cân nhắc bổ sung hướng dẫn cơ chế ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử trong trường hợp hợp tác xã thực hiện tiêu thụ sản phẩm cho thành viên hoặc thành viên ủy nhiệm cho hợp tác xã lập hóa đơn, trong đó làm rõ: <i>hình thức ủy nhiệm và hồ sơ làm căn cứ thực hiện; trách nhiệm kê khai, nộp thuế của từng bên; trách nhiệm của các bên khi phát sinh sai sót trong quá trình lập và sử dụng hóa đơn.</i> Việc hướng dẫn cần bảo đảm phù hợp với đặc thù mô hình liên kết sản xuất – tiêu thụ của hợp tác xã.	Không tiếp thu do đã có quy định về đối tượng ủy nhiệm lập HDDT tại điểm a khoản 1 Điều 5 dự thảo TT: <i>“Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ ...”</i>
Điều 6	Thuế tỉnh Tuyên Quang	→ Tại điểm d khoản 5 Điều 6 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa lại như sau: <i>“Hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn thay thế đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì người bán, người mua khai bổ sung vào kỳ phát sinh hóa đơn bị điều chỉnh, bị thay thế.”</i> → Tại đoạn 4 khoản 6 Điều 6 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa cụm từ <i>“Nghị định này”</i> sửa thành <i>“Thông tư này”</i>	Tiếp thu
	Thuế tỉnh Khánh Hòa	Tại điểm a khoản 1 Điều 6 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa lại như sau: <i>“a) Trường hợp có sai về tên, địa chỉ của người mua nhưng không sai mã số thuế và các nội dung khác không sai thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn đã lập sai và không phải lập lại hóa đơn hoặc các trường hợp sai về các thông tin khác, không sai các nội dung về số tiền, thuế suất, tiền thuế, hàng hóa trên hóa đơn đối với người mua là</i>	Tiếp thu

		<i>cá nhân không kinh doanh, không có thông tin người mua thì người bán không phải lập lại hóa đơn.</i>	
	Thuế thành phố Hà Nội	Tại điểm b.2 khoản 1 Điều 6 Dự thảo Thông tư, đề nghị bổ sung như sau: “ <i>Trường hợp trong tháng người bán đã lập sai cùng thông tin về người mua, tên hàng, đơn giá, thuế suất trên nhiều hóa đơn của cùng một người mua trong cùng tháng, bao gồm cả trường hợp người mua không kinh doanh không cung cấp thông tin xuất hóa đơn thì người bán được lập một hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế cho nhiều hóa đơn điện tử đã lập sai trong cùng tháng và đính kèm bảng kê các hóa đơn điện tử đã lập sai theo Mẫu số 01/BK-ĐCTT Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.</i> ”	Tiếp thu
	Thuế tỉnh Quảng Ngãi	Tại điểm d khoản 5 Điều 6 Dự thảo Thông tư, đề nghị quy định rõ trường hợp này theo quy định của pháp luật thuế GTGT hay quy định nào? Quy định cụ thể về kê khai đối với hóa đơn điều chỉnh là hóa đơn bán ra và hóa đơn điều chỉnh là hóa đơn mua vào để phù hợp với nguyên tắc kê khai thuế GTGT đầu vào được quy định tại khoản 6 Điều 23 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP.	Tiếp thu
	Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và Kinh tế tập thể	Tại Điều 6 Dự thảo Thông tư, đề nghị tăng cường hướng dẫn cụ thể, đơn giản hóa quy trình xử lý sai sót hóa đơn đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh quy mô nhỏ nhằm giảm thiểu vi phạm do lỗi kỹ thuật không cố ý.	Không tiếp thu do đề xuất liên quan đến Quy trình quản lý hóa đơn điện tử

	Cục CST	Tại điểm c khoản 4 Điều 6: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung trường hợp dịch vụ đã trả tiền trước, chưa thực hiện, chấm dứt hợp đồng ... được lập hóa đơn điều chỉnh	Không tiếp thu do đã có quy định tại điểm c.4 khoản 4 Điều 6 dự thảo Thông tư
Điều 7	Cục Quản lý công sản	Tại Điều 7 Dự thảo Thông tư, đề nghị bổ sung thêm Ví dụ thể hiện các ký tự của ký hiệu mẫu hóa đơn điện tử và ký hiệu hóa đơn điện tử là hóa đơn điện tử bán tài sản công, cụ thể: (1) 3C25DYY: Hóa đơn điện tử bán tài sản công có mã của cơ quan thuế; (2) 3K25DYY: Hóa đơn điện tử bán tài sản công không có mã của cơ quan thuế. Lý do: Để phù hợp với Điều 95 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ, Mẫu số 07/TSC-HĐ ban hành kèm theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP và đồng bộ với Ví dụ của các loại Hóa đơn khác.	Tiếp thu
Điều 9	Thuế tỉnh Hà Tĩnh	→ Tại khoản 1 Điều 9 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa lại như sau: "1. Người nộp thuế đang sử dụng hóa đơn điện tử không có mã nếu có nhu cầu chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì thực hiện thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 11 Thông tư số .../2026/TT-BTC Điều 3 Thông tư này." → Tại khoản 2 Điều 9 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa lại như sau: "2. Người nộp thuế thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị định số ... nếu thuộc trường hợp được xác định rủi ro cao về thuế theo quy	Tiếp thu

	định tại Thông tư số 31/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về áp dụng rủi ro trong quản lý thuế và được cơ quan thuế thông báo (Mẫu số 01/TB-KTT Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này) về việc chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì phải chuyển đổi sang áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế...”	
Vụ các định chế tài chính	Tại điểm q khoản 4 Điều 9 dự thảo Nghị định quy định: “q) Đối với hoạt động kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng, thời điểm lập hóa đơn điện tử chậm nhất là 01 ngày kể từ thời điểm kết thúc ngày xác định doanh thu, đồng thời doanh nghiệp kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng chuyển dữ liệu ghi nhận số tiền thu được (do đổi đồng tiền quy ước cho người chơi tại quầy, tại bàn chơi và số tiền thu tại máy trò chơi điện tử có thưởng) trừ đi số tiền đổi trả cho người chơi (do người chơi trúng thưởng hoặc người chơi không sử dụng hết) theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính Mẫu 01/TH-DT Phụ lục 1A ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan thuế cùng thời điểm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử. Ngày xác định doanh thu là khoảng thời gian từ 0 giờ 00 phút đến 23 giờ 59 phút cùng ngày;” Tuy nhiên, tại dự thảo Thông tư không có hướng dẫn về nội dung này.	Tiếp thu

Điều 11	Thuế tỉnh Khánh Hòa	→ Tại điểm c khoản 1 Điều 11 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa lại như sau: “c) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tạm ngừng kinh doanh; tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo văn bản gửi cơ quan thuế (Mẫu 01/ĐKTD-HĐĐT Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này); hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chuyển đổi phương pháp từ kê khai sang phương pháp khoán hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh theo thông báo của cơ quan thuế;” → Tại điểm i khoản 1 Điều 11 Dự thảo Thông tư, đề nghị điều chỉnh theo hướng chỉ yêu cầu người nộp thuế thực hiện cập nhật, hoàn thiện thông tin đăng ký thuế trong thời hạn nhất định; chỉ áp dụng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử trong trường hợp người nộp thuế không hợp tác hoặc cố tình không thực hiện sau khi đã được thông báo, nhắc nhở đầy đủ.	(1) Tiếp thu bỏ đoạn “chuyển đổi phương pháp từ kê khai sang phương pháp khoán hoặc”. (2) Không tiếp thu. Lý do theo quy định tại khoản 3 Điều 39 TT 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định: “3. Trường hợp hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân đã được cấp mã số thuế trước ngày 01/7/2025 nhưng thông tin đăng ký thuế của đại diện hộ kinh doanh, đại diện hộ gia đình, cá nhân không khớp đúng với thông tin của cá nhân được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không đầy đủ thì cơ quan thuế cập nhật trạng thái mã số thuế của hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân sang trạng thái 10
---------	---------------------	---	--

			<i>“Mã số thuế chờ cập nhật thông tin số định danh cá nhân”. Người nộp thuế phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 25 Thông tư này để đảm bảo thông tin khớp đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Thông tư này.</i>
Thuế thành phố Cần Thơ	Tại điểm c khoản 1 Điều 11 dự thảo Thông tư, đề nghị bỏ cụm từ <i>“chuyển đổi phương pháp từ kê khai sang phương pháp khoán hoặc”</i>	Tiếp thu	
Thuế tỉnh Cao Bằng	Tại Điều 11 dự thảo Thông tư, đề nghị bổ sung quy định về trường hợp hộ kinh doanh đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử nhưng doanh thu phát sinh trong năm thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân.	Tiếp thu	
Thuế tỉnh Quảng Ngãi	→ Tại điểm c khoản 1 Điều 11 Dự thảo Thông tư, đề xuất bỏ cụm từ <i>“phương pháp khoán”</i> vì lý do từ ngày 01/01/2026 hộ kinh doanh không còn nộp thuế theo phương pháp khoán. → Tại điểm l khoản 1 Điều 11 Dự thảo Thông tư, đề xuất: Để việc quản lý thuế được chặt chẽ đối với	(1) Tiếp thu	

		trường hợp đã xác định có mức độ rủi ro cao thì đối với các trường hợp có mức độ rủi ro cao theo mức độ rủi ro người nộp thuế thì thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn ngay sau khi xác định người nộp thuế thuộc diện rủi ro rất cao theo Mẫu số 01/TB-NSD Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư và ban hành thông báo giải trình. Sau khi giải trình đầy đủ và chứng minh được việc sử dụng hóa đơn điện tử theo đúng quy định pháp luật thì người nộp thuế tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử.	
	Thuế tỉnh Hà Tĩnh	Tại điểm c khoản 1 Điều 11 Dự thảo Thông tư, đề xuất bỏ cụm từ “ <i>phương pháp khoán</i> ” vì lý do từ ngày 01/01/2026 hộ kinh doanh không còn nộp thuế theo phương pháp khoán.	Tiếp thu
Điều 13	Thuế tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị bổ sung vào điểm d khoản 2 Điều 13 Dự thảo Thông tư như sau: “ <i>Cho phép các đơn vị bán hàng lưu động được sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền hoặc lập bảng kê bán lẻ trong ngày và xuất một hóa đơn tổng vào cuối ngày nếu khách hàng không yêu cầu hóa đơn riêng lẻ</i> ”.	Không tiếp thu do không có hệ thống quản lý đối với đối tượng bán hàng rong, lưu động, không đảm bảo đầy đủ thông tin bán hàng, doanh thu
	Cục CST	Đề nghị rà soát về câu chữ tại điểm c khoản 2 Điều 13 dự thảo TT: Đề nghị sửa lại như sau: “ <i>Thời điểm lập hóa đơn thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này số ../2026/NĐ-CP.</i> ”	Tiếp thu.

Điều 14	Vụ Pháp chế	→ Tại Điều 14 dự thảo Thông tư quy định về tiêu chí đối với tổ chức cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử và dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn và các dịch vụ khác có liên quan có nêu các tiêu chí (về chủ thể, nhân sự, kỹ thuật, tài chính...), các tiêu chí này được hiểu là các điều kiện cần phải có để tổ chức hoạt động, vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Đầu tư thì Thông tư này không được quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh. Do vậy, đề nghị rà soát đảm bảo cho phù hợp. → Tại điểm a khoản 3 Điều 14 dự thảo Thông tư quy định: “<i>Tổ chức cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử gửi hồ sơ chứng minh đáp ứng các tiêu chí tại khoản 1 Điều này, tài liệu mô tả dịch vụ và cam kết thực hiện đến Cục Thuế</i>” theo đó, việc quy định này sẽ phát sinh thủ tục hành chính. Do vậy, về nội dung này đề nghị lấy ý kiến Văn phòng Bộ.	(1) Chuyển quy định này lên dự thảo Nghị định quy định hóa đơn, chứng từ điện tử. (2) Đây là dự thảo kế thừa quy định tại Điều 11 Thông tư số 32/2025/TT-BTC. Tại văn bản số 118/VP-CCHC ngày 23/01/2025 của Văn phòng BTC tgyk với Tổng cục Thuế về dự thảo TT hướng dẫn Nghị định sửa đổi Nghị định 123/2020/NĐ-CP (TT 32/2025/TT-BTC): “<i>Dự thảo Thông tư không làm phát sinh thủ tục hành chính thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính ...</i>”
Điều 15	Thuế tỉnh Hà Tĩnh	Tại khoản 1 Điều 15 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa lại như sau: “<i>1. Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu</i>	Tiếp thu

		<i>nhập cá nhân, khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số, tổ chức thu các khoản thuế, phí, lệ phí trước khi sử dụng chứng từ điện tử theo khoản 1 Điều 30 khoản 1 Điều 20 Nghị định ... thì thực hiện đăng ký sử dụng qua Trang thông tin điện tử của Cục Thuế, Cục Hải quan hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử..."</i>	
Điều 16	Thuế tỉnh Thanh Hóa	<i>Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 16 Dự thảo Thông tư như sau: "Chứng từ điện tử được phép lưu trữ dưới định dạng PDF có ký số hợp lệ để giao cho người lao động, đồng thời doanh nghiệp có trách nhiệm chuyển đổi sang định dạng XML khi gửi dữ liệu đến cơ quan thuế".</i>	Không tiếp thu do Thông tư chỉ quy định định dạng của doanh nghiệp gửi đến cơ quan thuế.
Điều 21	Thuế tỉnh Gia Lai	<i>Đề nghị bổ sung một khoản tại Điều 21 Thông tư (Cung cấp, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử) quy định rõ: Cú pháp tin nhắn, đầu số tiếp nhận (ví dụ: 8xxx) để cụ thể hóa quy định tại khoản 2 Điều 29 Dự thảo Nghị định, để dàng trong việc tra cứu và cung cấp thông tin khi gặp trường hợp bất khả kháng.</i>	Không tiếp thu do đề xuất liên quan đến quy trình quản lý hóa đơn.
Điều 24	Thuế tỉnh Khánh Hòa	<i>Tại khoản 1 Điều 24 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa lại như sau: "1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm và thay thế Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2025 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Nghị</i>	Tiếp thu

		<i>định .../.../ND-CP của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ Luật quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/ND-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Nghị định số 70/2025/ND-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/ND-CP."</i>	
	Thuế thành phố Hà Nội	Tại khoản 1 Điều 24 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa lại như sau: "1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 và thay thế Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật quản lý thuế ngày 13/6/2019; Nghị định 123/2020/ND-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hoá, chứng từ, Nghị định 70/2025/ND-CP ngày 20/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 123/2020/ND-CP."	Tiếp thu
	Cục Đầu tư nước ngoài	Tại khoản 3 Điều 24 Dự thảo Thông tư, đề nghị quy định rõ đối với trường hợp đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử với cơ quan thuế nhưng chưa đảm bảo là hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc dữ liệu điện tử trước ngày Thông tư có hiệu lực thì áp dụng quy định nào, dữ liệu đăng ký trước đây có phải cập nhật lại không.	Dự thảo kế thừa quy định tại khoản 5 Điều 12 TT 32/2025/TT-BTC về trường hợp phải đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định. . Do đó, đối với các trường hợp trước ngày Thông tư có hiệu lực thì áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 12 TT 32/2025/TT-BTC.

	Vụ Pháp chế	Tại khoản 1 Điều 24 Dự thảo Thông tư, đề nghị sửa lại thành: “ <i>Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoá, chứng từ, Nghị định 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 123/2020/NĐ-CP.</i> ”	Tiếp thu
	Cục CST	Khoản 4 Điều 24: Đề nghị xem lại quy định này, đến thời điểm này có cần phải xử lý đối với những hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, NĐ 04/2014/NĐ-CP nữa hay không? Nếu cần xử lý cho hóa đơn lập theo tất cả các văn bản trước dự thảo NĐ mới thì cần quy định nguyên tắc lập chung.	Không tiếp thu. Nội dung đã được đưa vào khoản 2 Điều 24 dự thảo Thông tư về xử lý chuyển tiếp. Do 05 năm được khai bổ sung theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.
Bản đánh giá thủ tục hành chính	Văn phòng Bộ	Tại Bản đánh giá thủ tục hành chính, Cục Thuế đang báo cáo “ <i>Các TTHC sửa đổi, bổ sung: Hầu hết nội dung về TTHC đều kế thừa quy định của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/3/2025,....</i> ”. Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025, đề nghị Cục Thuế xác định các TTHC được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Thông tư để báo cáo cụ thể tại Bản đánh giá TTHC, việc phân quyền, phân cấp,... và bổ sung Biểu mẫu đánh giá tác	Tiếp thu

		động và tính toán chi phí tuân thủ TTHC theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025. Đồng thời, điều chỉnh cơ quan, đơn vị thực hiện Bản đánh giá TTHC là Cục Thuế do đây là Bản đánh giá TTHC tại dự thảo Thông tư.	
--	--	--	--

Số: /BC-CT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết thi hành Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31/5/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cục Thuế đã tiến hành tổng kết việc thi hành Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31/5/2025 của Bộ Tài chính. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến các chính sách/dự thảo (nếu có)

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Việc tổng kết thi hành Thông tư số 32/2025/TT-BTC được thực hiện thông qua:

- Rà soát các quy định của Thông tư và đối chiếu với thực tiễn triển khai tại cơ quan thuế và người nộp thuế;
- Tổng hợp ý kiến phản ánh, vướng mắc của người nộp thuế, tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử và các đơn vị liên quan;
- Đánh giá tình hình sử dụng hóa đơn điện tử, công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về hóa đơn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Sau khi Thông tư số 32/2025/TT-BTC được ban hành, cơ quan thuế các cấp đã tổ chức phổ biến, tuyên truyền nội dung Thông tư bằng nhiều hình thức; hướng dẫn người nộp thuế áp dụng chính sách thuế về hóa đơn điện tử theo đúng quy định.

Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ quản lý hóa đơn điện tử tiếp tục được nâng cấp, bảo đảm việc tiếp nhận, xử lý, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử kịp thời, ổn định, phục vụ công tác quản lý thuế.

2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật

Thông tư 32/2025/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/6/2025, thay thế Thông tư 78/2021/TT-BTC, khắc phục những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai hóa đơn điện tử.

Thông tư mở rộng đối tượng được ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (không chỉ doanh nghiệp, tổ chức) được phép ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử. Bên được ủy nhiệm không nhất thiết phải là bên có quan hệ liên kết với người bán.

Thông tư 32/2025/TT-BTC quy định đối tượng áp dụng sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền đã giúp các ngành kinh doanh bán lẻ, ăn uống, dịch vụ,... minh bạch hơn trong việc khai báo doanh thu, giảm thiểu thất thu thuế. Ngoài ra, Thông tư đã bổ sung ký hiệu riêng cho hóa đơn thương mại điện tử, giúp cơ quan thuế quản lý hiệu quả hơn các giao dịch trên các sàn giao dịch trực tuyến dẫn đến tăng nguồn thu từ lĩnh vực này.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Khó khăn, vướng mắc:

- Giai đoạn đầu, nhiều doanh nghiệp nhỏ và hộ kinh doanh gặp khó khăn trong việc đăng ký và sử dụng hệ thống hóa đơn điện tử do hạn chế về công nghệ.
- Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin tại một số thời điểm quá tải, gây chậm trễ trong việc phát hành và gửi dữ liệu hóa đơn.

3.2. Nguyên nhân:

- Một bộ phận người nộp thuế chưa quen với phương thức điện tử, còn thói quen dùng hóa đơn giấy.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

- Cần tiếp tục hoàn thiện hướng dẫn chi tiết tại Thông tư số 32/2025/TT-BTC, đặc biệt là quy định về thay thế, điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập;
- Nâng cao, mở rộng hạ tầng công nghệ thông tin để đáp ứng nhu cầu truyền nhận hóa đơn số lượng lớn.

5. Những nội dung khác (nếu có)

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Ngày 10/12/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

Căn cứ khoản khoản 6 Điều 26 và khoản 5 Điều 27 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 quy định về hóa đơn điện tử và chứng từ điện tử, do đó cần thiết ban hành Thông tư quy định một số điều của Luật QLT số 108/2025/QH15 và Nghị định quy định về hóa đơn, chứng từ.

Thông tư thay thế Thông tư số 32/2025/TT-BTC sẽ hướng dẫn các nội dung mà Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 giao Bộ Tài chính hướng dẫn gồm:

- (1) Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; định dạng hóa đơn điện tử;
- (2) Ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử;
- (3) Xử lý hóa đơn điện tử đã lập;
- (4) Ký hiệu mẫu, ký hiệu và mẫu hóa đơn điện tử tham khảo;
- (5) Chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử; tiêu chí xác định người nộp thuế có rủi ro cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử;
- (6) Các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử;
- (7) Biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ và khen thưởng người tiêu dùng tố giác cơ sở kinh doanh không lập và giao hóa đơn điện tử từ nguồn kinh phí được ngân sách nhà nước đảm bảo hàng năm bằng 0,1% trên tổng số thu thuế giá trị gia tăng nội địa của năm trước liền kề;
- (8) Việc đăng ký sử dụng chứng từ điện tử; định dạng chứng từ điện tử;
- (9) Xử lý chứng từ điện tử đã lập;
- (10) Ký hiệu mẫu, ký hiệu chứng từ điện tử và mẫu chứng từ điện tử tham khảo.

Nơi nhận:

- ...

- ...;

- Lưu: VT, CT (VT, CS).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Đặng Ngọc Minh

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ THẢO THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUẢN LÝ THUẾ SỐ 108/2025/QH15 NGÀY 10 THÁNG 12 NĂM 2025, NGHỊ ĐỊNH SỐ .../2026/NĐ-CP NGÀY ... THÁNG ...NĂM 2026 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ (Sau đây gọi là Dự thảo Thông tư). Kết quả như sau:

I. TÓM TẮT VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng Thông tư

Bộ Chính trị, Quốc hội đã ban hành một số Kết luận, Nghị quyết, Luật liên quan có ảnh hưởng đến một số quy định của Nghị định hóa đơn, chứng từ như:

- Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 với mục tiêu chủ đạo và xuyên suốt là *xây dựng ngành thuế Việt Nam hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ; trọng tâm của công tác quản lý thuế dựa trên nền tảng thuế điện tử và 3 trụ cột cơ bản gồm (1) Thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; (2) Nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; (3) Công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh nền kinh tế số.*

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu* (điểm 5 mục III).

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: *Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn* (điểm 2 mục III).

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đưa ra giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách *“Minh bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính, nhất là vềthuế, hải quan... Trong năm 2025, ... thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo; ...Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, bảo đảm an ninh, an toàn; Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị; Xây dựng hệ thống dữ liệu và công cụ trí tuệ nhân tạo cảnh báo sớm về các nguy cơ vi phạm pháp luật. Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán ”* (điểm 2,1 mục III).

- Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã đặt ra những nhiệm vụ quan trọng liên quan đến công tác quản lý thuế trong bối cảnh phát triển thương mại điện tử và chuyển đổi số, cụ thể: ... *Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.*

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-

NQ/TW của Bộ Chính trị: “*Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh*” (điểm 5 Mục II Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị).

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thi hành Nghị định 123/2020/NĐ-CP còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần được khắc phục, chưa phù hợp với ngành đặc thù. Từ thực tế trên và yêu cầu đổi mới, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế đòi hỏi phải được sửa đổi để phù hợp với xu thế phát triển, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong quản lý hóa đơn, chứng từ điện tử.

Trên cơ sở nội dung Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Nghị định về hóa đơn chứng từ điện tử giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định các nội dung: đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; định dạng hóa đơn điện tử; ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử; xử lý hóa đơn điện tử đã lập; ký hiệu mẫu, ký hiệu và mẫu hóa đơn điện tử tham khảo; chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử; tiêu chí xác định người nộp thuế có rủi ro cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử; biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ và khen thưởng người tiêu dùng tố giác cơ sở kinh doanh không lập và giao hóa đơn điện tử từ nguồn kinh phí được ngân sách nhà nước đảm bảo hàng năm bằng 0,1% trên tổng số thu thuế giá trị gia tăng nội địa của năm trước liền kề.

Việc đăng ký sử dụng chứng từ điện tử; định dạng chứng từ điện tử; xử lý chứng từ điện tử đã lập; ký hiệu mẫu, ký hiệu chứng từ điện tử và mẫu chứng từ điện tử tham khảo.

Tiêu chuẩn kỹ thuật, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ kết nối, trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu với các bên liên quan theo quy định của pháp luật. Bộ Tài chính đã thực hiện soạn thảo Thông tư quy định chi tiết nội dung Chính phủ giao.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

2.1. Mục đích đánh giá

- Đánh giá tác động của các quy định về thủ tục hành chính trong Dự thảo Thông tư nhằm bảo đảm tính cần thiết, hợp lý, hợp pháp và hiệu quả.

- Đánh giá việc phân quyền, phân cấp trong quản lý thuế theo quy định của Dự thảo Thông tư.

- Đánh giá mức độ ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý thuế.

- Đánh giá tác động của Dự thảo Thông tư đối với bình đẳng giới và việc thực hiện chính sách dân tộc.

2.2. Yêu cầu đánh giá

- Đánh giá toàn diện, khách quan, trung thực, trên cơ sở phân tích cụ thể từng nội dung TTHC được đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, bám sát nội dung Dự thảo Thông tư.

- Bảo đảm bám sát các nguyên tắc cải cách TTHC theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09/3/2025 và các văn bản có liên quan.

- Bảo đảm phù hợp với chủ trương cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền và chuyển đổi số.

- Kết quả đánh giá làm cơ sở hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Tài chính, đồng thời làm căn cứ để thực hiện việc công bố, công khai, cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC sau khi Thông tư được ban hành.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá thủ tục hành chính

Dự thảo Thông tư này quy hướng dẫn một số nội dung về hóa đơn, chứng từ theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về: Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về hóa đơn, chứng từ theo quy định tại khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 và khoản 3 Điều 35 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, quy định về: đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; định dạng hóa đơn điện tử; ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử; xử lý hóa đơn điện tử đã lập; ký hiệu mẫu, ký hiệu và mẫu hóa đơn điện tử tham khảo; chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử; tiêu chí xác định người nộp thuế có rủi ro cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử, biện pháp khuyến khích người mua lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ và thực hiện khen thưởng người tiêu dùng tố giác người bán không lập và giao hóa đơn điện tử từ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán chi thường xuyên hằng năm theo quy định của pháp luật.

Việc đăng ký sử dụng chứng từ điện tử; định dạng chứng từ điện tử; xử lý chứng từ điện tử đã lập; ký hiệu mẫu, ký hiệu chứng từ điện tử và mẫu chứng từ điện tử tham khảo.

Tiêu chuẩn kỹ thuật, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ kết nối, trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu với các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

1.1. Các thủ tục hành chính mới: Không phát sinh

1.2 Các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

Các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: Hầu hết nội dung các TTHC tại Thông tư đều kế thừa các quy định của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/3/2025 và Thông tư số 32/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/5/2025. Các quy định bổ sung nhằm làm rõ thêm nội dung tránh vướng mắc. Ngoài ra, do phần quy định tại Nghị định giảm đối tượng đối với phần hóa đơn điện tử, cùng với việc tiếp tục thực hiện điện tử tờ khai, làm giảm chi phí tuân thủ, cụ thể:

1.2.1. Sự cần thiết của TTHC: Các thủ tục tại Thông tư này cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế. Các TTHC sửa đổi nhằm phù hợp với các chủ trương, định hướng của Đảng, Quốc hội và Chính phủ.

1.2.2. Tính hợp pháp của TTHC: Các TTHC sửa đổi được ban hành đúng thẩm quyền, thống nhất với quy định tại khoản 6 Điều 26, khoản 5 Điều 27 và Điều 35 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 và Nghị định Quy định về hóa đơn chứng từ điện tử.

1.2.3. Tính hợp lý của TTHC:

- Tên thủ tục hành chính: Tên các TTHC mới, sửa đổi đều đảm bảo bao quát đầy đủ nội dung của TTHC.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính là tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 2 Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ;

Đối tượng thực hiện TTHC được đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: được các định cụ thể, rõ ràng là cơ quan thuế các cấp; cơ quan giải quyết TTHC bảo đảm phân cấp, phân quyền theo chính quyền 02 cấp sau khi thực hiện tổ chức sắp xếp bộ máy mới.

1.2.4. Đánh giá chi phí tuân thủ của TTHC:

+ Đăng kí/ Thay đổi thông tin sử dụng chứng từ điện tử/Ủy nhiệm lập biên lai điện tử (1,011042): Kế thừa quy định của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/3/2025.

+ Đăng ký mới/ Bổ sung thông tin đăng ký/ thu hồi tài khoản truy cập Cổng

thông tin điện tử để khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (1,011043): Kế thừa quy định của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/3/2025, Giảm đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 8 Nghị định quy định về hóa đơn chứng từ điện tử, giảm chi phí tuân thủ.

+ Đăng ký sử dụng hoá đơn điện tử/ Thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hoá đơn điện tử/ Ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử/ Chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế/Khai thác dữ liệu của chỉ nhánh, đơn vị phụ thuộc/Thông báo tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử/Tích hợp hóa đơn điện tử với biên lai thu thuế, phí, lệ phí (1,010337): Kế thừa quy định của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/3/2025 và Thông tư số 32/2025/TT-BTC, Giảm đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 8 Nghị định quy định về hóa đơn chứng từ điện tử, giảm chi phí tuân thủ.

+ Cấp/ Điều chỉnh/Thay thế hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh (1,010339): Kế thừa quy định của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/3/2025, Giảm đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 8 Nghị định quy định về hóa đơn chứng từ điện tử, giảm chi phí tuân thủ.

+ Xử lý hoá đơn điện tử đã lập sai (1,010341): Kế thừa quy định của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/3/2025, Giảm đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 8 Nghị định quy định về hóa đơn chứng từ điện tử, giảm chi phí tuân thủ.

+ Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử tới cơ quan thuế (1,010343): Kế thừa quy định của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/3/2025, Giảm đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 8 Nghị định quy định về hóa đơn chứng từ điện tử, giảm chi phí tuân thủ.

+ Xử lý chứng từ điện tử đã lập sai (1,013659): Kế thừa quy định tại nghị định 70/2025/NĐ-CP.

1.3. Thủ tục hành chính bãi bỏ: đã bãi bỏ 7 TTHC tại Nghị định về hóa đơn và chứng từ tự in, đặt in (đã tính chi phí tuân thủ tại Báo cáo đánh giá tác động TTHC tại Nghị định về hóa đơn chứng từ điện tử).

2. Đánh giá việc phân quyền, phân cấp:

- Dự thảo Thông tư quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế các cấp trong việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, quản lý nghĩa vụ thuế của người nộp thuế, bảo đảm phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, không chồng chéo,

phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy quản lý thuế hiện hành.

- Việc phân quyền, phân cấp góp phần nâng cao tính chủ động, trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thuế.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo bổ sung phương thức lập chứng từ điện tử, văn bản hành chính thuế điện tử quy định hình thức chứng từ điện tử và văn bản hành chính thuế điện tử. Kết nối, truyền dữ liệu chứng từ điện tử: quy định nguyên tắc An toàn thông tin, bảo mật dữ liệu theo quy định của pháp luật; Tính toàn vẹn, đầy đủ, chính xác của dữ liệu trong quá trình truyền, nhận và lưu trữ; Khả năng truy xuất, đối chiếu dữ liệu khi cơ quan quản lý thuế yêu cầu. Đảm bảo đáp ứng việc ứng dụng khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới:

Các quy định của Dự thảo Thông tư được xây dựng trên nguyên tắc áp dụng thống nhất đối với mọi tổ chức, cá nhân, không phân biệt giới tính; không phát sinh quy định có nội dung phân biệt đối xử về giới, bảo đảm bình đẳng giới trong thực hiện quyền và nghĩa vụ về thuế.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc:

Dự thảo Thông tư không quy định nội dung riêng liên quan đến chính sách dân tộc. Tuy nhiên, việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, giao dịch điện tử trong quản lý thuế góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế là đồng bào dân tộc thiểu số, người dân ở vùng sâu, vùng xa trong việc tiếp cận và thực hiện nghĩa vụ thuế.

III. KẾT LUẬN

Trên đây là những nội dung đánh giá TTHC, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc dự thảo Thông tư Hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, ban hành.

Hà Nội, ngày ... tháng 03 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử

Dự thảo Thông tư	Thông tư số 32/2025/TT-BTC	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử theo quy định tại khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và khoản 4 Điều 36 Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ, gồm: 1. Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; định dạng hóa đơn điện tử; ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử; xử lý hóa đơn điện tử đã lập; ký hiệu mẫu, ký hiệu và mẫu hóa đơn điện tử tham khảo; chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử; tiêu chí xác định người nộp thuế có	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về hóa đơn, chứng từ theo quy định tại Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, hướng dẫn thi hành các khoản 3, khoản 6, khoản 7, khoản 11, khoản 18, khoản 37 và khoản 38 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và một số trường hợp theo yêu cầu quản lý bao gồm: tổ chức thực hiện biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ; ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử; ký hiệu mẫu số, ký hiệu hóa đơn,	Điều 1 được xây dựng nhằm xác định rõ: Phạm vi điều chỉnh của Thông tư gồm các điều khoản cụ thể mà Luật Quản lý thuế giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và một số nội dung được giao tại Nghị định quy định hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử. Tại khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 và khoản 2 Điều 52 của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và khoản 4 Điều 36 Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ giao một số nội dung ở Thông tư như sau: “Điều 26. Hóa đơn điện tử 7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định

rủi ro cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử; biện pháp khuyến khích người mua lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ và thực hiện khen thưởng người tiêu dùng tổ giác người bán không lập và giao hóa đơn điện tử từ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán chi thường xuyên hằng năm theo quy định của pháp luật;

2. Việc đăng ký sử dụng chứng từ điện tử; định dạng chứng từ điện tử; xử lý chứng từ điện tử đã lập; ký hiệu mẫu, ký hiệu chứng từ điện tử và mẫu chứng từ điện tử tham khảo;

3. Các nội dung về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử gồm: Cung cấp, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử; hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Cổng thông tin điện tử; đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử để khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử; chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.

tên liên hóa đơn; áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác; nội dung hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế; chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử; tiêu chí xác định người nộp thuế rủi ro về thuế cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; sử dụng chứng từ; tiêu chí đối với tổ chức cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử và dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn và các dịch vụ khác có liên quan và hiệu lực thi hành.

các nội dung sau: đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; định dạng hóa đơn điện tử; ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử; xử lý hóa đơn điện tử đã lập; ký hiệu mẫu, ký hiệu và mẫu hóa đơn điện tử tham khảo; chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử; tiêu chí xác định người nộp thuế có rủi ro cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử; biện pháp khuyến khích người mua lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ và thực hiện khen thưởng người tiêu dùng tổ giác người bán không lập và giao hóa đơn điện tử từ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán chi thường xuyên hằng năm theo quy định của pháp luật.

...

Điều 27. Chứng từ điện tử

...

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết các nội dung sau: việc đăng ký sử dụng chứng từ điện tử; định dạng chứng từ điện tử; xử lý chứng từ điện tử đã lập; ký hiệu mẫu, ký hiệu chứng từ điện tử và mẫu chứng từ điện tử tham khảo."

		<i>“Điều 36. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Hệ thống thông tin quản lý thuế</i> ... <i>4. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử; đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế; chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.”</i>
Điều 2. Đối tượng áp dụng Đối tượng áp dụng hướng dẫn tại Thông tư này là tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 2 Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Đối tượng áp dụng hướng dẫn tại Thông tư này là tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 2 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.	Sửa đổi câu chữ để phù hợp với quy định tại dự thảo Nghị định quy định hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.
Điều 3. Đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử 1. Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc đối tượng ngừng sử dụng hóa đơn theo quy định tại Điều 11 Thông tư này đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (bao gồm cả đăng ký		- Tại Thông tư số 32/2025/TT-BTC không có quy định về nội dung này. - Gồm 5 khoản, cơ bản kế thừa quy định tại Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 11 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, trong đó: Nội dung sửa đổi:

hóa đơn điện tử bán tài sản công, hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia) thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế miễn phí dịch vụ, cơ quan thuế hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức, xử lý tài sản công theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì có thể đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thông qua Trang thông tin điện tử của Cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Cục Thuế ủy thác cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế miễn phí dịch vụ.

Trường hợp doanh nghiệp là tổ chức kết nối chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thông qua Trang thông tin điện tử của Cục Thuế.

Trường hợp tổ chức nước ngoài có hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ thông qua nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác đăng ký tự nguyện sử dụng hóa đơn

+ Thay thế cụm từ “không phải trả tiền dịch vụ” thành “miễn phí dịch vụ”; “nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác” thành “Tổ chức nước ngoài có hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ thông qua nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác” để phù hợp với quy định tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

+ Dự thảo thực hiện chỉnh lý kỹ thuật theo hướng thay thế thuật ngữ “doanh nghiệp” bằng “tổ chức kinh tế” nhằm bảo đảm phạm vi điều chỉnh bao quát đầy đủ các chủ thể có hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư, trong đó “tổ chức kinh tế” được sử dụng để chỉ các chủ thể có tư cách pháp lý thực hiện hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc chỉnh lý này không làm thay đổi chính sách, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan mà nhằm thống nhất thuật ngữ với pháp

điện tử theo quy định tại Thông tư này thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thông qua Trang thông tin điện tử dành cho nhà cung cấp ở nước ngoài của Cục Thuế. Nội dung thông tin đăng ký theo Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Trang thông tin điện tử của Cục Thuế gửi thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-TNĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử đối với trường hợp tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử. Trang thông tin điện tử của Cục Thuế gửi thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-TNĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế đối với trường hợp tổ chức kinh tế, tổ chức		luật hiện hành, bảo đảm tính bao quát, đồng bộ.
--	--	--

khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, tổ chức nước ngoài có hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ thông qua nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác tại Việt Nam đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trực tiếp tại Trang thông tin điện tử của Cục Thuế.

Trường hợp tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử:

a) Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký, Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tự động đối chiếu thông tin (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) của người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân đăng ký sử dụng hóa đơn giữa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thuế với dữ liệu tại Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc theo dữ liệu tại Hệ thống Định danh và xác thực điện tử. Trường hợp thông tin không

khớp đúng, Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tự động gửi Thông báo không chấp nhận hồ sơ đăng ký hóa đơn điện tử và cung cấp các trường thông tin không khớp đúng cho người nộp thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo để người nộp thuế điều chỉnh thông tin đã kê khai hoặc liên hệ với cơ quan công an để điều chỉnh thông tin trong Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc Hệ thống Định danh và xác thực điện tử. Trường hợp thông tin khớp đúng, Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tự động gửi yêu cầu đề nghị người nộp thuế xác nhận qua địa chỉ thư điện tử, số điện thoại của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc người đại diện pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế, đăng ký doanh nghiệp. Người nộp thuế có trách nhiệm trả lời xác nhận ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo; trường hợp quá thời hạn mà người nộp thuế chưa xác nhận hoặc xác nhận không thành công, Trang thông tin điện tử

của Cục Thuế tự động gửi Thông báo không chấp nhận hồ sơ đăng ký hóa đơn điện tử cho người nộp thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo. Cơ quan thuế áp dụng công nghệ sinh trắc học trong việc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử phù hợp quy định pháp luật.

b) Trường hợp người nộp thuế đã xác nhận đúng thời hạn trên Trang thông tin điện tử của Cục Thuế và người nộp thuế không thuộc trường hợp: người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân đã từng hoặc đang là người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân khác mà người nộp thuế đó có trạng thái mã số thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, người nộp thuế ngừng hoạt động chưa đóng mã số thuế, người nộp thuế tạm ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế; người nộp thuế có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ theo

hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì trong thời hạn chậm nhất ngày làm việc tiếp theo, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Trường hợp kết quả đối chiếu thông tin khớp đúng, người nộp thuế xác nhận trên Trang thông tin điện tử của Cục Thuế đúng thời hạn nhưng người nộp thuế thuộc trường hợp người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân đã từng hoặc đang là người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân khác mà người nộp thuế đó có trạng thái mã số thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, người nộp thuế ngừng hoạt động chưa đóng mã số thuế, người nộp thuế tạm ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế; người nộp thuế có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ; người nộp thuế rủi ro về thuế cao theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì trong thời

hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của người nộp thuế, cơ quan thuế ban hành thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu theo Mẫu số 01/TB-BSTT-NNT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho người nộp thuế hoặc cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện xác minh hoạt động thực tế tại địa chỉ đã đăng ký của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Người nộp thuế thực hiện giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung của cơ quan thuế.

d) Trường hợp cơ quan thuế chấp nhận thông tin giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu của người nộp thuế hoặc trường hợp kết quả xác minh người nộp thuế có hoạt động tại địa chỉ đăng ký thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp ban hành Thông báo chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của người nộp thuế. Trường hợp người nộp thuế

không giải trình hoặc quá thời hạn quy định mà không giải trình được thông tin hoặc kết quả xác minh người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký thì chậm nhất ngày làm việc tiếp theo cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của người nộp thuế và ghi rõ lý do theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử hoặc gửi thông báo trực tiếp đến tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

Đối với trường hợp tổ chức kinh tế đăng ký chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế theo quy định tại điểm b.1 khoản 3 Điều 16 của Nghị định số .../.../ND-CP được cơ quan thuế ra thông báo chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử

theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này nhưng chưa phối hợp với Cục Thuế về cấu hình hạ tầng kỹ thuật, kiểm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu thì chậm nhất trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, tổ chức cần chuẩn bị đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật và thông báo cho Cục Thuế để phối hợp kết nối. Thời gian thực hiện trong 10 ngày làm việc kể từ ngày Cục Thuế nhận được đề nghị của doanh nghiệp, tổ chức. Trường hợp kết quả kiểm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu thành công thì doanh nghiệp, tổ chức thực hiện gửi dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế theo quy định tại Điều 16 Nghị định số .../.../ND-CP. Trường hợp sau 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, doanh nghiệp, tổ chức không thông báo cho Cục Thuế để phối hợp kết nối hoặc kết quả kiểm thử kết nối,

truyền nhận dữ liệu không thành công, doanh nghiệp, tổ chức thay đổi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và thực hiện chuyển dữ liệu qua tổ chức kết nối, nhận, truyền lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử với cơ quan thuế.

3. Trường hợp có thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện thay đổi thông tin như sau:

a) Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử do thay đổi thông tin về người đại diện theo pháp luật; đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, thành viên góp vốn, chủ sở hữu thì trình tự thủ tục thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử không thuộc quy định tại điểm a khoản này, Trang thông tin

điện tử của Cục Thuế gửi yêu cầu đề nghị người nộp thuế xác nhận qua địa chỉ thư điện tử hoặc điện thoại của chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện theo pháp luật theo thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế.

Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sau khi thay đổi thông tin thì gửi lại cơ quan thuế thông tin đã thay đổi theo Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này qua Trang thông tin điện tử của Cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử, trừ trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 12 Thông tư này. Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tiếp nhận mẫu đăng ký thay đổi thông tin và cơ quan thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Trường hợp công ty mẹ cần khai thác dữ liệu của các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc thì thông báo tới cơ quan thuế quản lý trực tiếp công ty mẹ theo Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Định kỳ hàng tháng, cơ quan thuế quản lý trực tiếp tiến hành rà soát các đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế miễn phí dịch vụ và gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-KTT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này cho các đối tượng để thông báo về việc chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử và thực hiện thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 3 Điều này. 5. Đối với các trường hợp áp dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế, định kỳ cơ quan thuế quản lý trực tiếp tiến hành rà soát để thông báo theo Mẫu số 01/TB-KTT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này nếu thuộc đối tượng chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế để đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo hướng dẫn tại Điều này.		
Điều 4. Định dạng hóa đơn điện tử		- Tại Thông tư số 32/2025/TT-BTC không có quy định về nội dung này.

1. Định dạng hóa đơn điện tử là tiêu chuẩn kỹ thuật quy định kiểu dữ liệu, chiều dài dữ liệu của các trường thông tin phục vụ truyền nhận, lưu trữ và hiển thị hóa đơn điện tử. Định dạng hóa đơn điện tử sử dụng ngôn ngữ định dạng văn bản XML (XML là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "eXtensible Markup Language" được tạo ra với mục đích chia sẻ dữ liệu điện tử giữa các hệ thống công nghệ thông tin). 2. Định dạng hóa đơn điện tử gồm hai thành phần: thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử và thành phần chứa dữ liệu chữ ký số. Đối với hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì có thêm thành phần chứa dữ liệu liên quan đến mã cơ quan thuế. 3. Cục Thuế xây dựng thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế. Riêng với hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế, Cục Hải quan xây dựng thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ đối với các nội dung trên hoá đơn dành cho cơ quan hải quan và ngân hàng thương		- Gồm 5 khoản, kế thừa toàn bộ quy định tại Điều 12 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.
---	--	---

mại là đại lý hoàn thuế. Cục Thuế công bố thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan quản lý thuế để áp dụng thống nhất; cung cấp công cụ hiển thị các nội dung của hóa đơn điện tử theo quy định tại Thông tư này.

4. Tổ chức, doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ khi chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế bằng hình thức gửi trực tiếp phải đáp ứng yêu cầu sau:

a) Kết nối với Cục Thuế thông qua kênh thuê riêng hoặc kênh MPLS VPN Layer 3, gồm 1 kênh truyền chính và 1 kênh truyền dự phòng. Mỗi kênh truyền có băng thông tối thiểu 5 Mbps.

b) Sử dụng dịch vụ Web (Web Service) hoặc Message Queue (MQ) có mã hóa làm phương thức để kết nối.

c) Sử dụng giao thức SOAP để đóng gói và truyền nhận dữ liệu.

5. Hóa đơn điện tử phải được hiển thị đầy đủ, chính xác các nội dung của hóa đơn đảm bảo không dẫn tới

cách hiểu sai lệch để người mua có thể đọc được bằng phương tiện điện tử.		
Điều 5. Ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử 1. Nguyên tắc ủy nhiệm lập hóa đơn a) Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ được ủy nhiệm cho bên thứ ba là đối tượng đủ điều kiện sử dụng hoá đơn điện tử và không thuộc trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 11 Thông tư này để lập hóa đơn điện tử cho hoạt động bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ; b) Việc ủy nhiệm phải được lập bằng văn bản (hợp đồng hoặc thỏa thuận) giữa bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm; c) Việc ủy nhiệm phải thông báo cho cơ quan thuế khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; d) Hóa đơn điện tử do bên nhận ủy nhiệm lập là hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế và phải thể hiện tên, địa chỉ, mã số thuế của bên ủy nhiệm và tên, địa	Điều 4. Ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử 1. Nguyên tắc ủy nhiệm lập hóa đơn a) Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ được ủy nhiệm cho bên thứ ba là đối tượng đủ điều kiện sử dụng hoá đơn điện tử và không thuộc trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) để lập hóa đơn điện tử cho hoạt động bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ; b) Việc ủy nhiệm phải được lập bằng văn bản (hợp đồng hoặc thỏa thuận) giữa bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm; c) Việc ủy nhiệm phải thông báo cho cơ quan thuế khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; d) Hóa đơn điện tử do bên nhận ủy nhiệm lập là hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế và phải thể hiện tên, địa chỉ, mã số thuế của bên ủy nhiệm và tên, địa chỉ, mã số thuế của bên nhận ủy nhiệm;	Gồm 3 khoản, cơ bản kế thừa toàn bộ quy định tại Điều 4 Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31/5/2025 của Bộ Tài chính.

chỉ, mã số thuế của bên nhận ủy nhiệm;

đ) Bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm có trách nhiệm niêm yết trên website của đơn vị mình hoặc thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng để người mua hàng hóa, dịch vụ được biết về việc ủy nhiệm lập hóa đơn. Khi hết thời hạn ủy nhiệm hoặc chấm dứt trước thời hạn ủy nhiệm lập hoá đơn điện tử theo thỏa thuận giữa các bên thì bên ủy nhiệm, bên nhận ủy nhiệm hủy các niêm yết, thông báo trên website của đơn vị mình hoặc thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng về việc hết thời hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn ủy nhiệm lập hóa đơn;

e) Trường hợp hóa đơn ủy nhiệm là hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế (sau đây gọi là hóa đơn điện tử không có mã) thì bên ủy nhiệm phải chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ để chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp;

đ) Bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm có trách nhiệm niêm yết trên website của đơn vị mình hoặc thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng để người mua hàng hóa, dịch vụ được biết về việc ủy nhiệm lập hóa đơn. Khi hết thời hạn ủy nhiệm hoặc chấm dứt trước thời hạn ủy nhiệm lập hoá đơn điện tử theo thỏa thuận giữa các bên thì bên ủy nhiệm, bên nhận ủy nhiệm hủy các niêm yết, thông báo trên website của đơn vị mình hoặc thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng về việc hết thời hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn ủy nhiệm lập hóa đơn;

e) Trường hợp hóa đơn ủy nhiệm là hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế (sau đây gọi là hóa đơn điện tử không có mã) thì bên ủy nhiệm phải chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ để chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp;

g) Bên nhận ủy nhiệm có trách nhiệm lập hóa đơn điện tử ủy nhiệm theo đúng thực tế phát sinh, theo thỏa thuận với bên ủy nhiệm và tuân thủ nguyên tắc tại khoản 1 Điều này;

g) Bên nhận ủy nhiệm có trách nhiệm lập hóa đơn điện tử ủy nhiệm theo đúng thực tế phát sinh, theo thỏa thuận với bên ủy nhiệm và tuân thủ nguyên tắc tại khoản 1 Điều này; h) Hóa đơn điện tử do bên nhận ủy nhiệm lập phải phù hợp với phương pháp tính thuế của bên ủy nhiệm. 2. Hợp đồng ủy nhiệm hoặc thỏa thuận ủy nhiệm a) Hợp đồng ủy nhiệm hoặc thỏa thuận ủy nhiệm phải thể hiện đầy đủ các thông tin về bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm (tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc số định danh cá nhân, chứng thư số); thông tin về hoá đơn điện tử ủy nhiệm (loại hoá đơn, ký hiệu hoá đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn); mục đích ủy nhiệm; thời hạn ủy nhiệm; phương thức thanh toán hoá đơn ủy nhiệm (ghi rõ trách nhiệm thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn ủy nhiệm); b) Bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm có trách nhiệm lưu trữ văn bản ủy nhiệm và xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.	h) Hóa đơn điện tử do bên nhận ủy nhiệm lập phải phù hợp với phương pháp tính thuế của bên ủy nhiệm. 2. Hợp đồng ủy nhiệm hoặc thỏa thuận ủy nhiệm a) Hợp đồng ủy nhiệm hoặc thỏa thuận ủy nhiệm phải thể hiện đầy đủ các thông tin về bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm (tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc số định danh cá nhân, chứng thư số); thông tin về hoá đơn điện tử ủy nhiệm (loại hoá đơn, ký hiệu hoá đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn); mục đích ủy nhiệm; thời hạn ủy nhiệm; phương thức thanh toán hoá đơn ủy nhiệm (ghi rõ trách nhiệm thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn ủy nhiệm); b) Bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm có trách nhiệm lưu trữ văn bản ủy nhiệm và xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. 3. Thông báo với cơ quan thuế về việc ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử a) Việc ủy nhiệm được xác định là thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 11 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP). Bên ủy nhiệm và bên	
--	--	--

3. Thông báo với cơ quan thuế về việc ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử a) Việc ủy nhiệm được xác định là thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 3 Thông tư này. Bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm sử dụng Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này để thông báo với cơ quan thuế về việc ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử, bao gồm cả trường hợp chấm dứt trước thời hạn ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử theo thỏa thuận giữa các bên; b) Bên ủy nhiệm điền thông tin của bên nhận ủy nhiệm, bên nhận ủy nhiệm điền thông tin của bên ủy nhiệm tại Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này như sau: - Đối với bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm tại Phần 5 “Danh sách chứng thư số sử dụng” điền thông tin đầy đủ chứng thư số sử dụng của cả hai bên; - Đối với bên nhận ủy nhiệm tại cột 5 Phần 6 “Đăng ký ủy nhiệm lập hóa đơn” điền thông tin tên tổ chức ủy	nhận ủy nhiệm sử dụng Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) để thông báo với cơ quan thuế về việc ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử, bao gồm cả trường hợp chấm dứt trước thời hạn ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử theo thỏa thuận giữa các bên; b) Bên ủy nhiệm điền thông tin của bên nhận ủy nhiệm, bên nhận ủy nhiệm điền thông tin của bên ủy nhiệm tại Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) như sau: - Đối với bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm tại Phần 5 “Danh sách chứng thư số sử dụng” điền thông tin đầy đủ chứng thư số sử dụng của cả hai bên; - Đối với bên nhận ủy nhiệm tại cột 5 Phần 6 “Đăng ký ủy nhiệm lập hóa đơn” điền thông tin tên tổ chức ủy nhiệm và mã số thuế hoặc số định danh cá nhân của bên ủy nhiệm. c) Trường hợp người bán hàng hóa, dịch vụ là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ủy nhiệm cho tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử lập hóa đơn điện tử cho	
---	--	--

nhiệm và mã số thuế hoặc số định danh cá nhân của bên ủy nhiệm. c) Trường hợp người bán hàng hóa, dịch vụ là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ủy nhiệm cho tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử lập hóa đơn điện tử cho hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ thì tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thực hiện thông báo với cơ quan thuế.	hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ thì tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thực hiện thông báo với cơ quan thuế.	
Điều 6. Xử lý hóa đơn điện tử đã lập 1. Trường hợp phát hiện hóa đơn điện tử đã lập sai (bao gồm hóa đơn điện tử đã được cấp mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã gửi dữ liệu đến cơ quan thuế) thì người bán thực hiện xử lý như sau: a) Trường hợp sai về tên, địa chỉ của người mua nhưng không sai mã số thuế và các nội dung khác thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn đã lập sai và không phải lập lại hóa đơn hoặc các trường hợp sai về các thông tin khác, không sai các nội dung về số tiền, thuế suất,		- Tại Thông tư số 32/2025/TT-BTC không có quy định về nội dung này. - Gồm 07 khoản, cơ bản kế thừa quy định tại Điều 19 và Điều 22 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 13, khoản 14 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, trong đó: - Nội dung sửa đổi: (1) Áp dụng hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn thay thế đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 thì người bán, người mua khai bổ sung theo quy định của pháp luật thuế GTGT - để phù hợp với quy định pháp luật thuế GTGT; (2) Áp dụng hóa đơn điều chỉnh đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 6 thì người bán kê khai vào kỳ phát

tiền thuế, hàng hóa trên hóa đơn đối với người mua là cá nhân không kinh doanh, không có thông tin người mua thì người bán không phải lập lại hóa đơn. Người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế về hóa đơn điện tử đã lập sai theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (trừ trường hợp gửi dữ liệu theo bảng tổng hợp quy định tại khoản 6 Điều này).

b) Trường hợp sai: mã số thuế, sai về số tiền ghi trên hóa đơn, sai về thuế suất, tiền thuế hoặc hàng hóa ghi trên hóa đơn không đúng quy cách, chất lượng và các nội dung sai khác trừ trường hợp quy định tại điểm a thì có thể lựa chọn điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn điện tử như sau:

b.1) Người bán lập hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn đã lập sai.

Hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập sai phải có dòng chữ “Điều chỉnh cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”.

sinh hóa đơn điều chỉnh, người mua kê khai theo quy định của pháp luật thuế GTGT - để phù hợp với quy định pháp luật thuế GTGT;

(3) Sửa đổi mẫu 06/ĐN-PSĐT - bổ sung nội dung thông tin về “Tên tài khoản ngân hàng”, “Số tài khoản”, “Nơi mở tài khoản” - để đáp ứng quy định về việc không cưỡng chế tài khoản ngân hàng đối với trường hợp NNT bị cưỡng chế nợ bằng ngừng sử dụng hóa đơn khi NNT đề nghị cấp hóa đơn từng lần phát sinh tại 4 Điều 68 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật 108;

(4) Chính lý kỹ thuật theo hướng thay thế thuật ngữ “doanh nghiệp” bằng “tổ chức kinh tế”.

- Nội dung bổ sung:

(1) Bổ sung các trường hợp sai về các thông tin khác, không sai các nội dung về số tiền, thuế suất, tiền thuế, hàng hóa trên hóa đơn đối với người mua là cá nhân không kinh doanh, không có thông tin người mua thì người bán không phải lập lại hóa đơn – do thực tế phát sinh vướng mắc mà chưa có hướng dẫn;

b.2) Người bán lập hóa đơn điện tử mới thay thế cho hóa đơn điện tử lập sai.

Hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”.

Người bán ký số trên hóa đơn điện tử mới điều chỉnh hoặc thay thế cho hóa đơn điện tử đã lập sai sau đó người bán gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế) hoặc gửi cơ quan thuế để cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn điện tử mới để gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).

Trường hợp trong tháng người bán đã lập sai cùng thông tin về người mua, tên hàng, đơn giá, thuế suất trên nhiều hóa đơn của cùng một người mua trong cùng tháng, bao gồm cả trường hợp người mua không có nhu cầu lấy hóa đơn thì người bán được lập một hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế cho nhiều hóa đơn điện tử đã lập sai trong cùng

(2) Trường hợp hóa đơn điện tử liên quan đến hàng hóa, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản đã lập sai thì người bán lập hóa đơn thay thế cho hóa đơn đã lập sai – do thực tế phát sinh các trường hợp hóa đơn điều chỉnh không thể thể hiện đầy đủ các thông tin lập sai;

(3) Bổ sung trường hợp dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ ngân hàng, viễn thông không phải lập văn bản thỏa thuận trước khi điều chỉnh, thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai – do thực tế việc lập hóa đơn điều chỉnh và các biên bản thỏa thuận với khách hàng rất khó thực hiện do số lượng hóa đơn lớn, việc truy vết các hóa đơn gốc khó thực hiện trong khi giao dịch có giá trị nhỏ, không phù hợp với thực tiễn;

(4) Lập hóa đơn điều chỉnh giá bán buôn điện giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam với các Tổng công ty Điện lực và giữa các Tổng công ty Điện lực với các Công ty Điện lực.

tháng và đính kèm bảng kê các hóa đơn điện tử đã lập sai theo Mẫu số 01/BK-ĐCTT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Trước khi điều chỉnh, thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai theo quy định tại điểm b khoản này, đối với trường hợp người mua là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai (trừ trường hợp điều chỉnh của dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ ngân hàng, viễn thông); trường hợp người mua là cá nhân thì người bán phải thông báo cho người mua hoặc thông báo trên website của người bán (nếu có). Người bán thực hiện lưu giữ văn bản thỏa thuận tại đơn vị và xuất trình khi có yêu cầu.

c) Trường hợp hóa đơn điện tử liên quan đến hàng hóa, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản đã lập sai thì người bán lập hóa đơn thay thế cho hóa đơn đã lập sai.

d) Đối với ngành hàng không thì hóa đơn đổi, hoàn chứng từ vận chuyển hàng không được coi là hóa đơn

điều chỉnh mà không cần có thông tin “Điều chỉnh tăng/giảm cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... ngày... tháng... năm”. Doanh nghiệp vận chuyển hàng không được phép xuất hóa đơn của mình cho các trường hợp hoàn, đổi chứng từ vận chuyển do đại lý xuất.

2. Trường hợp cơ quan thuế phát hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã lập sai thì cơ quan thuế thông báo cho người bán theo Mẫu số 01/TB-RSĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này để người bán kiểm tra nội dung sai.

Người bán có trách nhiệm rà soát theo thông báo của cơ quan thuế và thực hiện điều chỉnh, thay thế hóa đơn theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tự động thông báo về việc tiếp

nhận theo Mẫu số 01/TB-SSĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Hóa đơn để điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập trong một số trường hợp như sau:

a) Đối với các hóa đơn điện tử đã lập khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không bị sai nhưng khi thanh toán thực tế hoặc khi quyết toán có sự thay đổi về giá trị, khối lượng trên cơ sở kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan thì người bán thực hiện lập hóa đơn điện tử mới đối với số chênh lệch qua quyết toán phản ánh theo đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh (phát sinh giảm ghi âm (-) hoặc phát sinh tăng ghi dương (+) phù hợp với thực tế), cụ thể đối với các trường hợp sau:

a.1) Điều chỉnh giá trị quyết toán dự án đầu tư khi có sự thay đổi về đơn giá, khối lượng; điều chỉnh giá bán theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

a.2) Điều chỉnh giá trị, khối lượng trên cơ sở kết luận của cơ quan nhà

nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan.

a.3) Điều chỉnh giá bán buôn điện giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam với các Tổng công ty Điện lực và giữa các Tổng công ty Điện lực với các Công ty Điện lực.

b) Trường hợp việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa, dịch vụ đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau đảm bảo số tiền chiết khấu không vượt quá giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau hoặc được lập hóa đơn điều chỉnh kèm theo bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh. Bảng kê được lưu tại đơn vị và xuất trình khi cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào tại kỳ lập hóa đơn điều chỉnh.

c) Xử lý hóa đơn điện tử trong trường hợp trả lại hàng hoá, dịch vụ:

c.1) Trường hợp trả lại hàng hóa: Trường hợp người mua trả lại toàn bộ hoặc một phần hàng hóa (bao gồm cả trường hợp đổi hàng làm thay đổi giá trị của hàng hóa đã mua) thì người bán lập hóa đơn điều chỉnh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận về việc người mua lập hóa đơn khi trả lại hàng hóa thì người mua lập hóa đơn điện tử giao cho người bán; người bán, người mua thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định khi bán hàng hóa.

c.2) Trường hợp hàng hoá là tài sản thuộc diện phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu theo quy định của pháp luật và tài sản đã được đăng ký theo tên người mua thì khi trả lại hàng hoá đảm bảo phù hợp với pháp luật liên quan, nếu người mua là đối tượng sử dụng hoá đơn điện tử thì người mua thực hiện lập hoá đơn trả lại hàng cho người bán.

c.3) Đối với trường hợp hoàn phí, giảm phí, giảm hoa hồng môi giới bảo hiểm và các khoản chi để giảm thu khác theo quy định của pháp luật

kinh doanh bảo hiểm: Căn cứ vào hóa đơn đã lập, người bán lập hóa đơn điều chỉnh giao cho khách hàng tham gia bảo hiểm, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trên hóa đơn ghi rõ số tiền phí bảo hiểm hoàn, giảm, lý do hoàn, giảm. Trường hợp người bán và người mua có thỏa thuận về việc lập văn bản thỏa thuận trước khi lập hóa đơn điều chỉnh thì biên bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản được lưu giữ cùng với hóa đơn thu phí bảo hiểm tại doanh nghiệp và xuất trình khi có yêu cầu.

Đối với các trường hợp quy định tại điểm c.1, điểm c.2, điểm c.3, người bán, người mua phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ liên quan đến việc trả lại hàng hoá, dịch vụ và phải xuất trình khi được yêu cầu.

c.4) Trường hợp người bán đã lập hóa đơn khi thu tiền trước khi cung cấp dịch vụ hoặc lập hóa đơn thu tiền đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, nhà chuyển nhượng sau đó phát sinh việc huỷ hoặc chấm dứt giao dịch và

hủy một phần việc cung cấp dịch vụ thì người bán thực hiện điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập theo quy định tại điểm b.1 khoản 1 Điều này.

d) Trường hợp tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt (sau đây gọi là tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán) đã lập hóa đơn thu phí dịch vụ thanh toán thẻ ngân hàng sau đó phát sinh giao dịch hoàn phí dịch vụ thanh toán thẻ ngân hàng cho đơn vị chấp nhận thẻ; cung ứng dịch vụ ngân hàng thì tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh số tiền hoàn phí ghi âm (-) đối với các giao dịch hoàn trả số tiền đã thanh toán thẻ. Trường hợp người bán và người mua có thỏa thuận về việc lập văn bản thỏa thuận trước khi lập hóa đơn điều chỉnh thì biên bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản được lưu giữ cùng với hóa đơn thu dịch vụ tại doanh nghiệp và xuất trình khi có yêu cầu.

đ) Đối với trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông mà khách hàng sử dụng thẻ trả trước dịch vụ viễn

thông di động để thanh toán cho cước dịch vụ trả sau, nhấn tin ủng hộ từ thiện, các dịch vụ viễn thông khác được chấp nhận thanh toán bằng thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động theo quy định của pháp luật và khi bán thẻ cào, hoàn thành cung cấp dịch vụ doanh nghiệp viễn thông đã thực hiện lập hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định, doanh nghiệp viễn thông căn cứ vào dữ liệu trên bảng kê hoặc biên bản làm việc với đối tác, khách hàng để thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh.

5. Áp dụng hóa đơn điều chỉnh, thay thế

a) Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập sai và người bán đã xử lý theo hình thức điều chỉnh hoặc thay thế theo quy định tại Điều này, sau đó lại phát hiện hóa đơn sai thì các lần xử lý tiếp theo người bán sẽ thực hiện theo hình thức đã áp dụng khi xử lý lần đầu;

b) Trường hợp theo quy định hóa đơn điện tử được lập không có ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn đã lập sai thì người

bán chỉ thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh;

c) Đối với nội dung về giá trị trên hóa đơn điều chỉnh thì: điều chỉnh tăng (ghi dấu dương), điều chỉnh giảm (ghi dấu âm) đúng với thực tế điều chỉnh;

d) Hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn thay thế đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì người bán, người mua khai bổ sung theo quy định pháp luật thuế giá trị gia tăng;

đ) Hóa đơn điều chỉnh đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này thì người bán kê khai vào kỳ phát sinh hóa đơn điều chỉnh, người mua kê khai theo quy định pháp luật thuế giá trị gia tăng.

6. Đối với hóa đơn gửi theo bảng tổng hợp thì người bán gửi thông tin hủy, điều chỉnh trực tiếp trên bảng tổng hợp của các kỳ tiếp theo mà không gửi thông báo hóa đơn điện tử đã lập sai theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan thuế.

Xử lý bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế:

Trường hợp dữ liệu hóa đơn điện tử tại bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế thiếu hoặc sai thì người bán gửi bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử bổ sung;

Việc điều chỉnh dữ liệu hóa đơn trên bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn phải điền đủ các thông tin: ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn vào cột 14 “thông tin hóa đơn liên quan” tại Mẫu số 01/TH-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (trừ trường hợp hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có đầy đủ các thông tin ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn theo quy định tại Điều 9 Nghị định số .../2026/NĐ-CP).

7. Trường hợp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh cần phải lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh gửi đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo Mẫu số 06/ĐN-PSĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan

thuế để được cấp hóa đơn điện tử điều chỉnh hoặc thay thế cho hóa đơn đã lập. Việc lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và việc nộp thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước tính trên doanh thu chênh lệch tăng trên hóa đơn thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý thuế.		
Điều 7. Ký hiệu mẫu số, ký hiệu hóa đơn, tên liên hóa đơn 1. Ký hiệu mẫu số hóa đơn điện tử là ký tự có một chữ số tự nhiên là các số tự nhiên 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 để phản ánh loại hóa đơn điện tử như sau: - Số 1: Phản ánh loại hóa đơn điện tử giá trị gia tăng; - Số 2: Phản ánh loại hóa đơn điện tử bán hàng; - Số 3: Phản ánh loại hóa đơn điện tử bán tài sản công; - Số 4: Phản ánh loại hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia; - Số 5: Phản ánh các loại hóa đơn điện tử khác là tem điện tử, vé điện tử, thẻ điện tử, phiếu thu điện tử	Điều 5. Ký hiệu mẫu số, ký hiệu hóa đơn, tên liên hóa đơn 1. Hóa đơn điện tử a) Ký hiệu mẫu số hóa đơn điện tử là ký tự có một chữ số tự nhiên là các số tự nhiên 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 để phản ánh loại hóa đơn điện tử như sau: - Số 1: Phản ánh loại hóa đơn điện tử giá trị gia tăng; - Số 2: Phản ánh loại hóa đơn điện tử bán hàng; - Số 3: Phản ánh loại hóa đơn điện tử bán tài sản công; - Số 4: Phản ánh loại hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia; - Số 5: Phản ánh các loại hóa đơn điện tử khác là tem điện tử, vé điện tử, thẻ điện tử, phiếu thu điện tử hoặc các chứng từ điện	Gồm 03 khoản, cơ bản kế thừa quy định tại Điều 5 Thông tư số 32/2025/TT-BTC, trong đó: - Nội dung bổ sung: (1) Ký tự hóa đơn và mẫu hóa đơn bán tài sản là ô tô, xe máy phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu; (2) Bổ sung ký tự để phân biệt hóa đơn bán hàng hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài; (3) Ví dụ thể hiện các ký tự của ký hiệu mẫu hóa đơn điện tử bán tài sản công có mã và không có mã.

hoặc các chứng từ điện tử có tên gọi khác nhưng có nội dung của hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 9 Nghị định số .../2026/NĐ-CP;

- Số 6: Phản ánh các chứng từ điện tử được sử dụng và quản lý như hóa đơn gồm phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử, phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý điện tử;

- Số 7: Phản ánh hóa đơn thương mại điện tử;

- Số 8: Phản ánh hóa đơn điện tử giá trị gia tăng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí;

- Số 9: Phản ánh hóa đơn điện tử bán hàng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí;

2. Ký hiệu hóa đơn điện tử là nhóm 6 ký tự gồm cả chữ viết và chữ số thể hiện ký hiệu hóa đơn điện tử để phản ánh các thông tin về loại hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã, năm lập hóa đơn, loại hóa đơn điện tử được sử dụng. Sáu (06) ký tự này được quy định như sau:

- Ký tự đầu tiên là một (01) chữ cái được quy định là C hoặc K như sau:

tử có tên gọi khác nhưng có nội dung của hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP;

- Số 6: Phản ánh các chứng từ điện tử được sử dụng và quản lý như hóa đơn gồm phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử, phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý điện tử;

- Số 7: Phản ánh hóa đơn thương mại điện tử;

- Số 8: Phản ánh hóa đơn điện tử giá trị gia tăng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí;

- Số 9: Phản ánh hóa đơn điện tử bán hàng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí.

b) Ký hiệu hóa đơn điện tử là nhóm 6 ký tự gồm cả chữ viết và chữ số thể hiện ký hiệu hóa đơn điện tử để phản ánh các thông tin về loại hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã, năm lập hóa đơn, loại hóa đơn điện tử được sử dụng. Sáu (06) ký tự này được quy định như sau:

- Ký tự đầu tiên là một (01) chữ cái được quy định là C hoặc K như sau: C thể hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, K thể hiện hóa đơn điện tử không có mã;

- Hai ký tự tiếp theo là hai (02) chữ số Ả rập thể hiện năm lập hóa đơn điện tử được xác định theo 2 chữ số cuối của năm dương

C thể hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, K thể hiện hóa đơn điện tử không có mã; - Hai ký tự tiếp theo là hai (02) chữ số A rập thể hiện năm lập hóa đơn điện tử được xác định theo 2 chữ số cuối của năm dương lịch. Ví dụ: Năm lập hóa đơn điện tử là năm 2025 thì thể hiện là số 25; năm lập hóa đơn điện tử là năm 2026 thì thể hiện là số 26; - Một ký tự tiếp theo là một (01) chữ cái được quy định là T, D, L, M, N, B, G, H, X, R thể hiện loại hóa đơn điện tử được sử dụng, cụ thể: + Chữ T: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử do các doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng với cơ quan thuế; + Chữ D: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử bán tài sản công và hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia hoặc hóa đơn điện tử đặc thù không nhất thiết phải có một số tiêu thức do các doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng;	lịch. Ví dụ: Năm lập hóa đơn điện tử là năm 2025 thì thể hiện là số 25; năm lập hóa đơn điện tử là năm 2026 thì thể hiện là số 26; - Một ký tự tiếp theo là một (01) chữ cái được quy định là T, D, L, M, N, B, G, H, X thể hiện loại hóa đơn điện tử được sử dụng, cụ thể: + Chữ T: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử do các doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng với cơ quan thuế; + Chữ D: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử bán tài sản công và hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia hoặc hóa đơn điện tử đặc thù không nhất thiết phải có một số tiêu thức do các doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng; + Chữ L: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh; + Chữ M: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền; + Chữ N: Áp dụng đối với phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử; + Chữ B: Áp dụng đối với phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý điện tử;	
---	--	--

+ Chữ L: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh; + Chữ M: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền; + Chữ N: Áp dụng đối với phiếu xuất kho kiểm vận chuyển nội bộ điện tử; + Chữ B: Áp dụng đối với phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý điện tử; + Chữ G: Áp dụng đối với tem, vé, thẻ điện tử là hóa đơn giá trị gia tăng; + Chữ H: Áp dụng đối với tem, vé, thẻ điện tử là hóa đơn bán hàng; + Chữ X: Áp dụng đối với hóa đơn thương mại điện tử; + Chữ R: Áp dụng đối với hóa đơn bán tài sản là ô tô, xe máy phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu. - Hai ký tự cuối là chữ viết do người bán tự xác định căn cứ theo nhu cầu quản lý. Trường hợp người bán sử dụng nhiều mẫu hóa đơn điện tử trong cùng một loại hóa đơn thì sử dụng hai ký tự cuối nêu trên để phân biệt các mẫu hóa đơn khác nhau	+ Chữ G: Áp dụng đối với tem, vé, thẻ điện tử là hóa đơn giá trị gia tăng; + Chữ H: Áp dụng đối với tem, vé, thẻ điện tử là hóa đơn bán hàng; + Chữ X: Áp dụng đối với hóa đơn thương mại điện tử. - Hai ký tự cuối là chữ viết do người bán tự xác định căn cứ theo nhu cầu quản lý. Trường hợp người bán sử dụng nhiều mẫu hóa đơn điện tử trong cùng một loại hóa đơn thì sử dụng hai ký tự cuối nêu trên để phân biệt các mẫu hóa đơn khác nhau trong cùng một loại hóa đơn. Trường hợp không có nhu cầu quản lý thì sử dụng hai ký tự YY; - Tại bản thể hiện, ký hiệu hóa đơn điện tử và ký hiệu mẫu số hóa đơn điện tử được thể hiện ở phía trên bên phải của hóa đơn (hoặc ở vị trí dễ nhận biết); - Ví dụ thể hiện các ký tự của ký hiệu mẫu hóa đơn điện tử và ký hiệu hóa đơn điện tử: + “1C25TAA” – là hóa đơn giá trị gia tăng có mã của cơ quan thuế được lập năm 2025 và là hóa đơn điện tử do doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng với cơ quan thuế; + “2C25TBB” – là hóa đơn bán hàng có mã của cơ quan thuế được lập năm 2025
--	---

trong cùng một loại hóa đơn. Trường hợp không có nhu cầu quản lý thì sử dụng hai ký tự YY; trường hợp người nộp thuế đăng ký bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài dùng 02 ký tự HT.

- Tại bản thể hiện, ký hiệu hóa đơn điện tử và ký hiệu mẫu số hóa đơn điện tử được thể hiện ở phía trên bên phải của hóa đơn (hoặc ở vị trí dễ nhận biết);

- Ví dụ thể hiện các ký tự của ký hiệu mẫu hóa đơn điện tử và ký hiệu hóa đơn điện tử:

+ “1C26TAA” – là hóa đơn giá trị gia tăng có mã của cơ quan thuế được lập năm 2026 và là hóa đơn điện tử do doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng với cơ quan thuế;

+ “2C26TBB” – là hóa đơn bán hàng có mã của cơ quan thuế được lập năm 2026 và là hóa đơn điện tử do doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng với cơ quan thuế;

+ “1C26LBB” – là hóa đơn giá trị gia tăng có mã của cơ quan thuế được lập năm 2026 và là hóa đơn

và là hóa đơn điện tử do doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng với cơ quan thuế;

+ “1C25LBB” – là hóa đơn giá trị gia tăng có mã của cơ quan thuế được lập năm 2025 và là hóa đơn điện tử của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh;

+ “1K25TTY” – là hóa đơn giá trị gia tăng loại không có mã được lập năm 2025 và là hóa đơn điện tử do doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng với cơ quan thuế;

+ “1K25DAA” – là hóa đơn giá trị gia tăng loại không có mã được lập năm 2025 và là hóa đơn điện tử đặc thù không nhất thiết phải có một số tiêu thức bắt buộc do các doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng;

+ “6K25NAB” – là phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử loại không có mã được lập năm 2025 do doanh nghiệp đăng ký với cơ quan thuế;

+ “6K25BAB” – là phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý điện tử loại không có mã được lập năm 2025 do doanh nghiệp đăng ký với cơ quan thuế;

+ “7K25XAB” – là hóa đơn thương mại điện tử được lập năm 2025 do doanh nghiệp đăng ký với cơ quan thuế.

điện tử của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh; + “1K26TYT” – là hóa đơn giá trị gia tăng loại không có mã được lập năm 2026 và là hóa đơn điện tử do doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng với cơ quan thuế; + “1K26DAA” – là hóa đơn giá trị gia tăng loại không có mã được lập năm 2026 và là hóa đơn điện tử đặc thù không nhất thiết phải có một số tiêu thức bắt buộc do các doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng; + “3C26DYY” – là hóa đơn điện tử bán tài sản công có mã được lập năm 2026 của cơ quan thuế; + “3K26DYY” – là hóa đơn điện tử bán tài sản công không có mã được lập năm 2026 của cơ quan thuế; + “6K26NAB” – là phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử loại không có mã được lập năm 2026 do doanh nghiệp đăng ký với cơ quan thuế; + “6K26BAB” – là phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý điện tử loại không có mã được lập năm 2026 do	c) Tên, địa chỉ, mã số thuế của bên nhận ủy nhiệm đối với hóa đơn điện tử ủy nhiệm. 2. Hóa đơn do Chi cục Thuế đặt in a) Ký hiệu mẫu số hóa đơn do Chi cục Thuế đặt in là một nhóm gồm 11 ký tự thể hiện các thông tin về: tên loại hoá đơn, số liên, số thứ tự mẫu trong một loại hoá đơn (một loại hoá đơn có thể có nhiều mẫu), cụ thể như sau: - Sáu (06) ký tự đầu tiên thể hiện tên loại hóa đơn: + 01GKT: Hóa đơn giá trị gia tăng; + 02GTT: Hóa đơn bán hàng; + 07KPTQ: Hóa đơn bán hàng dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; + 03XKNB: Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ; + 04HGDL: Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý. - Một (01) ký tự tiếp theo là các số tự nhiên 1, 2, 3 thể hiện số liên hóa đơn; - Một (01) ký tự tiếp theo là “/” để phân cách; - Ba (03) ký tự tiếp theo là số thứ tự của mẫu trong một loại hóa đơn, bắt đầu bằng 001 và tối đa đến 999.	
--	---	--

doanh nghiệp đăng ký với cơ quan thuế; + “7K26XAB” – là hóa đơn thương mại điện tử được lập năm 2026 do doanh nghiệp đăng ký với cơ quan thuế; + “1C26RAA” – là hóa đơn bán tài sản là động sản phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu được lập năm 2026. 3. Tên, địa chỉ, mã số thuế của bên nhận ủy nhiệm đối với hóa đơn điện tử ủy nhiệm.	Riêng đối với hóa đơn là tem, vé, thẻ do Chi cục Thuế đặt in bắt buộc ghi 03 ký tự đầu để phân biệt tem, vé, thẻ thuộc loại hóa đơn giá trị gia tăng hay hóa đơn bán hàng. Các thông tin còn lại do Chi cục Thuế tự quy định theo nhu cầu quản lý nhưng không vượt quá 11 ký tự. Cụ thể: + Ký hiệu 01/: đối với tem, vé, thẻ thuộc loại hóa đơn giá trị gia tăng; + Ký hiệu 02/: đối với tem, vé, thẻ thuộc loại hóa đơn bán hàng. b) Ký hiệu hóa đơn do Chi cục Thuế đặt in là một nhóm gồm 08 ký tự thể hiện thông tin về: Chi cục Thuế đặt in hóa đơn; năm đặt in hóa đơn; ký hiệu hóa đơn do cơ quan thuế tự xác định căn cứ theo nhu cầu quản lý, cụ thể như sau: - Hai (02) ký tự đầu tiên thể hiện mã của Chi cục Thuế đặt in hóa đơn và được xác định theo Phụ lục I.A ban hành kèm theo Thông tư này; - Hai (02) ký tự tiếp theo là hai chữ cái trong 20 chữ cái in hoa của bảng chữ cái Việt Nam gồm: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y thể hiện ký hiệu hóa đơn do cơ quan thuế tự xác định căn cứ theo nhu cầu quản lý;	
---	---	--

	- Một (01) ký tự tiếp theo là “/” để phân cách; - Ba (03) ký tự tiếp theo gồm hai (02) ký tự đầu là hai chữ số Ả rập thể hiện năm Chi cục Thuế đặt in hóa đơn, được xác định theo 02 chữ số cuối của năm dương lịch và một (01) ký tự là chữ cái P thể hiện hóa đơn do Chi cục Thuế đặt in. Ví dụ: năm Chi cục Thuế đặt in là năm 2025 thì thể hiện là số 25P; năm Chi cục Thuế đặt in hóa đơn là năm 2026 thì thể hiện là số 26P; - Ví dụ thể hiện các ký tự của ký hiệu mẫu hóa đơn do Chi cục Thuế đặt in và ký hiệu hóa đơn do Chi cục Thuế đặt in: Ký hiệu mẫu hóa đơn “01GTKT3/001”, Ký hiệu hóa đơn “01AA/25P”: được hiểu là mẫu số 001 của hóa đơn giá trị gia tăng có 3 liên do Chi cục Thuế đặt in năm 2025. c) Liên hóa đơn do Chi cục Thuế đặt in là các tờ trong cùng một số hóa đơn. Mỗi số hóa đơn có 3 liên trong đó: - Liên 1: Lưu; - Liên 2: Giao cho người mua; - Liên 3: Nội bộ.	
Điều 8. Nội dung hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế 1. Nội dung hóa đơn	Điều 7. Nội dung hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế 1. Nội dung hóa đơn	Gồm 04 khoản, kế thừa toàn bộ quy định tại Điều 7 Thông tư số 32/2025/TT-BTC.

a) Phần A dành cho doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế lập khi bán hàng hóa, phần này gồm các nội dung sau: a.1) Tên hóa đơn: HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIỂM TỜ KHAI HOÀN THUẾ; a.2) Ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn; a.3) Thông tin về doanh nghiệp bán hàng gồm: Tên, địa chỉ, mã số thuế; a.4) Thông tin về khách hàng gồm: Họ tên, quốc tịch, thông tin về số hộ chiếu, ngày cấp hộ chiếu, ngày hết hạn hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh; a.5) Thông tin về hàng hóa gồm: Tên hàng hóa, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa; thành tiền chưa có thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng. Tên hàng hóa ghi rõ: nhãn hiệu, ký hiệu hàng hóa (số seri, model (nếu có), xuất xứ hàng hóa áp dụng đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập	a) Phần A dành cho doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế lập khi bán hàng hóa, phần này gồm các nội dung sau: a.1) Tên hóa đơn: HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIỂM TỜ KHAI HOÀN THUẾ; a.2) Ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn; a.3) Thông tin về doanh nghiệp bán hàng gồm: Tên, địa chỉ, mã số thuế; a.4) Thông tin về khách hàng gồm: Họ tên, quốc tịch, thông tin về số hộ chiếu, ngày cấp hộ chiếu, ngày hết hạn hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh; a.5) Thông tin về hàng hóa gồm: Tên hàng hóa, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa; thành tiền chưa có thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng. Tên hàng hóa ghi rõ: nhãn hiệu, ký hiệu hàng hóa (số seri, model (nếu có), xuất xứ hàng hóa áp dụng đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, số máy áp dụng đối với mặt hàng cơ khí điện tử).	
---	--	--

khẩu, số máy áp dụng đối với mặt hàng cơ khí điện tử). a.6) Chữ ký số người bán, chữ ký của người mua trên bản hiển thị của hóa đơn điện tử. b) Phần B dành cho cơ quan hải quan lập để ghi kết quả kiểm tra hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa, tính số thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn, phần này gồm các nội dung sau: b.1) Số thứ tự hàng hóa; b.2) Tên hàng; b.3) Số lượng; b.4) Số tiền thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế; b.5) Số tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định; b.6) Thời điểm công chức hải quan kiểm tra: ghi rõ ngày, tháng, năm; b.7) Tên, chữ ký của công chức hải quan kiểm tra. c) Phần C dành cho Ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế lập, phần này gồm các nội dung:	a.6) Chữ ký số người bán, chữ ký của người mua trên bản hiển thị của hóa đơn điện tử. b) Phần B dành cho cơ quan hải quan lập để ghi kết quả kiểm tra hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa, tính số thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn, phần này gồm các nội dung sau: b.1) Số thứ tự hàng hóa; b.2) Tên hàng; b.3) Số lượng; b.4) Số tiền thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế; b.5) Số tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định; b.6) Thời điểm công chức hải quan kiểm tra: ghi rõ ngày, tháng, năm; b.7) Tên, chữ ký của công chức hải quan kiểm tra. c) Phần C dành cho Ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế lập, phần này gồm các nội dung: c.1) Số hiệu, ngày tháng chuyển bay/chuyển tàu của người nước ngoài xuất cảnh;	
--	--	--

c.1) Số hiệu, ngày tháng chuyến bay/chuyến tàu của người nước ngoài xuất cảnh; c.2) Số tiền thuế hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh; c.3) Hình thức thanh toán: ghi rõ số tiền thanh toán theo từng hình thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc thẻ quốc tế (ghi rõ tên thẻ, số thẻ); c.4) Thời điểm thanh toán: ghi rõ ngày, tháng, năm. 2. Chữ viết hiển thị trên hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế là tiếng Việt và tiếng Anh được đặt bên phải trong ngoặc đơn () hoặc ngay dưới dòng tiếng Việt và có cỡ chữ bằng hoặc nhỏ hơn chữ tiếng Việt. 3. Các nội dung khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số .../.../ND-CP. Riêng nội dung về ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này. 4. Mẫu hiển thị hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế được quy định tại Mẫu số 01/GTGT-TKHT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.	c.2) Số tiền thuế hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh; c.3) Hình thức thanh toán: ghi rõ số tiền thanh toán theo từng hình thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc thẻ quốc tế (ghi rõ tên thẻ, số thẻ); c.4) Thời điểm thanh toán: ghi rõ ngày, tháng, năm. 2. Chữ viết hiển thị trên hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế là tiếng Việt và tiếng Anh được đặt bên phải trong ngoặc đơn () hoặc ngay dưới dòng tiếng Việt và có cỡ chữ bằng hoặc nhỏ hơn chữ tiếng Việt. 3. Các nội dung khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 12 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7, khoản 9 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP). Riêng nội dung về ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư này. 4. Mẫu hiển thị hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế được ban hành kèm theo Thông tư này.	
--	---	--

Điều 9. Chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử

1. Người nộp thuế đang sử dụng hóa đơn điện tử không có mã nếu có nhu cầu chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì thực hiện thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Người nộp thuế thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã theo quy định tại Điều 8 Nghị định số .../2026/NĐ-CP nếu thuộc trường hợp được xác định rủi ro cao về thuế theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về áp dụng rủi ro trong quản lý thuế và được cơ quan thuế thông báo theo Mẫu số 01/TB-KTT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này về việc chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì phải chuyển đổi sang áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế. Trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế thông báo, người nộp thuế phải thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử (chuyển từ sử dụng hóa đơn điện tử không có mã sang hóa

Điều 8. Chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử

1. Người nộp thuế đang sử dụng hóa đơn điện tử không có mã nếu có nhu cầu chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì thực hiện thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP).

2. Người nộp thuế thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Quản lý thuế nếu thuộc trường hợp được xác định rủi ro cao về thuế theo quy định tại Thông tư số 31/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về áp dụng rủi ro trong quản lý thuế và được cơ quan thuế thông báo (Mẫu số 01/TB-KTT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) về việc chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì phải chuyển đổi sang áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế. Trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế thông báo, người nộp thuế phải thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử (chuyển từ sử dụng hóa đơn

Gồm 02 khoản, kế thừa toàn bộ quy định tại Điều 8 Thông tư số 32/2025/TT-BTC, có hoàn thiện câu chữ để phù hợp với Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

đơn điện tử có mã của cơ quan thuế) theo quy định tại Điều 3 Thông tư này. Sau 12 tháng kể từ thời điểm chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, nếu người nộp thuế có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử không có mã thì người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 3 Thông tư này, cơ quan thuế căn cứ quy định tại Điều 8 Nghị định số .../2026/NĐ-CP và quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về áp dụng rủi ro trong quản lý thuế để xem xét, chấp nhận hoặc không chấp nhận.	điện tử không có mã sang hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế) theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP). Sau 12 tháng kể từ thời điểm chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, nếu người nộp thuế có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử không có mã thì người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP), cơ quan thuế căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Quản lý thuế và quy định tại Thông tư số 31/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính để xem xét, chấp nhận hoặc không chấp nhận.	
Điều 10. Tiêu chí xác định người nộp thuế có rủi ro cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử 1. Trường hợp kết quả đối chiếu thông tin khớp đúng, người nộp thuế xác nhận trên Trang thông tin điện tử của Cục Thuế đúng thời hạn nhưng người nộp thuế có một trong những dấu hiệu sau thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này như sau:	Điều 9. Tiêu chí xác định người nộp thuế rủi ro về thuế cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử 1. Tiêu chí xác định người nộp thuế rủi ro về thuế cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử Trường hợp kết quả đối chiếu thông tin khớp đúng, người nộp thuế xác nhận trên Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế đúng thời hạn nhưng người nộp thuế có một trong những dấu hiệu sau thì thực hiện theo	Gồm 02 khoản, cơ bản kế thừa quy định tại Điều 9 Thông tư số 32/2025/TT-BTC, trong đó: - Nội dung lược bỏ theo quy định hiện hành: Bỏ khoản 2 Điều 9 Thông tư số 32/2025/TT-BTC về tiêu chí xác định người nộp thuế thuộc diện rủi ro rất cao theo mức độ rủi ro người nộp thuế - theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 không còn người nộp thuế thuộc diện rủi ro rất cao.

a) Tiêu chí 1: Người nộp thuế có chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân đồng thời là chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân có kết luận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có hành vi gian lận, mua bán hóa đơn trên cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế. b) Tiêu chí 2: Người nộp thuế có chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân thuộc danh sách có giao dịch đáng ngờ theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền. c) Tiêu chí 3: Người nộp thuế đăng ký địa chỉ trụ sở chính không có địa chỉ cụ thể theo địa giới hành chính hoặc đặt tại chung cư (không bao gồm chung cư được phép sử dụng cho mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật); hoặc địa điểm kinh doanh ngoài phạm vi cấp tỉnh/thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính/chi nhánh.	quy định tại điểm b khoản 11 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP như sau: a) Tiêu chí 1: Người nộp thuế có chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân đồng thời là chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân có kết luận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có hành vi gian lận, mua bán hóa đơn trên cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế. b) Tiêu chí 2: Người nộp thuế có chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân thuộc danh sách có giao dịch đáng ngờ theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền. c) Tiêu chí 3: Người nộp thuế đăng ký địa chỉ trụ sở chính không có địa chỉ cụ thể theo địa giới hành chính hoặc đặt tại chung cư (không bao gồm chung cư được phép sử dụng cho mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật); hoặc địa điểm kinh doanh ngoài phạm vi cấp tỉnh/thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính/chi nhánh.	
---	--	--

d) Tiêu chí 4: Người nộp thuế có người đại diện theo pháp luật hoặc chủ sở hữu đồng thời là người đại diện theo pháp luật hoặc chủ sở hữu của người nộp thuế ở trạng thái “Người nộp thuế ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt mã số thuế” hoặc ở trạng thái “Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”, người nộp thuế có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính. đ) Tiêu chí 5: Người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro khác do cơ quan thuế xác định và có thông báo cho người nộp thuế được biết và giải trình. 2. Để đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong từng thời kỳ, giao Cục Thuế quy định chỉ số tiêu chí nhằm đánh giá, xác định người nộp thuế thuộc diện rủi ro rất cao trên cơ sở đánh giá người nộp thuế trong công tác quản lý thuế.	d) Tiêu chí 4: Người nộp thuế có người đại diện theo pháp luật hoặc chủ sở hữu đồng thời là người đại diện theo pháp luật hoặc chủ sở hữu của người nộp thuế ở trạng thái “Người nộp thuế ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt mã số thuế” hoặc ở trạng thái “Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”, người nộp thuế có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính. đ) Tiêu chí 5: Người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro khác do cơ quan thuế xác định và có thông báo cho người nộp thuế được biết và giải trình. 2. Tiêu chí xác định người nộp thuế thuộc diện rủi ro rất cao theo mức độ rủi ro người nộp thuế Để đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong từng thời kỳ, giao Cục Thuế quy định chỉ số tiêu chí nhằm đánh giá, xác định người nộp thuế thuộc diện rủi ro rất cao trên cơ sở đánh giá người nộp thuế trong công tác quản lý thuế.	
Điều 11. Các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử		- Thông tư số 32/2025/TT-BTC không có quy định về nội dung này. Gồm 04 khoản, cơ bản kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số

1. Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc các trường hợp sau ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, ngừng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế, ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền:

- a) Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chấm dứt hiệu lực mã số thuế;
- b) Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp cơ quan thuế xác minh và thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký;
- c) Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tạm ngừng kinh doanh; tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo văn bản gửi cơ quan thuế theo Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này;
- d) Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thông báo của cơ quan thuế về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử để thực hiện cưỡng chế nợ thuế;

123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, trong đó:

- **Nội dung sửa đổi:** Thay thế thuật ngữ “doanh nghiệp” bằng “tổ chức kinh tế”;

- **Nội dung lược bỏ quy định hiện hành:**

(1) Bỏ quy định “hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chuyển đổi phương pháp từ kê khai sang phương pháp khoán hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh theo thông báo của cơ quan thuế” – theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 không còn quy định về phương pháp khoán đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

(2) Bỏ cụm từ “thanh tra” – để phù hợp chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế;

- **Nội dung bổ sung:**

(1) Bổ sung trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn “Trường hợp hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân đã được cấp mã số thuế trước ngày 01/7/2025 nhưng thông tin đăng ký thuế của đại diện hộ kinh doanh, đại diện hộ gia đình, cá nhân không khớp đúng với thông tin của

đ) Trường hợp có hành vi sử dụng hóa đơn điện tử để bán hàng nhập lậu, hàng cấm, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế;

e) Trường hợp có hành vi lập hóa đơn điện tử phục vụ mục đích bán không hàng hóa, cung cấp dịch vụ để chiếm đoạt tiền của tổ chức, cá nhân bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện, khởi tố và thông báo cho cơ quan thuế; cơ quan công an, viện kiểm sát, tòa án có văn bản đề nghị cơ quan thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử của tổ chức, cá nhân nêu trên;

g) Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện doanh nghiệp không có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật hoặc trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế người nộp thuế có hành vi vi phạm pháp luật về thuế và hóa đơn;

cá nhân được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không đầy đủ thì cơ quan thuế tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử và người nộp thuế phải thực hiện thay đổi thông tin đăng ký thuế để đảm bảo thông tin khớp đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế theo quy định”,

(2) Bổ sung quy định về “gửi thông báo cho tổ chức nhận ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử” tại trình tự thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử - để đảm bảo tổ chức nhận ủy nhiệm có cơ sở để ngừng lập hóa đơn thay người bán ngay tại thời điểm người bán bị ngừng sử dụng hóa đơn. Tránh trường hợp người bán thuộc trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn nhưng chủ quản nền tảng TMĐT vẫn lập hóa đơn điện tử từ máy tính tiền, giao cho khách trước mà chưa gửi dữ liệu hóa đơn điện tử lên cơ quan thuế;

(3) Bổ sung quy định trường hợp “Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, khi kết thúc năm, tổng doanh thu trong năm thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân.” – do thực tế phát sinh trường hợp

h) Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có thay đổi ngành nghề kinh doanh dẫn đến không đáp ứng điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định tại Điều 7 Nghị định số .../2026/NĐ-CP thì cơ quan thuế ra thông báo người nộp thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền; i) Trường hợp hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân đã được cấp mã số thuế trước ngày 01/7/2025 nhưng thông tin đăng ký thuế của đại diện hộ kinh doanh, đại diện hộ gia đình, cá nhân không khớp đúng với thông tin của cá nhân được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không đầy đủ thì cơ quan thuế tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử và người nộp thuế phải thực hiện thay đổi thông tin đăng ký thuế để đảm bảo thông tin khớp đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế theo quy định;		hộ kinh doanh đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, tuy nhiên khi kết thúc năm tính thuế, tổng doanh thu trong năm thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân.
--	--	--

k) Trong quá trình kiểm tra, nếu cơ quan thuế xác định người nộp thuế có hành vi trốn thuế, người nộp thuế được thành lập để thực hiện mua bán, sử dụng hóa đơn điện tử không hợp pháp hoặc sử dụng không hợp pháp hóa đơn điện tử để trốn thuế theo quy định thì cơ quan thuế ban hành thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử; người nộp thuế bị xử lý theo quy định của pháp luật theo trình tự quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

l) Trường hợp người nộp thuế thuộc diện rủi ro cao theo mức độ rủi ro người nộp thuế thì cơ quan thuế thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;

m) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, khi kết thúc năm tài chính, tổng doanh thu trong năm thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân.

2. Trình tự thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử như sau:

a) Trang thông tin điện tử của Cục Thuế ngừng tiếp nhận hóa đơn điện tử và không gửi thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử đối với người nộp thuế thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 1 Điều này kể từ ngày tổ chức, cá nhân chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc kể từ ngày cơ quan thuế ban hành thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký hoặc quyết định cưỡng chế nợ thu và gửi thông báo cho tổ chức nhận ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử.

b) Trang thông tin điện tử của Cục Thuế gửi thông báo điện tử về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử, ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền (theo Mẫu số 01/TB-NSD Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này) và ngừng tiếp nhận hóa đơn điện tử, ngừng tiếp nhận hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với người nộp thuế này thuộc trường hợp quy định tại điểm c, điểm h khoản 1 Điều này khi nhận được thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tạm ngừng kinh doanh hoặc văn

bản của người nộp thuế về việc tạm ngừng kinh doanh hoặc tạm ngừng sử dụng hóa đơn; khi cơ quan thuế xác định thông tin người nộp thuế không khớp đúng hoặc khi cơ quan thuế xác định doanh thu trong năm thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân và gửi thông báo cho tổ chức nhận ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử.

c) Thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp ban hành thông báo điện tử về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử đến người nộp thuế thuộc trường hợp quy định tại điểm e kể từ ngày cơ quan thuế nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền, điểm i, điểm m khoản 1 Điều này theo Mẫu số 01/TB-NSD Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và gửi thông báo cho tổ chức nhận ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử.

d) Thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp gửi thông báo điện tử đến người nộp thuế thuộc trường hợp quy định tại điểm đ, điểm g khoản 1 Điều này trong thời gian 01 ngày làm việc sau khi nhận được thông

báo của cơ quan có thẩm quyền gửi cơ quan thuế hoặc ngay sau khi xác định người nộp thuế thuộc diện rủi ro rất cao theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều này để yêu cầu người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu liên quan đến việc sử dụng hóa đơn điện tử.

d.1) Người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo điện tử. Người nộp thuế có thể đến cơ quan thuế giải trình trực tiếp hoặc bổ sung thông tin, tài liệu hoặc bằng văn bản.

d.2) Người nộp thuế tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử hoặc giải trình bổ sung, cụ thể:

d.2.1) Trường hợp người nộp thuế đã giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu đầy đủ và chứng minh được việc sử dụng hóa đơn điện tử theo đúng quy định pháp luật thì người nộp thuế tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử.

d.2.2) Trường hợp người nộp thuế đã giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu mà không chứng minh được việc sử dụng hóa đơn điện tử theo

đúng quy định pháp luật thì ngay trong ngày làm việc, cơ quan thuế tiếp tục gửi thông báo lần 2 yêu cầu người nộp thuế bổ sung thông tin, tài liệu. Người nộp thuế thực hiện giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo điện tử lần 2.

d.3) Hết thời hạn theo thông báo mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu thì cơ quan thuế ban hành thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế theo Mẫu số 01/TB-NSD Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và xử lý theo quy định.

3. Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh nêu tại khoản 1 Điều này được tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử sau khi thông báo với cơ quan thuế về việc tiếp tục kinh doanh hoặc được cơ quan thuế khôi phục mã số thuế cơ quan thuế ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế

bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn hoặc khi có thông báo của cơ quan chức năng. 4. Trường hợp tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh đang trong thời hạn tạm ngừng kinh doanh cần có hóa đơn điện tử giao cho người mua để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày tạm ngừng kinh doanh thì doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử cấp theo từng lần phát sinh theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8 Nghị định .../2026/NĐ-CP.		
Điều 12. Biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ và thực hiện khen thưởng người tiêu dùng tổ giác người bán không lập và giao hóa đơn điện tử 1. Cơ quan thuế sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử để thực hiện triển khai các biện pháp khuyến khích người mua lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ để đảm bảo thu hút, lan tỏa, xây dựng thói quen lấy hóa đơn khi tiêu dùng, bao gồm:	Điều 3. Tổ chức thực hiện biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ 1. Cục Thuế sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử để xây dựng, triển khai chương trình hóa đơn may mắn đối với những hóa đơn điện tử có người mua là người tiêu dùng (là cá nhân). 2. Cục Thuế xây dựng phương án tổ chức, tần suất quay thưởng, giá trị giải thưởng chương trình hóa đơn may mắn trên cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử báo cáo Bộ	Đối với nội dung “thực hiện khen thưởng người tiêu dùng tổ giác người bán không lập và giao hóa đơn điện tử” là nội dung mới được giao tại khoản 7 Điều 26 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

a) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến lợi ích, quyền lợi của người tiêu dùng được lấy hóa đơn điện tử khi mua hàng hóa, dịch vụ của cơ sở kinh doanh đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định pháp luật. b) Tổ chức chương trình hóa đơn may mắn đối với những hóa đơn điện tử có người mua là người tiêu dùng là cá nhân không kinh doanh để trao thưởng cho người tiêu dùng là cá nhân không kinh doanh bằng giải thưởng tiền mặt. 2. Cục Thuế xây dựng phương án tổ chức, tần suất quay thưởng, giá trị giải thưởng chương trình hóa đơn may mắn trên cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử. 3. Khen thưởng người tiêu dùng cung cấp thông tin về hành vi không lập, không giao hóa đơn điện tử a) Cục Thuế tổ chức tiếp nhận, quản lý và xử lý thông tin do người tiêu dùng (là cá nhân) cung cấp về hành vi của tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không lập hóa đơn điện tử hoặc không giao hóa đơn điện tử cho người mua theo quy	trưởng Bộ Tài chính xem xét phê duyệt trước khi thực hiện.	
---	---	--

định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ.

b) Thông tin được tiếp nhận thông qua Trang thông tin điện tử của cơ quan thuế, ứng dụng hóa đơn điện tử, đường dây nóng hoặc các phương thức điện tử khác do Cục Thuế công bố; bảo đảm công khai, thuận tiện và bảo mật thông tin người cung cấp.

c) Người cung cấp thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung cung cấp; trường hợp cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm vu khống, gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Người tiêu dùng được xem xét khen thưởng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

d.1) Thông tin cung cấp đầy đủ, rõ ràng, có căn cứ xác minh;

d.2) Cơ quan thuế xác định có hành vi vi phạm và đã ban hành quyết định xử lý theo quy định của pháp luật;

d.3) Thông tin do người tiêu dùng cung cấp là căn cứ quan trọng, trực tiếp phục vụ việc phát hiện và xử lý vi phạm.

đ) Mức khen thưởng được thực hiện theo khung cố định như sau:

đ.1) Trường hợp vi phạm hành chính thông thường, mức thưởng tối đa không quá 1.000.000 đồng/vụ việc;

đ.2) Trường hợp vi phạm có tính chất nghiêm trọng, có tình tiết tăng nặng hoặc có giá trị hàng hóa, dịch vụ lớn, mức thưởng tối đa không quá 5.000.000 đồng/vụ việc;

đ.3) Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định nhưng không quá 10.000.000 đồng/vụ việc.

e) Mỗi vụ việc chỉ xem xét khen thưởng một lần; trường hợp có nhiều người cùng cung cấp thông tin về cùng một hành vi vi phạm thì việc khen thưởng được xem xét đối với người cung cấp thông tin đầu tiên hoặc người có thông tin đầy đủ, giá trị nhất theo xác nhận của cơ quan thuế.

g) Việc chi trả tiền thưởng được thực hiện sau khi quyết định xử lý vi phạm đã có hiệu lực pháp luật và số tiền truy thu, tiền phạt (nếu có) đã được nộp vào ngân sách nhà nước.

h) Kinh phí thực hiện khen thưởng được bố trí trong dự toán chi quản lý thuế hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

i) Danh tính, thông tin cá nhân của người cung cấp thông tin được bảo mật theo quy định của pháp luật; cơ quan thuế không công khai thông tin người cung cấp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Cục Thuế quy định cụ thể quy trình tiếp nhận, xác minh thông tin, thẩm quyền quyết định khen thưởng, thủ tục chi trả và trách nhiệm của các đơn vị thuộc và trực thuộc trong việc thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Ngân sách nhà nước hằng năm bảo đảm ưu tiên bố trí kinh phí cho cơ quan quản lý thuế triển khai các biện pháp, nhiệm vụ quy định trên.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ tình hình kinh tế - xã hội và

ngân sách của địa phương để tổ chức triển khai hóa đơn may mắn tại địa bàn trong trường hợp cần thiết.		
Điều 13. Đăng ký sử dụng chứng từ điện tử 1. Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số, tổ chức thu các khoản thuế, phí, lệ phí trước khi sử dụng chứng từ điện tử theo khoản 1 Điều 21 Nghị định số .../2026/NĐ-CP thì thực hiện đăng ký sử dụng qua Trang thông tin điện tử của Cục Thuế, Cục Hải quan hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử. Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc đối tượng được miễn phí dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số .../2026/NĐ-CP thì được lựa chọn đăng ký sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử, chứng từ điện tử thông qua Trang thông tin điện tử của Cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Cục Thuế ủy thác cung cấp dịch vụ		- Thông tư số 32/2025/TT-BTC không có quy định về nội dung này; - Gồm 04 khoản, cơ bản kế thừa quy định tại Điều 34 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, trong đó: - Nội dung sửa đổi: Thay thế cụm từ “<i>không phải trả tiền dịch vụ</i>” thành “<i>miễn phí dịch vụ</i>”.

chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử miễn phí dịch vụ.

Nội dung thông tin đăng ký theo Mẫu số 01/ĐKTD-CTĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Trang thông tin điện tử của Cục Thuế, Cục Hải quan gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-TNĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng chứng từ điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử đối với trường hợp đăng ký sử dụng chứng từ điện tử thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

Trang thông tin điện tử của Cục Thuế, Cục Hải quan gửi thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-TNĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng chứng từ điện tử cho tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, tổ chức thu các khoản phí, lệ phí, qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan quản lý thuế đối với trường hợp đăng ký sử dụng chứng từ điện tử trực tiếp tại Trang thông tin điện tử của Cục Thuế, Cục Hải quan.

2. Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký sử dụng chứng từ điện tử, cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm gửi Thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử và gửi thông báo điện tử trực tiếp đến tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế; tổ chức thu các khoản phí, lệ phí về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký sử dụng chứng từ điện tử.
3. Kể từ thời điểm cơ quan quản lý thuế chấp nhận đăng ký sử dụng chứng từ điện tử theo quy định tại Thông tư này, tổ chức nêu tại khoản 1 Điều này phải ngừng sử dụng chứng từ điện tử đã thực hiện theo các quy định trước đây, tiêu hủy những chứng từ giấy còn tồn chưa sử dụng (nếu có) theo quy định.
4. Trường hợp có thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng chứng từ điện tử tại khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước thực hiện thay đổi thông tin và gửi lại cơ quan quản lý thuế theo Mẫu số

01/ĐKTD-CTĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này qua Trang thông tin điện tử của Cục Thuế, Cục Hải quan hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử, Trang thông tin điện tử của Cục Thuế, Cục Hải quan tiếp nhận mẫu đăng ký thay đổi thông tin và cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.		
Điều 14. Định dạng chứng từ điện tử 1. Các loại chứng từ quy định tại Điều 21 Nghị định .../2026/NĐ-CP phải thực hiện theo định dạng sau: a) Định dạng chứng từ điện tử sử dụng ngôn ngữ định dạng văn bản XML (XML là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "eXtensible Markup Language" được tạo ra với mục đích chia sẻ dữ liệu điện tử giữa các hệ thống công nghệ thông tin); b) Định dạng chứng từ điện tử gồm hai thành phần: thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ chứng từ điện tử và thành phần chứa dữ liệu chữ ký số; c) Cục Thuế, Cục Hải quan xây dựng và công bố thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ chứng từ điện tử,		- Thông tư số 32/2025/TT-BTC không có quy định về nội dung này; - Gồm 02 khoản, kế thừa toàn bộ quy định tại Điều 33 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

thành phần chứa dữ liệu chữ ký số và cung cấp công cụ hiển thị các nội dung của chứng từ điện tử theo quy định tại Thông tư này. 2. Chứng từ điện tử phải được hiển thị đầy đủ, chính xác các nội dung của chứng từ đảm bảo không dẫn tới cách hiểu sai lệch để người sử dụng có thể đọc được bằng phương tiện điện tử.		
Điều 15. Ký hiệu mẫu, ký hiệu chứng từ điện tử và mẫu chứng từ điện tử tham khảo 1. Chứng từ trong lĩnh vực quản lý thuế, phí, lệ phí của cơ quan quản lý thuế bao gồm: a) Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, chứng từ khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số. a.1) Ký hiệu mẫu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử gồm có 06 ký tự là 03TNCN. a.2) Ký hiệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử gồm 06 ký tự gồm cả chữ viết và chữ số được quy định như sau:		- Thông tư số 32/2025/TT-BTC không có quy định nội dung này; - Gồm 02 khoản, cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, trong đó: - Nội dung bổ sung: (1) Bổ sung ký tự tại ký hiệu mẫu chứng từ khấu trừ thuế TNCN thành 06 ký tự; (2) Bổ sung hai ký tự cuối tại ký hiệu chứng từ khấu trừ thuế TNCN là chữ viết do tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế tự xác định căn cứ theo nhu cầu quản lý; (3) Bổ sung ví dụ ký tự chứng từ khấu trừ thuế TNCN;

+ Hai chữ đầu “CT” là chữ viết tắt của chứng từ; + Hai ký tự tiếp theo là hai (02) chữ số Ả-rập thể hiện năm lập chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử được xác định theo 2 chữ số cuối của năm dương lịch; + Hai ký tự cuối là chữ viết do tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế tự xác định căn cứ theo nhu cầu quản lý. Trường hợp tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế sử dụng nhiều mẫu chứng từ điện tử trong cùng một loại chứng từ thì sử dụng hai ký tự cuối để phân biệt các mẫu chứng từ. Ví dụ: 03TNCNCT26AA: Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử lập và cấp cho người nộp thuế trong năm 2026. - Số chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử là số thứ tự được thể hiện trên chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử. Số chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử được ghi bằng chữ số Ả-rập có tối đa 8 chữ số bắt đầu từ số 1 vào ngày 01 tháng 01 hoặc ngày bắt đầu sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu		(4) Chuyển phân ký hiệu mẫu biên lai và ký hiệu biên lai từ Phụ lục lên quy định tại dự thảo. - Nội dung sửa đổi: Ký hiệu mẫu biên lai sửa thành 05 ký tự.
--	--	---

nhập cá nhân điện tử và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

- Tại bản thể hiện, ký hiệu mẫu, ký hiệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử và số chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử được thể hiện ở phía trên bên phải của chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (hoặc ở vị trí dễ nhận biết).

2. Biên lai

Ký hiệu mẫu biên lai là các thông tin thể hiện tên loại biên lai và số thứ tự mẫu trong một loại biên lai (một loại biên lai có thể có nhiều mẫu).

Ký hiệu biên lai là dấu hiệu phân biệt biên lai bằng hệ thống các chữ cái tiếng Việt và 02 chữ số cuối của năm.

a) Ký hiệu mẫu biên lai có 05 ký tự, gồm:

- 02 ký tự đầu thể hiện loại biên lai (01 là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí có sẵn mệnh giá; 02 là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí).

- 03 ký tự tiếp theo thể hiện tên biên lai ("BLP").

- 03 ký tự cuối là số thứ tự của mẫu trong một loại biên lai.

Ví dụ: Ký hiệu 01BLP được hiểu là: biên lai thu thuế, phí, lệ phí (loại có sẵn mệnh giá)

b) Ký hiệu biên lai gồm 06 ký tự:

- 02 ký tự đầu là mã khu vực theo quy định tại Mẫu số 01/MBL ban hành kèm theo Thông tư này và chỉ áp dụng đối với biên lai của cơ quan thuế.

02 TC là biên lai thu phí, lệ phí do tổ chức tự đăng ký sử dụng;

- 02 ký tự tiếp theo là nhóm hai trong 20 chữ cái in hoa của bảng chữ cái tiếng Việt bao gồm: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y dùng để phân biệt các ký hiệu biên lai. Đối với biên lai do cơ quan thu phí, lệ phí sử dụng thì 02 ký tự này là 02 ký tự đầu của ký hiệu biên lai.

- 02 ký tự tiếp theo thể hiện năm in biên lai. Ví dụ: biên lai in năm 2026 thì ghi là 26.

Ví dụ:

Ký hiệu 01AA26 được hiểu là biên lai thu phí, lệ phí do cơ quan thuế đặt in năm 2026.

Ký hiệu TCAB26 được hiểu là biên lai thu phí, lệ phí do tổ chức thu phí, lệ phí đăng ký sử dụng.		
Điều 16. Sử dụng chứng từ Thuế tỉnh, thành phố khởi tạo biên lai thuế điện tử Mẫu CTT50 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này để sử dụng thu thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân.	Điều 10. Sử dụng chứng từ Chi cục Thuế khởi tạo biên lai thuế điện tử Mẫu CTT50 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này để sử dụng thu thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân.	Gồm 01 khoản, kế thừa toàn bộ quy định Điều 10 Thông tư số 32/2025/TT-BTC. Có chỉnh lý câu chữ để phù hợp với tổ chức bộ máy cơ quan thuế hiện nay.
Điều 17. Xử lý chứng từ điện tử đã lập Trường hợp chứng từ điện tử đã lập sai thì tổ chức khấu trừ thuế thực hiện xử lý chứng từ điện tử đã lập theo nguyên tắc tương tự xử lý hóa đơn điện tử đã lập quy định tại Điều 6 Thông tư này. Thông báo chứng từ đã lập sai theo Mẫu số 04/SS-CTĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.		- Thông tư số 32/2025/TT-BTC không có quy định nội dung này; - Gồm 01 khoản, kế thừa toàn bộ quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.
Điều 18. Ủy nhiệm lập biên lai điện tử 1. Tổ chức thu phí, lệ phí ủy nhiệm cho bên thứ ba lập biên lai. Việc ủy nhiệm giữa bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm phải theo hình thức		- Thông tư số 32/2025/TT-BTC không có quy định nội dung này; - Gồm 04 khoản, kế thừa toàn bộ quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ

văn bản, đồng thời phải gửi thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm phải thông báo cho cơ quan thuế khi đăng ký sử dụng biên lai điện tử theo Mẫu số 01/DKTD-CTĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; 2. Nội dung văn bản ủy nhiệm phải ghi đầy đủ các thông tin về biên lai ủy nhiệm (hình thức, loại, ký hiệu, số lượng biên lai (từ số... đến số...)); mục đích ủy nhiệm; thời hạn ủy nhiệm; phương thức giao nhận hoặc phương thức cài đặt biên lai ủy nhiệm (nếu là biên lai tự in hoặc điện tử); phương thức thanh toán biên lai ủy nhiệm; 3. Trường hợp tổ chức thu phí, lệ phí có nhiều đơn vị trực thuộc trực tiếp thu phí hoặc nhiều cơ sở nhận ủy nhiệm thu cùng sử dụng hình thức biên lai có cùng ký hiệu theo phương thức phân chia cho từng cơ sở trong toàn hệ thống thì tổ chức thu phí, lệ phí phải có phương án phân bổ số lượng biên lai cho từng đơn vị trực thuộc, từng cơ sở nhận ủy nhiệm. Các đơn vị trực thuộc, cơ		sung tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.
--	--	---

sở nhận ủy nhiệm phải sử dụng biên lai theo thứ tự từ số nhỏ đến số lớn trong phạm vi số biên lai được phân chia; 4. Trường hợp chấm dứt trước hạn ủy nhiệm, hai bên phải xác định bằng văn bản, đồng thời thông báo cho cơ quan thuế và niêm yết tại nơi thu phí, lệ phí.		
Điều 19. Cung cấp, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử 1. Nội dung thông tin hóa đơn điện tử được cung cấp là các nội dung của hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 9 Nghị định số .../.../NĐ-CP và tình trạng hóa đơn điện tử. 2. Thông tin hóa đơn điện tử được cơ quan thuế cung cấp dưới dạng văn bản hoặc dữ liệu điện tử.		
Điều 20. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Hệ thống thông tin quản lý thuế 1. Bên sử dụng thông tin là các tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; các tổ chức, cá nhân là người mua hàng hóa, dịch		- Thông tư số 32/2025/TT-BTC không có quy định nội dung này; - Kế thừa toàn bộ quy định tại Điều 47 đến Điều 51 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

vụ khai thác thông tin từ hóa đơn điện tử theo các nội dung thông tin từ Hệ thống thông tin quản lý thuế của Cục Thuế. 2. Bên sử dụng thông tin là các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tín dụng, tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: tra cứu, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử theo phạm vi, thời gian, trách nhiệm và quyền truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế về hóa đơn điện tử được quy định cụ thể tại văn bản thống nhất giữa hai bên. Bên sử dụng thông tin nêu tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm phân công đầu mỗi đăng ký sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (sau đây gọi tắt là đầu mỗi đăng ký) và thông báo cho Cục Thuế bằng văn bản. 3. Cục Thuế, Thuế tỉnh/thành phố thực hiện cấp tối đa 02 tài khoản khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử cho người sử dụng của cơ quan, tổ chức quản lý đồng cấp theo văn bản giữa các bên.		
Điều 21. Đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài		

khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế để khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử

1. Đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin gửi 01 văn bản đến Cục Thuế hoặc Thuế tỉnh/thành phố để đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung thông tin hoặc thu hồi tài khoản theo Mẫu số 01/CCTT-ĐK Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Cục Thuế hoặc Thuế tỉnh/thành phố thực hiện việc cấp tài khoản mới hoặc bổ sung thông tin của tài khoản hoặc thu hồi tài khoản và thông báo cho bên sử dụng thông tin bằng văn bản. Trường hợp không chấp nhận đăng ký tài khoản hoặc không bổ sung thời hạn sử dụng của tài khoản phải nêu rõ lý do.

Các tài khoản đăng ký mới cấp cho từng cá nhân được thông báo bằng hình thức gửi thư điện tử.

3. Thời hạn sử dụng tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế đối với cả trường hợp đăng ký mới và bổ sung thông tin là 12 tháng

hoặc do bên sử dụng thông tin đề nghị nhưng không quá 12 tháng tính từ ngày Cục Thuế hoặc Thuế tỉnh/thành phố gửi văn bản thông báo kết quả đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng cho đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin.		
Điều 22. Chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử 1. Cục Thuế, Thuế tỉnh/thành phố thực hiện việc thu hồi tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế trong các trường hợp sau: a) Khi có đề nghị từ đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin; b) Thời hạn sử dụng đã hết; c) Tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế không thực hiện việc tra cứu thông tin trong thời gian 06 tháng liên tục; d) Phát hiện trường hợp sử dụng thông tin hóa đơn điện tử không đúng mục đích, phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của bên sử dụng thông tin, không đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.		

2. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước thời điểm chính thức chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử của bên sử dụng thông tin (trừ trường hợp đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin có đề nghị bằng văn bản), Cục Thuế, Thuế tỉnh/thành phố thông báo bằng hình thức điện tử cho bên sử dụng thông tin về việc chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.		
Điều 23. Hiệu lực thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026. 2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết.	Điều 12. Điều khoản thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2025 và thay thế Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. ... 8. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.	

Điều 24. Xử lý chuyển tiếp 1. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử đã ký hợp đồng cung cấp nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn với Tổng cục Thuế (từ 01 tháng 3 năm 2025 là Cục Thuế) trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký. 2. Kể từ thời điểm doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số .../.../NĐ-CP và quy định tại Thông tư này, nếu phát hiện hóa đơn đã lập theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính mà hóa đơn đã lập sai thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai và lập hóa đơn điện tử mới (hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã) thay thế cho hóa đơn đã lập sai. Hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập sai phải có dòng chữ “Thay thế cho	Điều 12. Điều khoản thi hành ... 2. Kể từ thời điểm Nghị định số 70/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân phải ngừng sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử đã thực hiện theo các quy định trước đây và chuyển sang áp dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử theo quy định tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức, cá nhân sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử theo quy định tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, nếu phát hiện chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đã lập theo các quy định trước đây bị sai thì lập chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử mới thay thế cho chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đã lập sai. 3. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử đã ký hợp đồng cung cấp nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn với Tổng cục Thuế (từ 01 tháng 3 năm 2025 là Cục Thuế) trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký. 4. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	- Bổ sung quy định về các trường hợp sử dụng mẫu của cơ quan thuế như sau: (1) Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có nhu cầu cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số .../2026/NĐ-CP thì gửi đơn đề nghị theo Mẫu số 06/ĐN-PSĐT Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này và truy cập vào Hệ thống thông tin quản lý thuế để lập hóa đơn điện tử. (2) Doanh nghiệp kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại điểm q khoản 4 Điều 10 Nghị định số .../2026/NĐ-CP thì chuyển dữ liệu theo Mẫu số 01/TH-DT Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan thuế. (3) Phương thức Tổ chức kinh tế chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm a.1 khoản 3 Điều 16 Nghị định số/2026/NĐ-CP thực hiện chuyển dữ liệu tổng hợp theo Mẫu số 01/TH-HĐĐT Phụ lục V ban hành
---	--	--

hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”. Người bán ký số trên hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn đã lập sai (hóa đơn lập theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính) để gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã) hoặc người bán gửi cơ quan thuế để được cấp mã cho hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).

3. Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có nhu cầu cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số .../2026/NĐ-CP thì gửi đơn đề nghị theo Mẫu số 06/ĐN-PSĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và truy cập vào Hệ thống thông tin quản lý thuế để lập hóa đơn điện tử.

4. Doanh nghiệp kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại điểm q khoản 4 Điều 10 Nghị định số .../2026/NĐ-CP

trực tiếp đến người tiêu dùng thuộc đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP sử dụng hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền từ thời điểm cơ quan thuế chấp nhận đăng ký sử dụng, bao gồm cả trường hợp đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền với cơ quan thuế trước ngày 01 tháng 6 năm 2025.

5. Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng thuộc đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử với cơ quan thuế nhưng chưa đảm bảo là hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc dữ liệu điện tử (bao gồm các thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế người bán; tên, địa chỉ, mã số thuế/số định danh cá nhân/số điện thoại của người mua (nếu người mua yêu cầu); tên hàng hóa, dịch vụ, đơn giá, số lượng, giá thanh toán (giá bán chưa thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán có thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ); thời điểm lập hóa đơn và theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại

kèm theo Thông tư này đến cơ quan thuế.

- Bộ quy định hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng thuộc đối tượng sử dụng hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền – do đã đưa quy định này lên Nghị định quy định hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

- Bộ quy định trường hợp doanh nghiệp có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng thuộc đối tượng phải sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử với cơ quan thuế nhưng chưa đảm bảo là hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc dữ liệu điện tử; thời điểm lập hóa đơn và theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định – do đã đưa quy định này lên Nghị định quy định hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

chuyển dữ liệu theo Mẫu số 01/TH-DT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan thuế.

5. Tổ chức kinh tế chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm a.1 khoản 3 Điều 16 Nghị định số/2026/NĐ-CP thực hiện chuyển dữ liệu tổng hợp theo Mẫu số 01/TH-HĐĐT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan thuế.

Điều 12 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP)) thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định.

6. Kể từ thời điểm doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) và quy định tại Thông tư này, nếu phát hiện hóa đơn đã lập theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính mà hóa đơn đã lập sai thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội

dung sai và lập hóa đơn điện tử mới (hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã) thay thế cho hóa đơn đã lập sai. Hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập sai phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”. Người bán ký số trên hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn đã lập sai (hóa đơn lập theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số

	04/2014/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính) để gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã) hoặc người bán gửi cơ quan thuế để được cấp mã cho hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế). 7. Thông tư này gồm 04 Phụ lục: Phụ lục I áp dụng đối với hóa đơn, biên lai đặt in, tự in (Đối với Phụ lục I.A – Mã hóa đơn, biên lai của Chi cục Thuế phát hành: Trường hợp có thay đổi do sắp xếp lại địa giới hành chính cấp tỉnh dẫn đến thay đổi tên gọi, số lượng Chi cục Thuế thì Bộ Tài chính có văn bản thông báo về mã hóa đơn, biên lai do cơ quan thuế phát hành); Phụ lục II hướng dẫn mẫu ký hiệu trên chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử và mẫu ký hiệu biên lai điện tử; Phụ lục III hướng dẫn mẫu hiển thị một số loại hóa đơn/ biên lai để các tổ chức, doanh nghiệp tham khảo trong quá trình thực hiện; Phụ lục IV hướng dẫn của cơ quan thuế về thông báo về việc tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử và thông báo về việc sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh.	
--	--	--

Tại dự thảo Thông tư có lược bỏ các quy định tại Thông tư số 32/2025/TT-BTC, bao gồm:

- (1) Bỏ quy định về áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác (Điều 6 Thông tư số 32/2025/TT-BTC) – do đưa quy định này lên Nghị định để thống nhất, tạo thuận lợi cho người nộp thuế trong quá trình thực hiện;
- (2) Tiêu chí đối với tổ chức cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử và dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn và các dịch vụ khác có liên quan (Điều 11 Thông tư số 32/2025/TT-BTC) – do đây là quy định có liên quan đến điều kiện, tiêu chí đáp ứng của tổ chức kinh doanh. Do vậy, đã đưa quy định này lên Nghị định quy định hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.